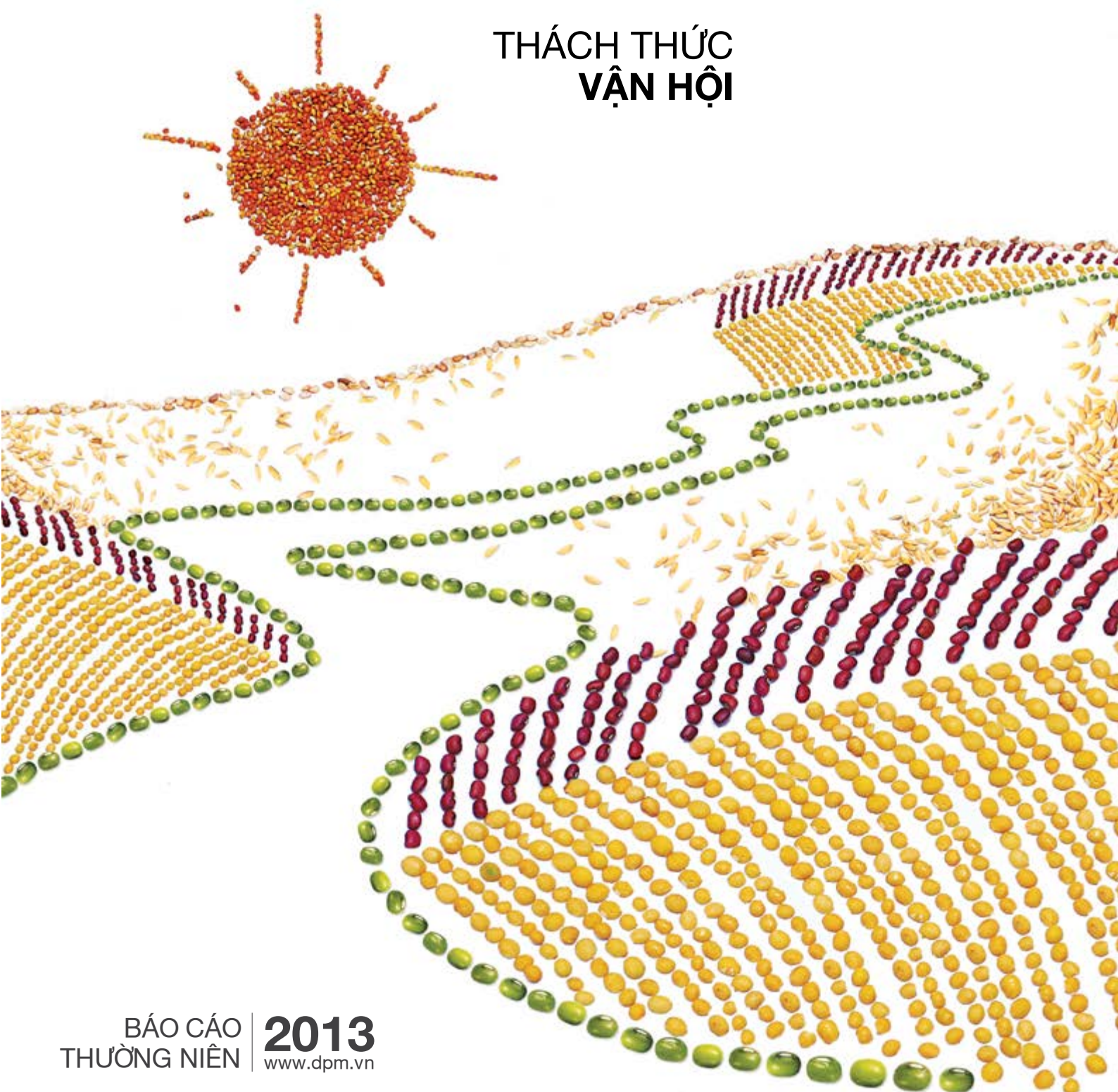




TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

THÁCH THỨC VẬN HỘI



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2013
www.dpm.vn

NỘI DUNG

04 Tầm nhìn - Sứ mệnh
06 Thông điệp của lãnh đạo



08 - 19

GIỚI THIỆU
TỔNG QUAN PVFCCO

- 11 Thông tin chung
- 12 Các cột mốc phát triển quan trọng
- 14 Ngành nghề kinh doanh
- 15 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 16 Các công ty có liên quan
- 18 Các sự kiện và danh hiệu tiêu biểu năm 2013



20 - 41

TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

- 22 Sơ đồ tổ chức
- 24 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 26 Giới thiệu Ban điều hành
- 32 Giới thiệu Ban kiểm soát
- 34 Quản trị chuyên nghiệp dấu ấn thành công của PVFCCo
- 37 Tổ chức và nhân sự
- 40 Chính sách đối với người lao động



42 - 57

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

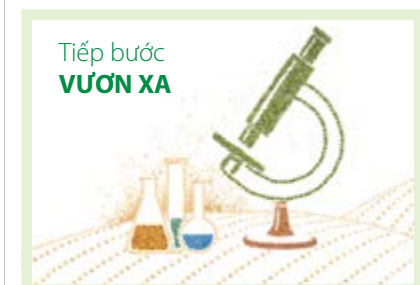
- 44 Thống kê số liệu về sản xuất kinh doanh năm 2013 của Tổng công ty
- 46 Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013
- 54 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc



58 - 67

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013
- 64 Dự báo thị trường phân bón và những thách thức với PVFCCo năm 2014



68 - 81

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 70 Các mục tiêu, định hướng phát triển
- 72 Tình hình quản trị Tổng công ty
- 78 Báo cáo Quản trị rủi ro



82 - 103

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 85 Báo cáo tổng quan về phát triển bền vững
- 91 Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường
- 99 Báo cáo về hoạt động trách nhiệm xã hội năm 2013



104 - 151

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 106 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 108 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 110 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 112 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 113 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 114 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



TẦM NHÌN

PHÁT TRIỂN TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU CỦA VIỆT NAM VÀ TRONG KHU VỰC VỀ LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH PHÂN BÓN, HÓA CHẤT NÔNG DƯỢC VÀ HÓA CHẤT PHỤC VỤ NGÀNH DẦU KHÍ.



SỨ MỆNH

SẢN XUẤT, CUNG ỨNG NGUỒN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT PHONG PHÚ, ĐÁNG TIN CẬY VỚI GIÁ CẢ HỢP LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT CHO KHÁCH HÀNG TRÊN CƠ SỞ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, GÓP PHẦN TÍCH CỰC VÀO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ ĐẤT NƯỚC.





“NĂM 2013 ĐÁNH DẤU
CHẶNG ĐƯỜNG 10 NĂM
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CỦA TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA
CHẤT DẦU KHÍ (PVFCCO)
- MỘT GIAI ĐOẠN VỚI
NHIỀU THÀNH CÔNG
VƯỢT BẬC TỪ QUYẾT TÂM
VÀ NỖ LỰC CỦA CỔ ĐỒNG,
NHÀ ĐẦU TƯ, TẬP THỂ
LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI
LAO ĐỘNG CỦA
TỔNG CÔNG TY.”

Thưa Quý Cổ đông và Nhà đầu tư,

Trong năm qua, nói về những khó khăn, thách thức chung đối với các doanh nghiệp và nền kinh tế có lẽ quý vị hầu như ai cũng đã cảm nhận, nếm trải và thậm chí không ít doanh nghiệp đã “ngắm đờn”. Đối với Tổng công ty những khó khăn thách thức đã lường trước trong những năm gần đây đã ngày càng trở nên mạnh và rõ nét hơn và đã tác động không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013. Trong thông điệp tại Báo cáo thường niên năm trước chúng tôi đã nhìn nhận thách thức lớn nhất đang chờ phía trước chính là cuộc cạnh tranh quyết liệt trên thị trường, khi các nhà máy sản xuất urê mới xây dựng bắt đầu hoạt động ổn định hết công suất, tạo nên nguồn cung thực sự vượt mức cầu. Điều đó đã trở thành hiện thực và yếu tố cạnh tranh khiến mặt bằng giá urê trong nước đã giảm mạnh hơn trước: Theo kế hoạch chúng tôi dự báo giá urê năm 2013 giảm 2% so với năm 2012, nhưng thực tế giá bình quân đã giảm mạnh hơn với mức 6%. Giá bán sản phẩm giảm khiến doanh thu giảm là áp lực lớn đối với chỉ tiêu lợi nhuận và Tổng công ty đã nỗ lực, quyết tâm với những giải pháp nhằm thực hiện được mục tiêu, kế hoạch đã đề ra, có thể điểm qua như sau:

Vận hành nhà máy an toàn, ổn định tối đa. Hoàn thành vượt tiến độ và đạt chất lượng cao đợt bảo dưỡng sửa chữa lớn định kỳ Nhà máy đạm Phú Mỹ. Với nỗ lực này năm 2013 nhà máy vẫn đạt sản lượng 822.000 tấn, cao hơn công suất thiết kế và vượt kế hoạch 7%.

Nỗ lực vượt bậc trong việc tiết giảm chi phí giá thành sản xuất, chi phí quản lý bán hàng.

Điều chỉnh chính sách kinh doanh, tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống phân phối trong bối cảnh mới nhằm tận dụng lợi thế thị trường, tiết giảm chi phí cơ hội.

Với những nỗ lực trên, cho dù với giá bán sản phẩm bình quân giảm hơn dự kiến, mức giá nguyên, nhiên

liệu và dịch vụ đầu vào tăng, Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch doanh thu và vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 16%.

Thưa Quý Cổ đông Và Nhà đầu tư,

Tổng công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2013 nhưng thực tế là doanh thu, lợi nhuận có sự sụt giảm so với năm trước. Vậy năm 2014 và các năm sau nữa chúng ta sẽ như thế

đóng góp lợi nhuận đáng kể cho Tổng công ty.

Kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả chi phí sản xuất; Cải tiến các chính sách, cơ chế vận hành hệ thống kinh doanh để tiết kiệm chi phí lưu thông.

Quyết liệt triển khai đúng và vượt tiến độ các dự án sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde, dự án nâng cấp xưởng Amoniac Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản

822.000 tấn/năm 2013
Tổng sản lượng cao hơn công suất
thiết kế và vượt kế hoạch 7%

nào? Thách thức to lớn về thị trường không giảm đi mà còn gia tăng, bởi lẽ không chỉ trong nước nguồn cung urê đã vượt cầu mà nguồn cung trên toàn thế giới cũng có sự gia tăng mạnh mẽ từ khu vực Trung Đông và Bắc Mỹ, nơi có chi phí sản xuất urê thấp.

Bên cạnh việc tiếp tục nỗ lực với các giải pháp tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh đối với sản phẩm truyền thống Đạm Phú Mỹ, chúng tôi xác định và quyết tâm thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

Hoạch định kế hoạch kinh doanh trung hạn cho giai đoạn 2014-2017, trong đó duy trì và gia tăng sản lượng kinh doanh các sản phẩm phân bón khác dưới thương hiệu Phú Mỹ, với mục tiêu đảm bảo về tăng trưởng doanh thu và

xuất phân NPK bằng công nghệ hóa học.

Với các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 đã được Ban lãnh đạo Tổng công ty xây dựng, dù kỷ lưỡng và với quyết tâm cao, cũng có thể thấy rằng năm 2014 là một khoảng lặng về doanh thu, lợi nhuận.

Với cam kết, quyết tâm và nỗ lực của tập thể CBCNV Tổng công ty cùng sự đồng hành và ủng hộ của các Quý cổ đông, Ban lãnh đạo Tổng công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ vững vàng vượt qua các khó khăn, thách thức phía trước để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch 2014, thực hiện đúng tiến độ các dự án để tạo đà tăng trưởng mạnh cho các năm sau.

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ CỰ TÂN

Tổng giám đốc

CAO HOÀI DƯƠNG

Vững bước **TIÊN PHONG**

Tiếp nối nền tảng vững chắc và những thành tựu vẻ vang trong suốt chặng đường 10 năm phát triển, PVFCCo luôn vững vàng tư thế để khởi đầu chặng đường mới, vượt qua thách thức để viết tiếp trang sử hào hùng với nhiều thành công mới đang đón đợi.



GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCCO

- 11 Thông tin chung
- 12 Các cột mốc phát triển quan trọng
- 14 Ngành nghề kinh doanh
- 15 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 16 Các công ty có liên quan
- 18 Các sự kiện và danh hiệu tiêu biểu năm 2013



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0303165480
Vốn điều lệ	3.800.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.800.000.000.000 đồng
Địa chỉ	43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	+ 84 - 8 - 3825 6258
Số fax	+ 84 - 8 - 3825 6269
Website	www.dpm.vn
Mã cổ phiếu	DPM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀY THÀNH LẬP

Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPCP ngày 28/03/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/01/2004.

Ngày 21/09/2004, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP đã tiếp nhận Nhà máy đạm Phú Mỹ từ Tổ hợp nhà thầu Technip - Samsung và chính thức quản lý, vận hành đưa sản phẩm phân urê thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

Từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần

Ngày 15/03/2007, Bộ công nghiệp đã ra Quyết định số 793/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với 100% vốn nhà

nước thành Công ty cổ phần Phân đạm và Hoá chất Dầu khí hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngày 21/04/2007, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán 40% cổ phần ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Ngày 30/06/2007, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần, thông qua Điều lệ công ty, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua các kế hoạch kinh doanh sau khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 31/08/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103007696 và Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động.

Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)

Ngày 29/10/2007, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) và ngày 05/11/2007, Công ty đã chính thức niêm yết 380 triệu cổ phiếu trên sàn HOSE.

Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	DPM
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng niêm yết	380.000.000 cổ phiếu

Từ Công ty Cổ phần thành Tổng công ty

Ngày 05/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thông qua đề án chuyển đổi Công ty cổ phần thành Tổng công ty (mô hình công ty mẹ - công ty con).

Ngày 15/05/2008, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi số 4103007696 cho Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - công ty cổ phần.

2001

12/03/2001

Phát động triển khai xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ.

2003

28/03/2003

Thành lập Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo).

2004

21/09/2004

PVFCCo nhận bàn giao Nhà máy đạm Phú Mỹ, chính thức đưa sản phẩm mang thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

15/12/2004

Khánh thành Nhà máy đạm Phú Mỹ.

2007

31/08/2007

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

05/11/2007

Cổ phiếu DPM được niêm yết và giao dịch trên HOSE.

2008

15/05/2008

Chuyển đổi thành Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

2010

14/09/2010

Khánh thành cụm thu hồi khí thải CO₂, nâng công suất Nhà máy đạm Phú Mỹ lên 800.000 tấn/năm.

2011

16/07/2011

Khánh thành trụ sở PVFCCo Tower.

2013

20/12/2013

Nhà máy đạm Phú Mỹ đạt mốc sản lượng 7 triệu tấn.

“ VỚI CÁC NGUỒN LỰC TÍCH LŨY SAU HƠN MƯỜI NĂM, SỰ ĐỒNG LÒNG NHẤT TRÍ VÀ TINH THẦN NỖ LỰC HẾT MÌNH CỦA TẬP THỂ CBCNV TỔNG CÔNG TY, SỰ QUAN TÂM, CHỈ ĐẠO SÁT SAO CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM, PVFCCO SẼ TIẾP TỤC TRUYỀN THỐNG VINH QUANG CỦA MÌNH, VỮNG VÀNG TIẾN LÊN PHÍA TRƯỚC, VƯỢT QUA MỌI KHÓ KHĂN THÁCH THỨC ĐỂ VƯƠN TỚI CÁC THÀNH CÔNG MỚI. ”





“TỪ NĂM 2011, TỔNG CÔNG TY TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RA PHẠM VI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á, THIẾT LẬP QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VỚI CÁC ĐỐI TÁC UY TÍN TRONG KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI ĐỂ XÚC TIẾN XUẤT KHẨU PHÂN BÓN RA THỊ TRƯỜNG ĐÔNG NAM Á, XÚC TIẾN MỞ CHI NHÁNH TẠI CAMPUCHIA, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MYANMAR, XÚC TIẾN HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ SẢN PHẨM TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG NÀY.”

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay sản phẩm chủ lực của Tổng công ty là phân đạm (urê) hạt trong thương hiệu Đạm Phú Mỹ, phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước. Tổng công ty cũng đang xúc tiến việc đầu tư để sản xuất, kinh doanh các loại phân bón, hóa chất khác để đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng quy mô và năng lực sản xuất kinh doanh theo các ngành nghề cụ thể ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM.

ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền Bắc, miền Trung & Tây nguyên, miền Đông Nam bộ và miền Tây Nam bộ.

Từ năm 2011, Tổng công ty triển khai hoạt động kinh doanh ra phạm vi khu vực Đông Nam Á, thiết lập quan hệ thương mại với các đối tác uy tín trong khu vực và thế giới để xúc tiến xuất khẩu phân bón ra thị trường Đông Nam Á, xúc tiến mở Chi nhánh tại Campuchia, Văn phòng đại diện tại Myanmar, xúc tiến hoạt động quảng bá sản phẩm tại các thị trường này.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ:

Tổng công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - cổ đông nhà nước nắm giữ hơn 61% vốn cổ phần của Tổng công ty. Phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Công ty mẹ và các công ty con của Tổng công ty được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần, trong đó công ty mẹ đã trở thành công ty đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty mẹ tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết. Các công ty con tiến tới sẽ trở thành các công ty đại chúng và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY MẸ

» ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

» HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đương nhiệm của Tổng công ty có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 01 thành viên chuyên trách, 2 thành viên kiêm nhiệm trong đó có Tổng giám đốc.

» BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đương nhiệm gồm Trưởng ban và 1 thành viên chuyên trách, 1 thành viên kiêm nhiệm.

» BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Đứng đầu bộ máy điều hành là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như sản xuất - công nghệ thông tin; công nghệ - kỹ thuật - đầu tư xây dựng, tài chính - kế toán - kiểm toán; bán hàng và xây dựng hệ thống phân phối; hợp tác quốc tế, pháp chế, nghiên cứu phát triển, đầu tư tài chính và nội chính.

Tại trụ sở công ty mẹ, bộ máy tham mưu cho Ban điều hành gồm các Ban chức năng theo từng mảng lĩnh vực chuyên môn. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện đặt tại các địa bàn sản xuất - kinh doanh khác của Tổng công ty.

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ TỪ 50% CỔ PHẦN TRỞ LÊN

STT	TÊN CÔNG TY	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ NẪM GIỮ
1	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (PVFCCo - North) Địa chỉ: Tầng 4, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh phân bón, hóa chất	120.000	75%
2	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo - Central) Địa chỉ: Lô A2, cụm Công nghiệp Nhơn Bình, Tp. Quy Nhơn, Tnh Bình Định	Kinh doanh phân bón, hóa chất	100.000	75%
3	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo - SE) Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh phân bón, hóa chất	125.000	75%
4	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo - SW) Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Kinh doanh phân bón, hóa chất	170.000	75%
5	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ (PVFCCo - Packaging) Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, kinh doanh bao bì	42.000	50,98%
6	Công ty CP Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (PVFCCo - SBD) Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quản lý, phát triển nhà, xây lắp và dịch vụ vận chuyển	72.248	81,38%

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ DƯỚI 50% VỐN

STT	TÊN CÔNG TY	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ NẪM GIỮ
1	Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC) Địa chỉ: Tầng 6, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh hóa chất, hóa phẩm phục vụ ngành dầu khí và khác	500.000	10,27%
2	Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PV TEX) Địa chỉ: Lô CN5.5 A Khu Công nghiệp Đình Vũ - Phường Đồng Hải 2 - Quận Hải An - Tp. Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm xơ sợi tổng hợp	2.136.547	25%
3	Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) Địa chỉ: Tầng 10, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch	42.352	8,5%
4	Công ty CP Thể thao văn hóa Dầu khí (PSCC) Địa chỉ: 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du - Hai Bà Trưng - Hà Nội.	Tổ chức và kinh doanh dịch vụ liên quan đến hoạt động thể thao và văn hóa	10.000	10%
5	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) Địa chỉ: Số 131, Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản	280.869	35,63%
6	Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP) Địa chỉ: Lô A1,-3, Khu Công nghiệp Trà Kha, Tp. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bao bì	32.650	14,55%
7	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi Địa chỉ: Số 2, đường tỉnh 934, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng, chế biến, mua bán thủy sản	295.000	6,78%

“NĂM 2013, TỔNG CÔNG TY GỒM CÓ 6 CÔNG TY CON VÀ 7 CÔNG TY LIÊN KẾT, CÓ GÓP VỐN.

TRONG NĂM 2013, TỔNG CÔNG TY ĐÃ THOÁI TOÀN BỘ VỐN GÓP TẠI CÔNG TY CP BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO VĂN HÓA DẦU KHÍ THÔNG QUA HÌNH THỨC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN VÀ GIẢI THỂ CÔNG TY, THU VỀ TOÀN BỘ SỐ VỐN ĐÃ ĐẦU TƯ.”

PVFCCO NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT

Năm 2013 là một mốc son đáng nhớ đánh dấu chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển của PVFCCo. Trong suốt 10 năm qua với quyết tâm, sự đoàn kết nhất trí cao của tập thể cán bộ, người lao động, Tổng công ty đã từng bước trưởng thành, phát triển và xây dựng thành công thương hiệu

PVFCCO NHẬN CHỨNG NHẬN VẬN HÀNH XUẤT SẮC NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ

Với thành tích vận hành an toàn, ổn định, đạt và vượt công suất thiết kế trong nhiều năm, cộng với kỷ lục thứ 2 thế giới về 188 ngày vận hành liên tiếp không dừng máy của Nhà máy đạm Phú Mỹ, ngày 17/5/2013, Haldor Topsoe - nhà bản quyền công nghệ sản xuất

PVFCCO NHẬN DANH HIỆU KÉP GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT

Ngày 2/9/2013, PVFCCo đã vinh dự đoạt danh hiệu kép giải thưởng Sao Vàng Đất Việt bao gồm: Top 10 Thương hiệu Việt Nam và Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội. Đây là giải thưởng do Hội Doanh nghiệp Trẻ Việt Nam tổ chức và là một trong những giải thưởng có uy tín hiện nay. Việc đạt

PVFCCO NẪM TRONG TOP 3 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

Ngày 6/9/2013, Tạp chí Forbes Việt Nam đã công bố danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó PVFCCo (mã chứng khoán DPM) ở vị trí Top 3 trong bảng xếp hạng của tạp chí kinh doanh có uy tín toàn cầu này.

NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ CÁN MỐC 7 TRIỆU TẤN

Vào lúc 10h05 phút ngày 20/12/2013, Nhà máy đạm Phú Mỹ đã xuất sắc cán mốc sản lượng 7 triệu tấn. Thành tích này là một trong những dấu son rất đáng tự hào trong chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển của Nhà máy nói riêng và PVFCCo nói chung, là minh chứng cho sự phát triển vững mạnh của Tổng công ty cũng như của ngành nông nghiệp nước nhà.

Tháng 3
2013

Đạm Phú Mỹ, đáp ứng từ hơn 40% nhu cầu phân đạm cho ngành nông nghiệp, góp phần quan trọng đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, bình ổn thị trường phân bón. Với thành tích đó, ngày 26/3/2013, PVFCCo đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất. Giải thưởng cao quý này đã góp phần một lần nữa khẳng định vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp số một của cả nước trên lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất.

5
2013

Amôniac của Nhà máy đạm Phú Mỹ, đối tác cung cấp dịch vụ kỹ thuật và chất xúc tác cho TCT đã trao tặng PVFCCo chứng nhận vận hành xuất sắc nhà máy Đạm Phú Mỹ.

PVFCCO CHÍNH THỨC NHẬN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MYANMAR

Ngày 13/5/2013, Cục Quản lý Doanh nghiệp & Đầu tư (Bộ Kế hoạch & Phát triển Kinh tế Quốc gia Myanmar) đã chính thức cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) tại Myanmar. Trong thời gian tới, VPĐD PVFCCo tập trung vào việc thiết lập quan hệ với chính quyền và các đối tác địa phương, quảng bá hình ảnh, thương hiệu, sản phẩm, hỗ trợ công tác xuất khẩu sản phẩm sang Myanmar, cũng như tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại giữa hai nước.

6
2013**PVFCCO ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP10 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM**

Ngày 28/6/2013, Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư đã công bố danh sách bình chọn "Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam", trong đó PVFCCo xếp hạng thứ 8/50. Đây là năm thứ 2 liên tiếp PVFCCo nằm trong bảng xếp hạng này.

9
2013

giải SVĐV là sự ghi nhận của xã hội về các nỗ lực và thành tích xuất sắc của PVFCCo trong những năm qua trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

PVFCCO HOÀN THÀNH THÀNH CÔNG ĐỢT BẢO DƯỠNG TỔNG THỂ (BDTT) ĐỊNH KỲ NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ TRƯỚC TIẾN ĐỘ ĐỂ RA

Việc BDTT Nhà máy đạm Phú Mỹ được thực hiện định kỳ 2 năm 1 lần. Công tác bảo dưỡng Nhà máy năm nay bắt đầu từ ngày 05/09/2013 và đã đạt cả 4 chỉ tiêu về an toàn, chất lượng, tiến độ và chi phí. Nhà máy đã chính thức cho ra sản phẩm ure với 100% công suất vào 06h13 ngày 29/09/2013, trước 38 giờ so với kế hoạch để ra. Việc hoàn thành vượt tiến độ công tác BDTT đã làm lợi cho PVFCCo hàng chục tỷ đồng và góp phần kịp thời cung ứng phân đạm.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA PVFCCO ĐẠT NHIỀU GIẢI THƯỞNG LỚN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ**

Năm 2013 là 1 mùa "gặt vàng" cho BCTN của PVFCCo với nhiều giải thưởng lớn tại cuộc thi BCTN toàn cầu:

Giải của Hiệp hội chuyên gia truyền thông Mỹ (LACP) tổ chức bao gồm: Giải Bạch kim (Giải cao nhất & duy nhất) cho BCTN xuất sắc nhất trong lĩnh vực nông nghiệp; Giải Vàng cho BCTN tiến bộ nhất Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; Top 100 BCTN xuất sắc toàn cầu (vị trí 30/100); Top 50 BCTN xuất sắc khu vực Châu Á - TBD (vị trí 12/50);

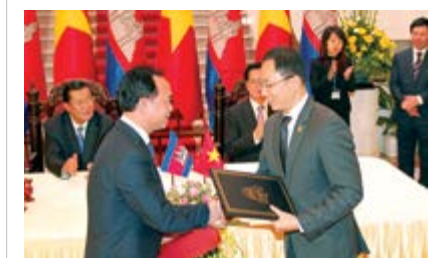
Giải ARC Awards: Nằm trong Top 10 doanh nghiệp Việt Nam có BCTN tốt nhất; Giải vàng, hạng mục dữ liệu tài chính trong lĩnh vực nông nghiệp (ARC Award).

Giải BCTN tốt nhất do Sở GD&ĐT TP. HCM và Báo Đầu tư Chứng khoán bình chọn:

Nằm trong Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất (thứ hạng 4/10).

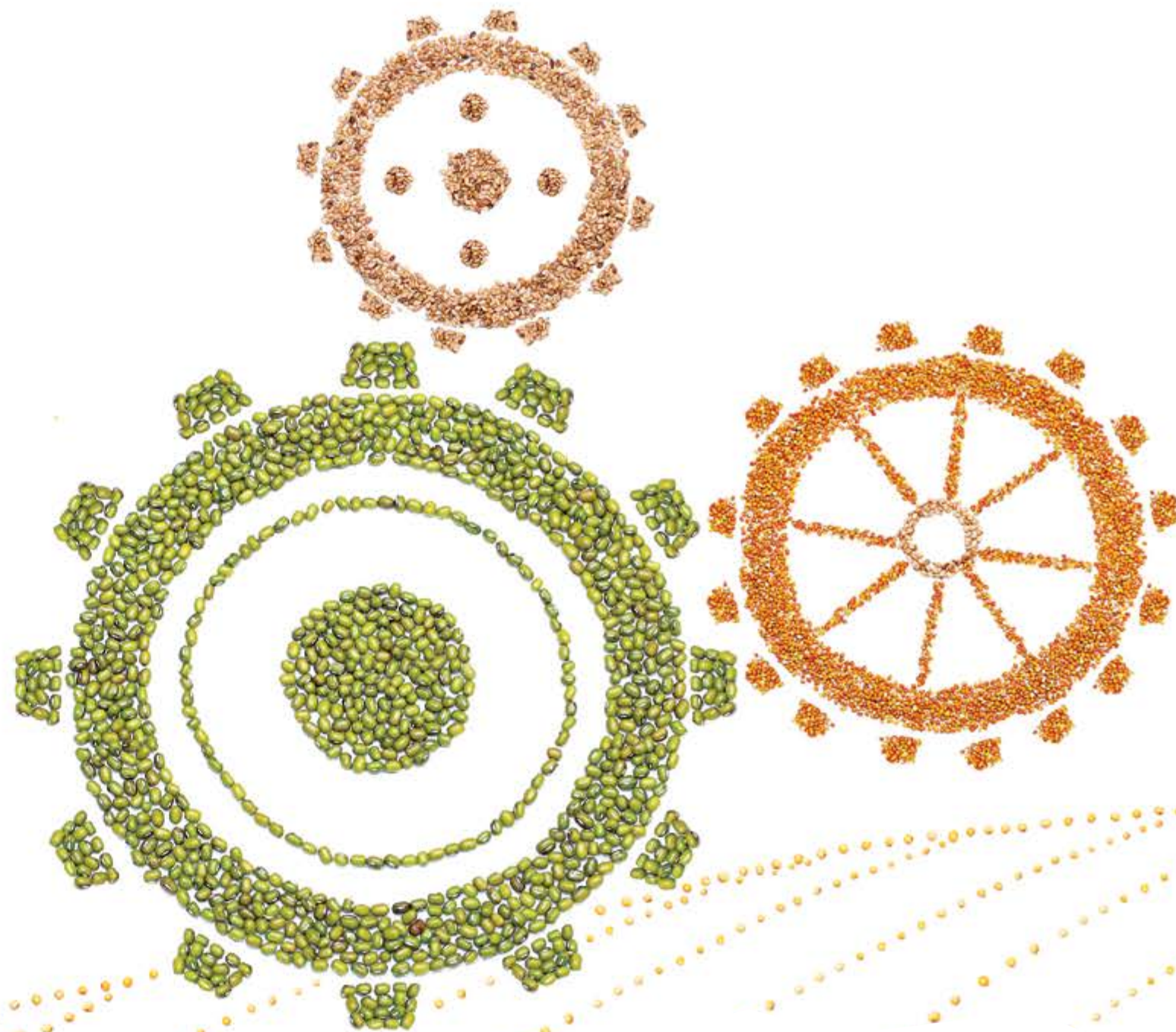
12
2013**KÝ BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC VỚI ĐỐI TÁC CAMPUCHIA**

Ngày 26/12/2013, PVFCCo đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác kinh doanh phân bón với Công ty Phân bón và Hóa chất Campuchia (Nitrogen Chemicals and Fertilizer Cambodia Ltd - NCFC) nhằm đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh doanh tại thị trường này. Theo Biên bản thỏa thuận, PVFCCo và NCFC sẽ hợp tác chặt chẽ để phân phối các sản phẩm phân bón Phú Mỹ với chất lượng cao, giá cả hợp lý tại thị trường Campuchia.



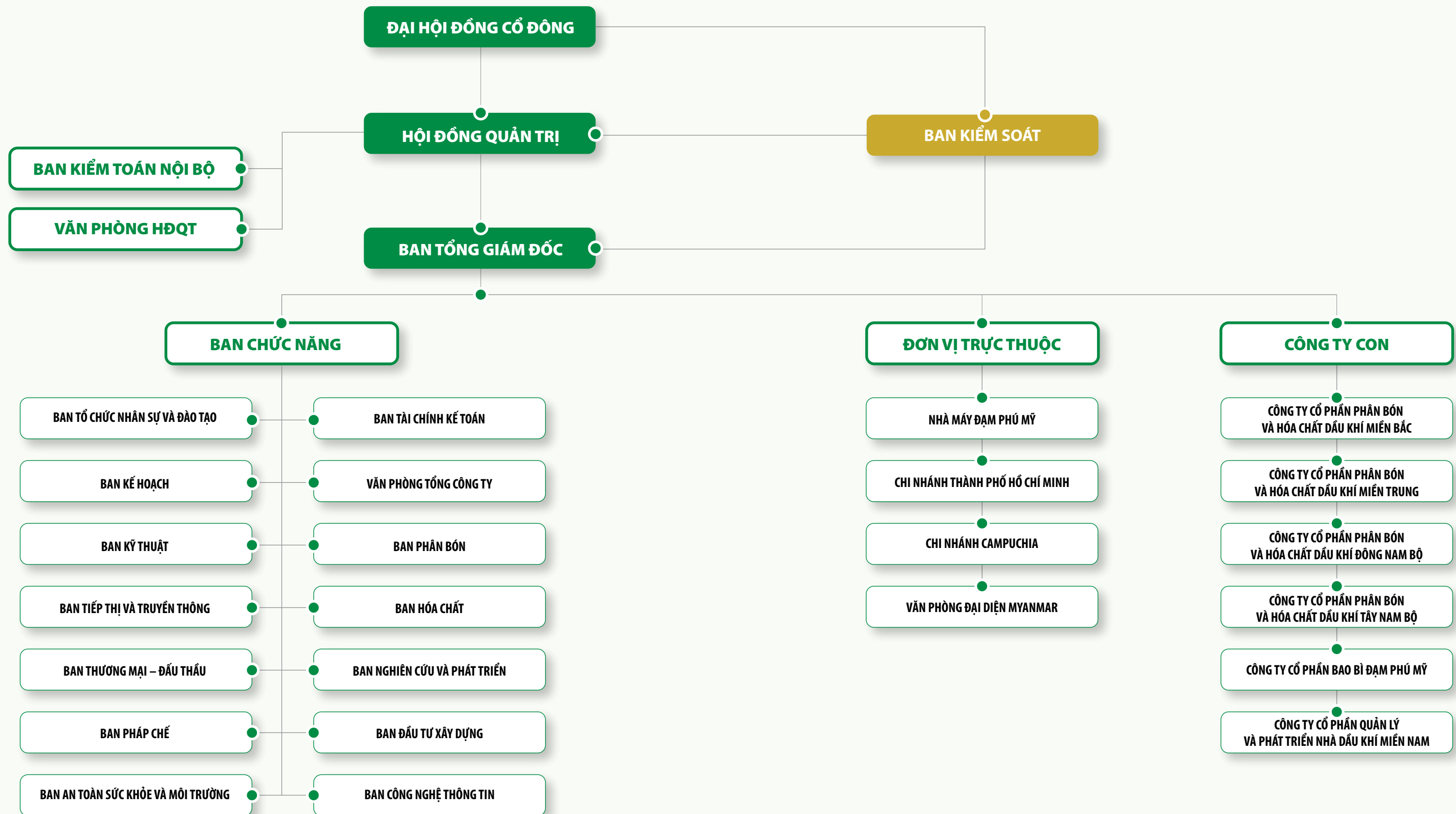
Phát huy **NỘI LỰC**

Gắn liền với những thành tựu đáng tự hào mà PVFCCo có được trong nhiều năm qua là sự đóng góp to lớn của một đội ngũ lãnh đạo sáng suốt, tài ba và toàn thể CBCNV chung sức đồng lòng. Tiếp nối truyền thống vẻ vang ấy, PVFCCo không ngừng củng cố, phát huy nguồn lực, tự tin bước tiếp con đường phát triển trong tương lai.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

- 22 Sơ đồ tổ chức
- 24 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 26 Giới thiệu Ban điều hành
- 32 Giới thiệu Ban kiểm soát
- 34 Quản trị chuyên nghiệp
dấu ấn thành công của PVFCCo
- 37 Tổ chức và nhân sự
- 40 Chính sách đối với người lao động



**Ông CAO HOÀI DƯƠNG****Ủy viên Hội đồng quản trị**

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Hóa dầu

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ ngày 15/11/2010 và kiêm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty từ tháng 2/2011. Trước đó, ông đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực lọc hóa dầu, đặc biệt là trải qua các vị trí quản lý tại Ban Quản lý dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn - dự án nhà máy lọc hóa dầu số 2 của Petrovietnam. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng ban Ban Quản lý dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (liên doanh giữa Việt Nam, Kuwait và Nhật Bản).

Ông LÊ CỰ TÂN**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1992, trải qua nhiều vị trí quản lý tại các đơn vị thuộc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC), ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc PTSC trước khi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ tháng 12 năm 2013.

Bà NGUYỄN THỊ HIỀN**Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngoại thương

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Bà đã có quá trình công tác tại Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Điện 2, Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với các vị trí cán bộ phân tích, cán bộ quản lý công tác kế hoạch... Từ 07/2007 - 3/2009, bà được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVFCCo và từ tháng 3/2009 đến nay, là thành viên Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị PVFCCo.

Ông NGUYỄN HỒNG VINH**Ủy viên Hội đồng quản trị**

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành trong lĩnh vực hóa chất nông nghiệp tại các doanh nghiệp liên doanh nước ngoài, từ tháng 12/2009 - 7/2013, ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc PVFCCo. Từ tháng 4/2013, ông được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Ủy viên HĐQT chuyên trách của PVFCCo.

Ông ĐINH QUANG HOÀN**Ủy viên Hội đồng quản trị**

Năm sinh: 1976

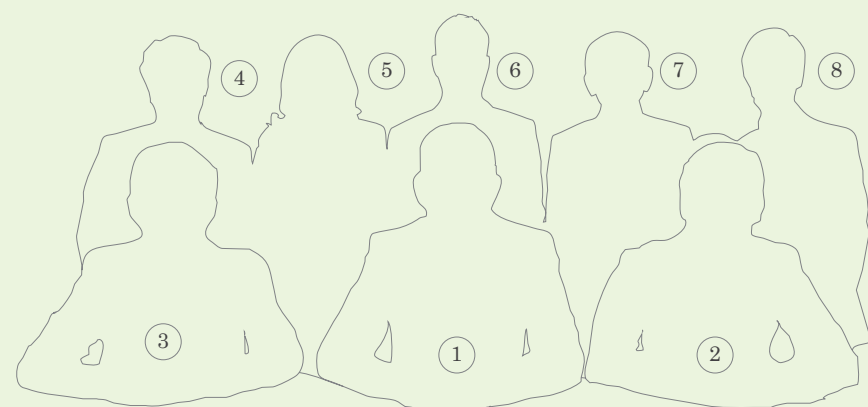
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, ACCA

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ năm 1998, ông làm việc cho các công ty kiểm toán hàng đầu là Arthur Andersen và KPMG. Đến năm 2007, ông gia nhập Công ty CP Chứng khoán Bản Việt (VCSC) với lĩnh vực chính là tư vấn tài chính, chứng khoán. Hiện tại ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc VCSC và với sự đề cử của nhóm cổ đông DPM, ông được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 bầu giữ chức thành viên HĐQT kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2013 - 2018 của Tổng công ty.



“BAN ĐIỀU HÀNH
CỦA PVFCCO GỒM 8
NGƯỜI BAO GỒM
1 TỔNG GIÁM ĐỐC,
6 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ 1 KẾ TOÁN TRƯỞNG.”



- | | | | |
|--|---|--|--|
| 1. Ông CAO HOÀI DƯƠNG
Tổng giám đốc | 3. Ông HUỲNH KIM NHÂN
Kế toán trưởng | 5. Bà LÊ THỊ THU HƯƠNG
Phó Tổng giám đốc | 7. Ông NGUYỄN VĂN TÙNG
Phó Tổng giám đốc |
| 2. Ông DƯƠNG TRÍ HỢI
Phó Tổng giám đốc | 4. Ông LÊ VĂN QUỐC VIỆT
Phó Tổng giám đốc | 6. Ông HOÀNG VIỆT DŨNG
Phó Tổng giám đốc | 8. Ông TỪ CƯỜNG
Phó Tổng giám đốc kiêm
Giám đốc Nhà máy ĐPM |

Ông **LÊ VĂN QUỐC VIỆT****Phó Tổng giám đốc**

phụ trách Nội chính

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế kế hoạch

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Sau khi rời quân ngũ năm 1984, ông đã tham gia công tác Đoàn, Đảng, công tác tổ chức, nhân sự tại đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô. Từ tháng 5/2007 ông giữ chức Trưởng ban Tổ chức nhân sự PVFCCo và sau đó được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc từ tháng 2/2009.

Ông **CAO HOÀI DƯƠNG****Tổng giám đốc**

kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ngành Lọc hóa dầu, Thạc sĩ Công nghệ hóa dầu.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ ngày 15/11/2010 và kiêm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty từ tháng 2/2011. Trước đó, ông đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực lọc hóa dầu, đặc biệt là trải qua các vị trí quản lý tại Ban Quản lý dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn - dự án nhà máy lọc hóa dầu số 2 của Petrovietnam. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng ban Ban Quản lý dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (liên doanh giữa Việt Nam, Kuwait và Nhật Bản).

Ông **TỪ CƯỜNG****Phó Tổng giám đốc**

phụ trách Sản xuất, Giám đốc Nhà máy ĐPM

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa hữu cơ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Các công việc, chức vụ đã đảm nhận: Cán bộ phiên dịch, Ban Quản lý Lao động Tiệp Khắc, Bộ LĐ-TB-XH, Kỹ thuật viên, Phòng Độc chất, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội, Kỹ sư phòng Công nghệ, Trưởng phòng Phân phối khí, Trưởng phòng Kinh doanh... của Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Giám đốc Xí nghiệp chế biến khí PV Gas. Từ năm 2008, ông giữ chức Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ và Phó Tổng giám đốc PVFCCo kiêm Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ.

Ông **HOÀNG VIỆT DŨNG****Phó Tổng giám đốc**

phụ trách Công nghệ - Kỹ thuật - Đầu tư Xây dựng

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hóa dầu

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Quá trình công tác: Từ tháng 1/1996 - 10/2002: Chuyên viên Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) và được cử đi học tại UOP - Mỹ. Ông đã đảm nhiệm các vị trí Chuyên viên Ban QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Phó Trưởng ban QLDA Nhà máy lọc Dầu Dung Quất, trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo từ tháng 3/2011.

**Ông NGUYỄN VĂN TÙNG****Phó Tổng giám đốc**

phụ trách Tài chính Kế toán và Kiểm toán
 Năm sinh: 1958
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán ngành Ngân hàng Kiến thiết.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông đã có thời gian công tác tại Tổng cục Thuế (Văn phòng 2 tại TP. HCM), công tác Tài chính kế toán tại Công ty Dầu khí II, Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí, Trung tâm An toàn và Môi trường Dầu khí. Ông đảm trách chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD) và chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh TP. HCM - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo từ tháng 4/2009.

Ông DƯƠNG TRÍ HỘI**Phó Tổng giám đốc**

phụ trách bán hàng và xây dựng hệ thống phân phối
 Năm sinh: 1978
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện công nghiệp, Cử nhân Kinh tế Kế hoạch Đầu tư.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Ông thuộc lớp cán bộ trẻ trưởng thành từ môi trường hoạt động của ngành Dầu khí. Từ năm 2007, ông gia nhập PVFCCo và đã trải qua các vị trí Trợ lý Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tiếp thị, Giám đốc Công ty PVFCCo Central, Giám đốc Công ty PVFCCo SE trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo vào tháng 7/2013.

Bà LÊ THỊ THU HƯƠNG**Phó Tổng giám đốc**

phụ trách hợp tác quốc tế, pháp chế, nghiên cứu phát triển và đầu tư tài chính.
 Năm sinh: 1975
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ năm 1996, bà bắt đầu công tác tại Sở Thương mại TP Hà Nội, sau đó là Vụ Thương mại và Dịch vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tháng 5/2008, bà đảm nhận chức vụ Trưởng ban Ban Luật và Hợp tác quốc tế Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP vào ngày 01/3/2013, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2009-2013.

Ông HUỖNH KIM NHÂN**Kế toán trưởng**

Năm sinh: 1976
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ năm 1998 đến 6/2007, ông đảm nhiệm các vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng Dầu khí; Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - PVFCCo. Ông được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng PVFCCo từ tháng 6/2007.

**Ông NGUYỄN VĂN HÒA****Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Kinh tế chuyên ngành Ngân hàng**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

Ông có quá trình công tác gắn bó với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) qua các chức vụ nhân viên kế toán, Kế toán trưởng ACB Đà Nẵng, Phó phòng Kế toán và Kế toán trưởng Hội sở ACB từ năm 2002. Ông được bầu vào Ban kiểm soát PVFCCo từ năm 2007.

Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO**Trưởng Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

Bà đã có quá trình công tác tại Công ty PETEC - Bộ Thương mại, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC - Petrovietnam trong công tác kinh doanh, quản lý hợp đồng, tài chính kế toán và kiểm toán. Từ năm 2001, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban QLDA Nhà máy đạm Phú Mỹ, Phó trưởng ban - Ban Thương mại thị trường, PVFCCo. Bà được bầu vào Ban kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVFCCo từ tháng 3/2009.

Ông LÊ VINH VÂN**Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân
chuyên ngành Tài chính Kế toán**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

Ông đã trải qua vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu Khí OSC - SOS International; Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Classic, Chuyên viên phòng Thương mại Vật tư - PVFCCo, Chuyên viên Ban kiểm soát PVFCCo. Ông đảm nhận vị trí thành viên Ban kiểm soát PVFCCo từ tháng 11/2008.





“TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐƯỢC CỔ PHẦN HÓA TỪ DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2007 VÀ NGAY SAU ĐÓ ĐÃ THIẾT LẬP BỘ MÁY QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO HÌNH THỨC CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON.”

Nhiệm kỳ đầu tiên của HĐQT (2007-2012) đã đánh dấu những thành công bước đầu về việc đưa công tác quản trị công ty trở nên chuyên nghiệp, hoàn thiện và đóng góp quan trọng hàng đầu cho kết quả hoạt động của Tổng công ty giai đoạn sau cổ phần hóa.

Hội đồng quản trị được bầu ra tại Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty ngày 30/06/2007. PVFCCo chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 31/08/2007 nhưng ngay từ khi được bầu, HĐQT đã triển khai

ngay các công việc chuẩn bị cho quản trị công ty: Xây dựng các quy chế về quản trị công ty, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành; thông qua các quy chế quan trọng khác về quản lý tài chính, quản lý hoạt động kinh doanh, quy chế và chính sách lương thưởng...

Là một công ty đại chúng và có đủ các điều kiện niêm yết cổ phiếu ngay khi phát hành cổ phiếu ra công chúng trong quá trình cổ phần hóa, HĐQT đánh giá việc niêm yết cổ phiếu có ý

nghĩa quan trọng đối với các cổ đông cũng như đối với hoạt động quản trị của công ty và một trong những công việc đầu tiên là chỉ đạo triển khai hoàn thành phương án niêm yết cổ phiếu trong thời gian rất nhanh: Chỉ hơn 2 tháng sau khi công ty cổ phần hoạt động, ngày 05/11/2007 cổ phiếu của công ty với mã chứng khoán DPM đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) và ngay sau đó đã trở thành cổ phiếu hấp dẫn hàng đầu trên thị trường chứng khoán với giá trị vốn hóa có lúc đạt gần 2 tỷ USD. HĐQT chú trọng về công tác công bố thông tin để đáp ứng mong đợi của nhà đầu tư cũng như các quy định của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán. HĐQT đã bổ nhiệm cán bộ cấp cao đảm trách vai trò người công bố thông tin, chỉ đạo thiết lập bộ máy và quy trình thực hiện công tác công bố thông tin cũng như về công tác quan hệ nhà đầu tư (IR). Trong nhiệm kỳ, công tác IR và công bố thông tin của DPM đã được đánh giá và ghi nhận những thành tích tốt bởi nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý thị trường, có thể kể như các ấn phẩm báo cáo quản trị, báo cáo thường niên đã được Tổng công ty thực hiện rất sớm, có chất lượng và đầy đủ theo quy định và đã đạt được các giải thưởng và vị trí hàng đầu trong các đợt bình chọn. Các thông tin công bố định kỳ và bất thường được tuân thủ nghiêm túc. Bên cạnh đó, TCT còn có bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng quý và hệ thống thông tin về quan hệ nhà đầu tư phong phú, cập nhật trên trang thông tin điện tử.

“ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ CAO NHẤT CỦA TỔNG CÔNG TY. HÀNG NĂM HĐQT ĐÃ CHUẨN BỊ KỸ LƯỜNG ĐỂ KỲ HỌP ĐHĐCĐ ĐƯỢC TỔ CHỨC MỘT CÁCH CHUYÊN NGHIỆP, HIỆU QUẢ, ĐẢM BẢO CHO CÁC CỔ ĐÔNG THỰC HIỆN ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG, THAM GIA ĐÓNG GÓP Ý KIẾN CHO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG CÔNG TY.”

Các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên của Tổng công ty đều đã diễn ra thành công tốt đẹp với tỷ lệ tham gia họp rất cao của cổ đông và các nghị quyết đại hội đã được thông qua với sự đồng thuận gần như tuyệt đối.

Về nhiệm vụ định hướng chiến lược cho Tổng công ty, trong nhiệm kỳ HĐQT đã xây dựng và trình ĐHĐCĐ phê duyệt bản chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn đến năm 2025 và sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT đã chỉ đạo tích cực công tác triển khai chiến lược với những kết quả đáng chú ý: Chuyển đổi công ty thành Tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con vào tháng 5/2008; Nghiên cứu đầu tư các dự án lớn như: Dự án nhà máy sản xuất DAP tại Maroc, Dự án sản xuất NH₃ và Urê tại CH Liên bang Nga, Dự án thu hồi khí CO₂ tại Nhà máy ĐPM để sản xuất Urê, Dự án tổ hợp sản xuất NH₃ và Nitrat Amon, Dự án đầu tư vào Nhà máy đạm Cà Mau, Dự án nhà máy sản xuất Oxy già, hóa chất Glyphosate, Dự án tòa nhà văn phòng trụ sở TCT, các dự án kho - cảng phục vụ hệ thống phân phối sản phẩm... Trước một số khó khăn khách quan đặc biệt là đợt khủng hoảng kinh tế 2008, 2011, Tổng công ty đã nỗ lực để hoàn thành được các dự án thu hồi CO₂, tòa nhà trụ sở Tổng công ty, hệ thống kho cảng. Các dự án lớn còn lại sau khi nghiên cứu đã được tạm dừng, giãn để điều chỉnh và xem xét đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế trong giai đoạn tới.

Về giám sát, chỉ đạo sản xuất: HĐQT đã chỉ đạo xây dựng và thông qua các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật quan trọng cho hoạt động sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ và luôn giám sát, chỉ đạo việc áp dụng, hoàn thiện và cập nhật các bộ định mức. Công tác bảo dưỡng và sửa chữa lớn định kỳ được đưa vào kế hoạch để thực hiện với chất lượng tốt nhất, an toàn và tiết kiệm thời gian. Các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, quản lý an toàn và sức khỏe môi trường ISO 14001, OHSAS 18001 đã được chỉ đạo xây dựng thành công và được chứng nhận bởi các tổ chức uy tín như AFAQ, DNV... Nhờ vậy Nhà máy đạm Phú Mỹ từ năm 2008 đã sản xuất đạt vượt công suất thiết kế và duy trì thành tích này đến nay 7 năm liền nhưng vẫn đảm bảo an toàn, ổn định và duy trì chất lượng sản phẩm.

Về giám sát, chỉ đạo công tác kinh doanh - tiếp thị: Bên cạnh việc xây dựng hệ thống phân phối rộng khắp để đưa sản phẩm đến các vùng tiêu thụ, cơ chế, chính sách về kinh doanh đã được ban hành, cập nhật thường xuyên để tối ưu hiệu quả kinh doanh sản phẩm do TCT sản xuất, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Công tác duy trì và phát triển thương hiệu sản phẩm Phú Mỹ được chú trọng, kết hợp trong hoạt động tiếp thị cũng như các hoạt động về an sinh xã hội, quảng bá hình ảnh TCT với cộng đồng, xã hội. Ngoài kinh doanh sản phẩm sản xuất, TCT còn mở rộng kinh doanh các sản phẩm phân bón khác từ nguồn nhập khẩu để đa dạng hóa sản phẩm, tăng doanh thu, lợi nhuận, nâng cao vị thế của TCT trong ngành phân bón và tạo tiền đề cho hoạt động kinh doanh các sản phẩm dự kiến được sản xuất từ các dự án tương lai của TCT.

Đồng hành với việc hoàn thiện, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, trong nhiệm kỳ đầu HĐQT đã chỉ đạo không ngừng việc tái cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý, điều hành nhằm hướng tới mục tiêu tối ưu hiệu quả bộ máy. xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực nhân viên và dự án xây dựng tiêu chí

đánh giá hiệu quả công việc (KPI) cùng với việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) đã và đang được tích cực triển khai nhằm sớm đưa vào áp dụng các công cụ quản lý khoa học, tiên tiến. Song song đó chuẩn mực về văn hóa PVFCCo cũng đã được xây dựng và tuyên truyền, áp dụng.

Kết thúc năm 2012, với khoảng thời gian 5 năm HĐQT nhiệm kỳ đầu tiên đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó và đầu năm 2013, ĐHĐCĐ đã tín nhiệm bầu ra HĐQT cho nhiệm kỳ tiếp theo 2013 - 2018. Nhiệm kỳ này của HĐQT tiếp tục đứng trước những thách thức, cơ hội mới trong bối cảnh thị trường phân bón, lĩnh vực cốt lõi của TCT có nhiều chuyển biến đáng kể đòi hỏi công tác quản trị của TCT phải có một bước phát triển mới. Nhiệm vụ nặng nề của HĐQT là sớm đẩy nhanh việc triển khai các dự án đầu tư phát triển về phân bón, hóa chất đã nghiên cứu đầu tư trong nhiệm kỳ đầu, nghiên cứu điều chỉnh hướng đầu tư các dự án đang giãn, dùng tiến độ cũng như việc nghiên cứu về các dự án phát triển tiếp theo cho giai đoạn sau

năm 2020, cụ thể hóa tầm nhìn trong bản chiến lược phát triển của TCT. Về công tác quản lý kinh doanh, hệ thống quy chế, quy trình, chính sách kinh doanh phải được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của thị trường trong tình hình mới, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh doanh, quản lý và giảm thiểu được rủi ro. Công tác kinh doanh phải được lập kế hoạch trung hạn 3 - 5 năm bao gồm các sản phẩm phân bón, hóa chất do TCT sản xuất, thuê gia công cũng như kinh doanh

thương mại và thường xuyên được cập nhật hàng năm. Về sản xuất, Nhà máy đạm Phú Mỹ đã vận hành hơn 10 năm đòi hỏi công tác vận hành, bảo dưỡng phải được tập trung và bài bản qua để án tổng thể về nâng cao năng lực quản lý vận hành và bảo dưỡng nhằm tiếp tục duy trì thành tích hoạt động của Nhà máy. Đồng thời việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, hoàn thiện và áp dụng thành công các đề án về quản trị cũng là một nhiệm vụ quan trọng của HĐQT trong nhiệm kỳ này.

“ VỚI NỀN TẢNG LÀ NHỮNG THÀNH CÔNG TRONG 10 NĂM TRƯỞNG THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TCT, KẾ THỪA THÀNH QUẢ QUẢN TRỊ CỦA HĐQT TRONG NHIỆM KỲ ĐẦU TIÊN VÀ VỚI Ý CHÍ QUYẾT TÂM, NĂNG LỰC KINH NGHIỆM CỦA MÌNH HĐQT NHIỆM KỲ 2013 - 2018 CAM KẾT VÀ KỶ VỌNG SẼ ĐƯA TỔNG CÔNG TY VƯỢT QUA CÁC THÁCH THỨC, VƯỢT QUA CHÍNH MÌNH VÀ ĐÓN NHẬN NHỮNG CƠ HỘI ĐỂ VƯƠN TỚI TẦM CAO MỚI, TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỢC NHỮNG CAM KẾT VỚI CỔ ĐÔNG, KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG NHƯ TRONG SỨ MỆNH ĐÃ NÊU. ”



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

			SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU DPM	
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	ĐẠI DIỆN	SỞ HỮU CÁ NHÂN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành nhiệm kỳ 2013 -2018, được bổ nhiệm từ 12/12/2013	77.404.253	50.000
2	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành, tái đắc cử nhiệm kỳ 2013-2018	55.100.000	5.500
3	Cao Hoài Dương	Thành viên HĐQT kiêm TGD, tái đắc cử nhiệm kỳ 2013-2018	55.100.000	2.000
4	Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, nhiệm kỳ 2013-2018	45.600.000	-
5	Đình Quang Hoàn	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm, không điều hành, nhiệm kỳ 2013-2018	-	-
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Cao Hoài Dương	Tổng giám đốc	55.100.000	2.000
2	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	-	-
3	Từ Cường	Phó Tổng giám đốc	-	-
4	Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng giám đốc	-	-
5	Dương Trí Hội	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2013)	-	-
6	Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc	-	-
7	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/03/2013)	-	-
BAN KIỂM SOÁT				
1	Trần Thị Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm	-	-
3	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng	-	-

(*) **Ghi chú:** Số lượng cổ phiếu DPM thuộc phần vốn nhà nước do các thành viên Hội đồng quản trị đại diện được cập nhật theo Quyết định giao đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2013 có thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Tại phiên họp thường niên ngày 25/04/2013, Đại hội đồng cổ đông đã bầu lại Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018 như sau:

- | | | |
|-------------------------|---|-------------------|
| 1. Ông Bùi Minh Tiến | - | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Bà Nguyễn Thị Hiền | - | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Cao Hoài Dương | - | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Hồng Vinh | - | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Đinh Quang Hoàn | - | Thành viên HĐQT |

Các ông Nguyễn Đức Hòa, Bùi Quang Hưng - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 - 2012 không tiếp tục tham gia ứng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018.

Ngày 12/12/2013, theo quyết định điều động, luân chuyển cán bộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, HĐQT đã bầu và bổ nhiệm ông Lê Cự Tân giữ chức Chủ tịch HĐQT thay ông Bùi Minh Tiến.

BAN KIỂM SOÁT:

* Tại phiên họp thường niên ngày 25/04/2013, Đại hội đồng cổ đông đã bầu lại Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018 và các ông/bà sau đây đã tái đắc cử:

- | | | |
|----------------------------|---|--------------------------|
| 1. Bà Trần Thị Phương Thảo | - | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Ông Lê Vinh Văn | - | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. Ông Nguyễn Văn Hòa | - | Thành viên Ban kiểm soát |

BAN ĐIỀU HÀNH:

Trong năm 2013, HĐQT đã thông qua các quyết định về nhân sự Ban điều hành như sau:

- Ông Nguyễn Hồng Vinh thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/07/2013 để đảm nhiệm vai trò thành viên HĐQT chuyên trách.
- Bà Chu Thị Hiền thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/03/2013 để nghỉ hưu.
- Bà Lê Thị Thu Hương được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/03/2013.
- Ông Dương Trí Hội - được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/07/2013.

NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2013 (gồm Công ty mẹ và công ty con): 1.919 người

PHÂN LOẠI THEO TRÌNH ĐỘ

TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (Người)	TỶ LỆ %
Đại học, Cao đẳng trở lên	1030	53,7%
Trung học chuyên nghiệp	102	5,3%
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	787	41,0%
Tổng cộng	1.919	100%

PHÂN LOẠI THEO PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG

PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG (Người)	TỶ LỆ %
Cán bộ lãnh đạo, quản lý	247	12,9%
Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	576	30,0%
Nhân viên phục vụ	272	14,2%
Công nhân các ngành nghề	824	42,9%
Tổng cộng	1.919	100%



**“TRONG BỐI CẢNH
NỀN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM
2013 GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN,
TỔNG CÔNG TY ĐÃ NỖ LỰC
VÀ CỐ GẮNG ĐẢM BẢO ỔN
ĐỊNH CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI
VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.”**

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

Từ năm 2008, Tổng công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động - Thương binh xã hội, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay, hệ thống thang bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các Quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Tổng công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các quy định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã ban hành Chính sách nhân viên áp dụng từ 01/01/2009, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một

số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

Nhằm đảm bảo giữ người lao động đối với các vị trí chuyên môn về công nghệ, kỹ thuật quan trọng, Tổng công ty xây dựng quy định về việc công nhận và áp dụng các bậc lương chuyên gia với mức lương cao nhằm thu hút, giữ chân nhân tài. Theo đó, có những chuyên gia bậc cao được áp dụng mức lương có thể tương đương với mức lương cán bộ quản lý cấp Ban của Tổng công ty hoặc Giám đốc các công ty con. Hiện nay, Tổng công ty đã có 13 nhân sự được công nhận chức danh chuyên gia, hiện hội đồng chuyên gia đã họp và đang làm các làm các thủ tục để công nhận thêm 8 chuyên gia. Ngoài quy định chức danh chuyên gia, năm 2013 Tổng công ty cũng đã ban hành quy định “Công nhân lành nghề” nhằm xây dựng một đội ngũ công nhân có trình độ kỹ thuật cao, tay nghề giỏi sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ vận hành và bảo dưỡng các Nhà máy lớn của TCT hiện tại và tương lai.

Năm 2013, Tổng công ty bắt đầu triển khai 2 dự án quan trọng về chính sách về quản trị nhân sự và tiền lương, đó là dự án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực nhân viên dự kiến sẽ hoàn thành và áp dụng trong năm 2014. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ

đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường chính xác năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện ý thức, tác phong công nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, Tổng công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức danh công việc đảm nhận, đẩy mạnh tổ chức tập trung đào tạo kỹ năng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài; đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Quan tâm đào tạo nhân lực trẻ, có tiềm năng phát triển trong chuyên môn và quản lý. Có chính sách khen thưởng để động viên, khuyến khích CBCNV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong thời gian qua, lãnh đạo Tổng công ty luôn xem công tác đào tạo nội bộ là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả nhất, nên đã rất quan tâm và đầu tư đúng mức; nhờ vậy đội ngũ CBCNV đã trưởng thành vượt bậc, vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ



an toàn, hiệu quả, làm chủ hệ thống kinh doanh, phân phối.

Các khóa đào tạo nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài đều được rà soát, kiểm tra đảm bảo phù hợp, hiệu quả (trình độ ngoại ngữ, đối tượng đào tạo). Ban lãnh đạo Tổng công ty luôn quan tâm và sẵn sàng đầu tư cho các cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chuyên môn giỏi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu mang tính đặc thù ở nước ngoài để tiếp nhận các kinh nghiệm,

kiến thức mới phục vụ cho hoạt động SXKD của Tổng công ty cũng như hỗ trợ cho các dự án mới của Tập đoàn.

Tăng cường đào tạo tại chỗ, mời giảng viên về đào tạo riêng cho CBCNV theo chương trình, nội dung đặt hàng để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất đặc thù công việc của Tổng công ty.

Thường xuyên linh động trong công tác triển khai kế hoạch đào tạo, đáp

ứng kịp thời nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức CBCNV phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Tổng công ty đã phát huy tốt trình độ kỹ thuật và thực hiện thành công đợt bảo dưỡng sửa chữa lớn Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2013.

Đầu tư CÔNG NGHỆ

Cùng với những biến động của thị trường sản xuất, kinh doanh phân bón khi nguồn cung đang lớn hơn cầu, PVFCCo định hướng tập trung đẩy mạnh đầu tư công nghệ, cải thiện quy trình sản xuất ở nhà máy nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững niềm tin chất lượng và vị thế của một doanh nghiệp đi đầu.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 44 Thống kê số liệu về sản xuất kinh doanh năm 2013 của Tổng công ty
- 46 Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013
- 54 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

10.807
tỷ VNĐ

TỔNG DOANH THU
đạt 107% kế hoạch năm 2013.

2.468
tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
đạt 116% kế hoạch năm 2013.

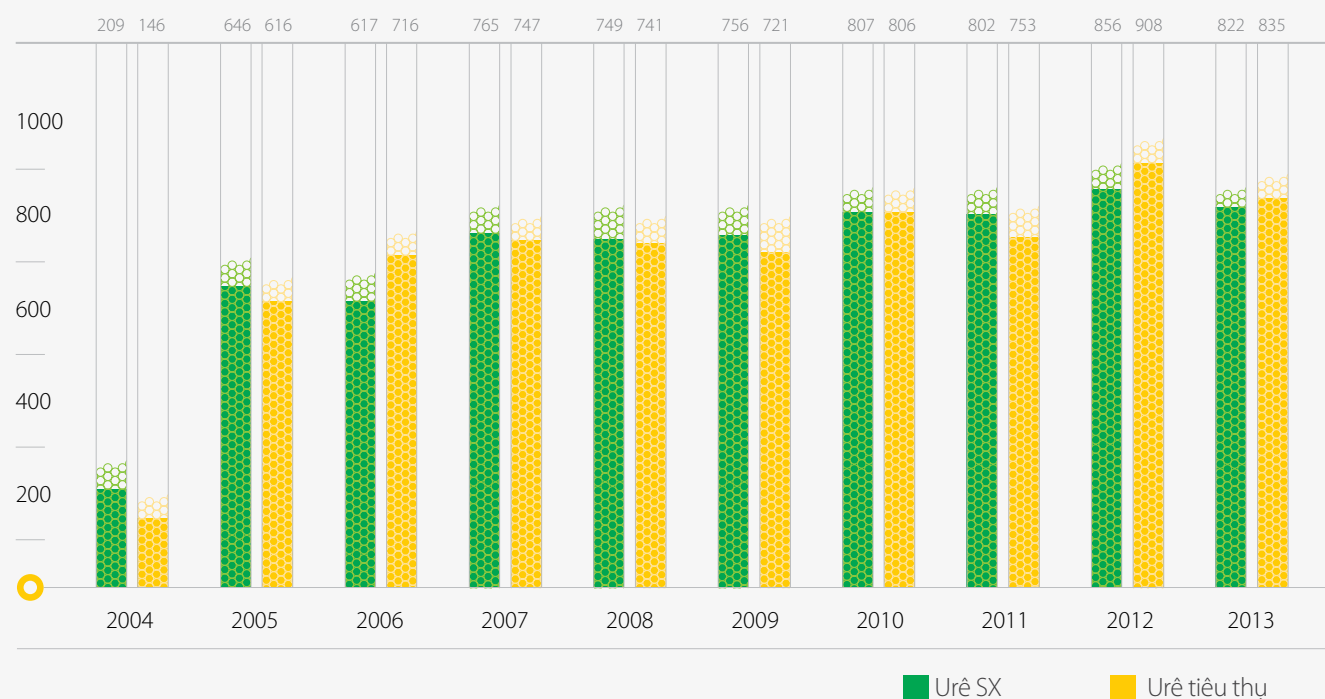
2.142
tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
đạt 112% kế hoạch năm 2013.

CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG

ĐVT: Nghìn tấn

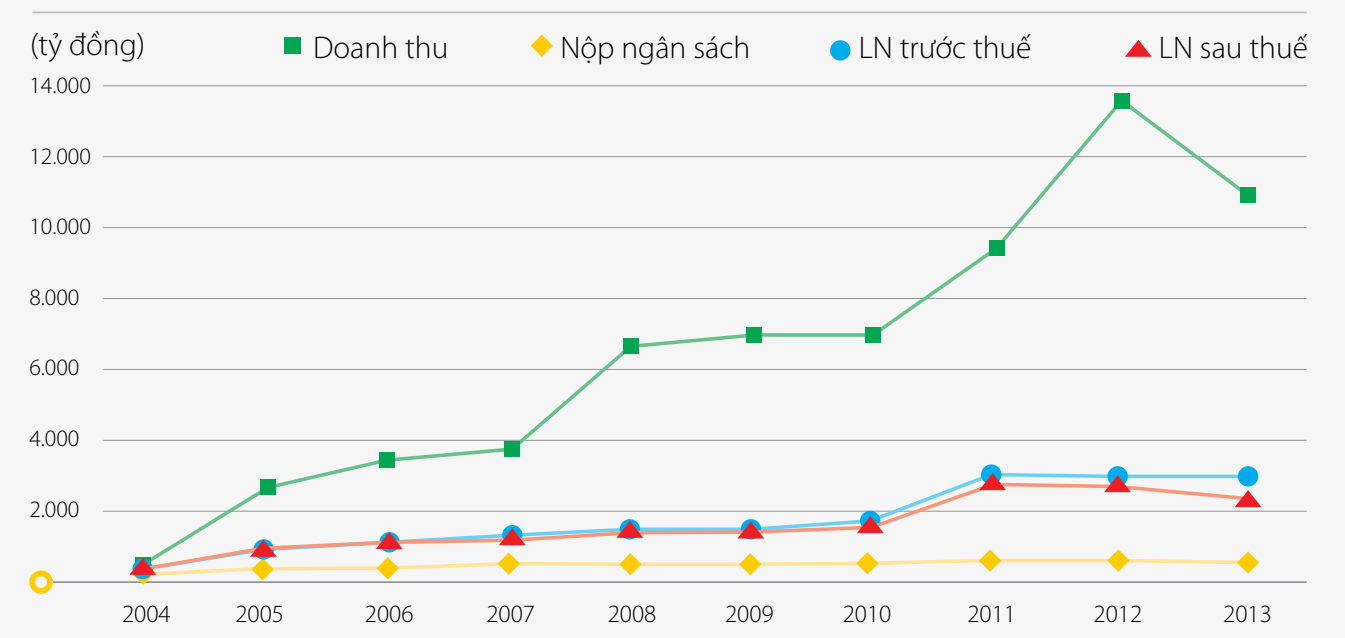
Năm	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Urê SX	209	646	617	765	749	756	807	802	856	822
Urê tiêu thụ	146	616	716	747	741	721	806	753	908	835



CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Doanh thu	498	2.713	3.542	3.928	6.625	6.834	6.999	9.773	13.906	10.807
Nộp Ngân sách	24	85	107	151	283	253	405	537	694	602
Lợi nhuận trước thuế	157	791	1.161	1.330	1.501	1.520	1.922	3.510	3.542	2.468
Lợi nhuận sau thuế	157	791	1.161	1.329	1.383	1.348	1.706	3.140	3.016	2.142



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD NĂM 2013

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2012	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG SO 2012 (%)	TỶ LỆ HOÀN THÀNH KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Sản lượng sản xuất						
	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	856	770	822	96%	107%
	Bao bì	Triệu bao	39,8	41	44	111%	107%
2	Sản lượng phân bón nhập khẩu	Nghìn tấn	20	90	137	685%	152%
3	Sản lượng kinh doanh						
	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	908	800	835	92%	104%
	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	538	315	362	67%	115%
	Hóa chất	Nghìn tấn	3,5	4,2	5,3	151%	127%
	Bao bì	Triệu bao	39,2	41	44	112%	107%
4	Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)						
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	13.906	10.100	10.807	78%	107%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.542	2.120	2.468	70%	116%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.016	1.915	2.142	71%	112%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	694	330	602	87%	182%
5	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ						
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	8.962	7.103	9.265	103%	130%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.800	3.800	3.800	100%	100%
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12.330	7.634	8.402	68%	110%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.414	2.077	2.352	69%	113%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.984	1.890	2.110	71%	112%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	78,5%	49,7%	55,53%	71%	112%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	605	264	518	85,6%	196%

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2012	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG SO 2012 (%)	TỶ LỆ HOÀN THÀNH KH (%)
6	Đầu tư						
a.	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	539	396,7	178,38	33%	45%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	212	233	85	40%	36%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	224	100	58,24	27%	58%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	103	63,7	35,14	34%	55%
b.	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	539	396,7	178,38	33%	45%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	539	396,7	178,38	33%	45%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-	-	-	-	-

NÉT NỔI BẬT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM

“NĂM 2013 NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC TIẾP TỤC ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU KHÓ KHĂN, TÁC ĐỘNG KHÔNG NHỎ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, NHƯNG TỔNG CÔNG TY ĐÃ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH QUAN TRỌNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.”

Năm 2013 nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VỀ NHỮNG YẾU TỐ BIẾN ĐỘNG NỔI BẬT GÂY KHÓ KHĂN CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013, CÓ THỂ ĐÁNH GIÁ NHƯ SAU:

Nhà máy ĐPM dừng vận hành gần 1 tháng để bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn.

Về thị trường: Các nhà máy đạm Cà Mau, đạm Ninh Bình đã đi vào hoạt động từ năm 2012 và đến 2013 đã dần ổn định về công suất vận hành, làm tăng nguồn cung phân bón trong nước, tăng áp lực cạnh tranh mạnh mẽ và rõ rệt đối với sản phẩm chính của Tổng công ty.

Về chi phí sản xuất: Chi phí giá khí đầu vào sau khi tăng mạnh vào



năm 2012 khiến cho cơ cấu chi phí khí chiếm đến hơn 75% giá thành sản xuất Urê, và năm 2013 tăng thêm 2% theo hợp đồng đã ký kết với Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas).

Về chi phí bán hàng: Do áp lực cạnh tranh các hoạt động hỗ trợ bán hàng đòi hỏi phải tăng thêm chi phí, ngoài ra đơn giá cước vận chuyển bốc xếp hàng hóa cũng gia tăng. Các yếu tố khách quan này khiến cho chi phí bán hàng tăng thêm.

1,2 triệu tấn sản phẩm ĐẠM PHÚ MỸ và phân bón khác tiêu thụ trong năm 2013

“NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ ĐÃ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC ĐỢT BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA TỔNG THỂ, TIẾP TỤC SẢN XUẤT AN TOÀN, ỔN ĐỊNH. NHỜ ĐÓ, NHÀ MÁY ĐÃ CÁN MỐC SẢN XUẤT TẤN ĐẠM PHÚ MỸ THỨ 7 TRIỆU VÀO NGÀY 20/12/2013, SẢN LƯỢNG CẢ NĂM ĐẠT 822 NGÀN TẤN, VƯỢT 7% SO VỚI KẾ HOẠCH, ĐÁNH DẤU THÀNH TÍCH 7 NĂM LIÊN TỤC VẬN HÀNH AN TOÀN, ỔN ĐỊNH, VƯỢT CÔNG SUẤT THIẾT KẾ VÀ VỀ ĐÍCH TRƯỚC KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG.”



Về kinh doanh: PVFCCo đã tiêu thụ tổng sản lượng gần 1,2 triệu tấn các sản phẩm Đạm Phú Mỹ và phân bón khác đồng thời tăng cường hoạt động gia công, kinh doanh hóa chất và dịch vụ. Do đó, doanh thu đạt 10.807 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch, giảm 22% so năm 2012. Tổng doanh thu vượt kế hoạch nhưng giảm so với năm 2012 do nguyên nhân sau: Sản lượng ĐPM tiêu thụ năm 2013 giảm so với 2012 và sản lượng kinh doanh các loại phân bón khác cũng giảm do các yếu tố thị trường kém thuận lợi và Tổng công ty chú trọng đến hiệu quả kinh doanh hơn.

Về chỉ tiêu lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế đạt 2.468 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch năm, do Tổng công ty đã tối ưu

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

Về sản xuất, Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã hoàn thành xuất sắc đợt bảo dưỡng sửa chữa tổng thể, tiếp tục sản xuất an toàn, ổn định. Nhờ đó, Nhà máy đã cán mốc sản xuất tấn Đạm Phú Mỹ thứ 7 triệu vào ngày 20/12/2013, sản lượng cả năm đạt 822 ngàn tấn, vượt 7% so với kế hoạch, đánh dấu thành tích 7 năm liên tục vận hành an toàn, ổn định, vượt công suất thiết kế và về đích trước kế hoạch sản lượng.

hóa hoạt động sản xuất, chính sách bán hàng, tiết giảm chi phí nhằm giảm thiểu tác động của xu hướng giá bán sản phẩm giảm hơn so với dự báo.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Theo kế hoạch năm 2013, Tổng công ty triển khai 19 hạng mục/công trình. Trong đó có 02 dự án nhóm A, 04 dự án nhóm B và 13 dự án nhóm C. Tổng công ty đã hoàn thành 11 hạng mục/công trình.

Năm 2013 trước sự cạnh tranh gay gắt giữa sản phẩm nội địa và hàng hóa nhập khẩu, Tổng công ty cân nhắc và lựa chọn các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực thế mạnh của mình, kinh doanh

các sản phẩm chính và cốt lõi, chú trọng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tạo sự khác biệt với các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Trên cơ sở đó, các dự án được nghiên cứu đầu tư một cách cẩn trọng để đảm bảo không chỉ hiệu quả kinh tế mà còn nâng cao sự cạnh tranh, giữ và phát triển uy tín, thương hiệu của các sản phẩm phân bón của Tổng công ty.

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2013:

Dự án nâng công suất xưởng Amoniac (NH_3) và NPK hóa học: Đây là dự án nâng công suất xưởng NH_3 tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, tăng thêm 90.000 tấn/năm (tăng 20% công suất hiện có) và xây dựng nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH_3 bằng công nghệ hóa học. Tổng mức đầu tư dự kiến gần 5.000 tỷ đồng. Đây là một dự án mang tính khả thi cao trong điều kiện nhu cầu thị trường NPK trong nước mỗi năm cần hơn 2 triệu tấn nhưng sản xuất sản phẩm chất lượng cao, công nghệ hiện đại mới chỉ đáp ứng khoảng 5 - 10%.

Hiện Tổng công ty đã hoàn thành báo cáo dự án đầu tư xây dựng trình

Tập đoàn DKVN, Bộ Công thương xem xét phê duyệt. Nếu được duyệt, Dự án sẽ được triển khai trong năm 2014 và hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2017.

Dự án xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde công suất thiết kế 15.000 tấn UFC85/năm hoặc 25.000 tấn Formalin quy đổi, tổng mức đầu tư là 497 tỷ đồng. UFC85 và Formalin là các phụ gia quan trọng trong quá trình sản xuất Urê, hiện tại trong nước chưa có nhà cung ứng nào. Hợp chất làm tăng độ cứng, bền và giảm mật của sản phẩm. Qua đó, tăng giúp cho sản phẩm Đạm Phú Mỹ dẻo dai hơn trong quá trình vận chuyển, đảm bảo chất lượng đến tận tay người tiêu dùng. Ngoài việc phục vụ cho nhu cầu tăng chất lượng sản phẩm, Tổng công ty sẽ là nhà sản xuất trong nước đầu tiên cung ứng các sản phẩm này. Hiện PVFCCo đã ký HĐ EPC và dự kiến sẽ khởi công trong năm 2014 và hoàn thành trong năm 2016.

Dự án sản xuất ôxy già (H_2O_2) công suất thiết kế 30.000 tấn/năm, với TMĐT là 438 tỷ đồng. Đây là một hóa chất được sử dụng vào trong nhiều

khâu sản xuất công nghiệp nhất là thị trường công nghiệp giấy và nhuộm. PVFCCo đã triển khai đấu thầu lựa chọn nhà thầu EPC để triển khai, tuy nhiên do tình hình kinh tế trong nước chưa thuận lợi, PVFCCo ưu tiên triển khai các dự án có sản phẩm hỗ trợ Urê, NPK Phú Mỹ để tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường, phù hợp với giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp và tập trung đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chính, cốt lõi. Dự án sẽ được tái khởi động lại tại thời điểm thuận lợi.

Dự án sản xuất Nitrat Amon (NH_4NO_3) Amoniac (NH_3) hợp tác góp vốn giữa Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Tổng công ty Khí Việt Nam, Công ty Vật tư Công nghiệp Quốc phòng (GAET). Sản phẩm chính của dự án là Nitrat Amon (NH_4NO_3) Amoniac (NH_3), hợp chất quan trọng trong công nghiệp quốc phòng. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương tại văn bản số 741/TTg-KTN ngày 31/05/2012. Đây là một dự án lớn, phức tạp nhưng mang lại hiệu quả kinh tế cũng như đóng góp đáng kể vào công cuộc xây dựng đất nước và quốc phòng toàn dân. Hiện dự án đang trong quá trình lựa chọn địa điểm, và thu xếp nguồn khí tự nhiên nguyên liệu.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2013	TỶ LỆ TĂNG (GIẢM)
TỔNG TÀI SẢN	10.581	10.805	2%
Tài sản ngắn hạn	7.204	7.515	4%
Tài sản dài hạn	3.376	3.290	-3%
TỔNG NGUỒN VỐN	10.581	10.805	2%
NỢ PHẢI TRẢ	1.415	1.249	-12%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.959	9.346	4%
Vốn điều lệ	3.800	3.800	0%
TỔNG DOANH THU	13.906	10.807	-22%
TỔNG CHI PHÍ	10.317	8.208	-20%
LÃI VAY	2	3	50%
EBIT	3.591	2.602	-28%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	3.542	2.468	-30%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	3.068	2.179	-29%
LNST cổ đông thiểu số	51	37	-27%
LNST Công ty mẹ	3.016	2.142	-29%

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	5,16	6,14
Hệ số thanh toán nhanh	4,32	5,05
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	13,37%	11,56%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	15,79%	13,37%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	11,37	7,73
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	126%	96%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu	26%	23%
ROE	33,67%	22,92%
ROA	28,51%	19,83%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2013 CỦA CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

ĐVT: Tỷ đồng

NỘI DUNG	SỐ CUỐI KỲ				HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2013	
	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ THEO MỆNH GIÁ	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ THỰC TẾ	VĐL	LNST	TỶ SUẤT LNST/VĐL	CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA
Đầu tư vào Công ty con	466,46	466,46	629,25	139,014		74,67
PVFCCo - North	90,00	90,00	120,00	22,89	19%	15,30
PVFCCo - Central	75,00	75,00	100,00	36,38	36%	15,00
PVFCCo - SE	93,75	93,75	125,00	31,41	25%	17,81
PVFCCo - SW	127,50	127,50	170,00	30,39	18%	19,13
PVFCCo - Packaging	21,41	21,41	42,00	9,77	23%	3,02
PVFCCo - SBD	58,80	58,80	72,25	8,17	1%	4,41
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	634,14	634,14	2.417,24	(490,638)		-
PVTEX	534,14	534,14	2.136,55	(366,204)	-17%	-
PVC - Mekong	100,00	100,00	280,69	(124,434)	-44%	-
Đầu tư dài hạn khác	74,93	77,88	837,35	156,56		5,13
DMC	51,33	57,37	500,00	147,50	29%	5,13
PAIC	3,60	3,60	42,35	0,50	1%	-
Công ty CP Thủy hải sản Út Xi	20,00	16,90	295,00	8,56	3%	-
TỔNG CỘNG	1.175,53	1.178,47	3.883,84	(195,068)		79,80

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN:

Tổng số cổ phần của Tổng công ty khi phát hành lần đầu (IPO) ra công chúng: 380.000.000 cổ phần, tất cả đều là cổ phần phổ thông.

Số cổ phần đang lưu hành: Tại thời điểm cuối năm 2013, tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty là 379.934.260 cổ phiếu (trừ 65.740 cổ phiếu quỹ).

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không có.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 06/03/2014, tổng số cổ phần đang lưu hành là 379.934.260 cổ phần, sở hữu bởi 6.975 cổ đông.

Cổ đông trong nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
Pháp nhân	97	247.837.072	65,23%
Cá nhân	6.964	19.370.564	5,10%
Cộng	7.061	267.207.636	70,33%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước:

TT	TÊN CỔ ĐÔNG VÀ ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẪM GIỮ	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tập đoàn kinh tế Nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. Website: www.pvn.vn	- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong ngành dầu khí; Kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu; - Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo; - Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng.	233.204.253	61,38%

Cổ đông nước ngoài

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài:

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
Pháp nhân	123	111.546.666	29,36%
Cá nhân	494	1.179.958	0,31%
Cộng	617	112.726.624	29,67%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài: Không có

Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (như trên).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2013, Tổng công ty không tăng vốn vổ phần.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm đầu năm 2013: 2.445.680 cổ phần.

Trong tháng 2 và tháng 3/2013 Tổng công ty đã bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời 31/12/2013: 65.740 cổ phần.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

“BƯỚC SANG NĂM THỨ 11 KỂ TỪ NGÀY THÀNH LẬP, TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP TIẾP TỤC DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO SỨ MỆNH VÀ CHIẾN LƯỢC ĐÃ ĐỀ RA. KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY KINH NGHIỆM, NGUỒN NHÂN LỰC CÙNG VỚI NHỮNG THAY ĐỔI PHÙ HỢP VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC ĐIỀU HÀNH, NĂM 2013 TỔNG CÔNG TY TIẾP TỤC ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ KHẢ QUAN VÀ VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG BỐI CẢNH NHIỀU KHÓ KHĂN HƠN TRƯỚC, HOÀN THÀNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÀ NÂNG CAO VỊ THẾ CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC. BAN ĐIỀU HÀNH ĐÁNH GIÁ VỀ NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CHỦ YẾU NHƯ SAU:



ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Thuận lợi

- » Tổng công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Tập đoàn, các đơn vị trong Ngành và các Bộ/Ngành có liên quan, đặc biệt là đảm bảo nguồn nguyên liệu khí cho sản xuất.

- » Chất lượng và thương hiệu Đạm Phú Mỹ đã được khẳng định về uy tín, vị thế trong lĩnh vực phân bón.

- » Hệ thống phân phối, kinh doanh được triển khai bền vững đến các vùng tiêu thụ.

Khó khăn

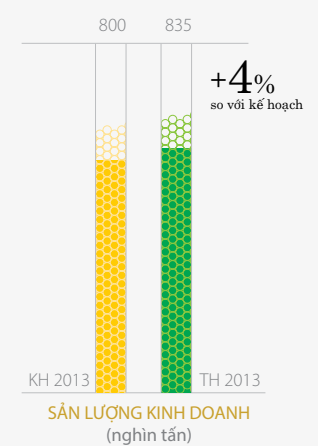
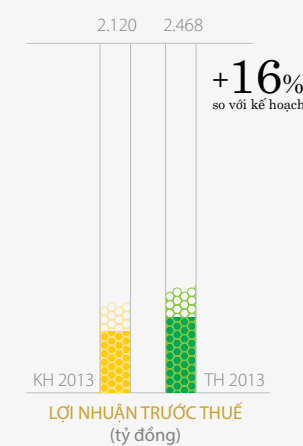
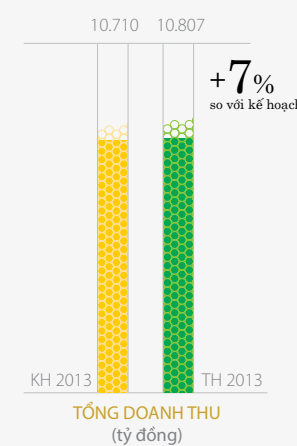
- » Nhà máy vận hành đã hơn 10 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố về máy móc, thiết bị.

- » Giá xăng dầu tăng làm tăng chi phí vận chuyển, bốc xếp từ 7 đến 20% và tăng các chi phí khác trong lưu thông lên từ 5 đến 18% so với năm 2012.

- » Thị trường kinh doanh tuy được mở rộng nhưng mức độ cạnh tranh ngày một gay gắt do nguồn cung trong nước dồi dào.

7.000.000

tấn ĐẠM PHÚ MỸ
đạt được vào ngày 20/12/2013



KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM:

- » Doanh thu: 10,8 nghìn tỷ đồng (5,6 tỷ/người) - vượt 7% KH;
- » Lợi nhuận: 2,46 nghìn tỷ đồng (1,25 tỷ/người) - vượt 16% KH;
- » Sản lượng sản xuất: 822 nghìn tấn ĐPM, về đích trước 19 ngày;
- » Đạt mốc 7 triệu tấn ĐPM ngày 20/12/2013;
- » Sản lượng KD: 835 nghìn tấn ĐPM (chưa kể các loại phân bón khác) - vượt 4% KH khi thị trường cạnh tranh rất gay gắt.

CÁC TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM:

- » Trong hoạt động sản xuất: Tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng sửa chữa lớn, công tác này trong năm

2013 đã có tiến bộ lớn, đạt được kết quả tốt nhất về mọi mặt. Công tác rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả, giúp công tác quản lý và giảm giá thành sản xuất.

- » Trong hoạt động kinh doanh: Thương hiệu Đạm Phú Mỹ được giữ vững trên thị trường, thị phần được mở rộng và từng bước phát triển ra thị trường quốc tế; Dù thị trường phân đạm đã xuất hiện sự cạnh tranh mạnh mẽ nhưng Tổng công ty đã duy trì được thị phần, sản lượng tiêu thụ tối đa.

- » Trong công tác tổ chức, nhân sự: Đã quyết liệt triển khai dự án KPI và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực nhân viên khoa học, hợp lý và hiệu quả, dự kiến năm tiếp theo sẽ hoàn thành và đem lại sự thay đổi tích cực.

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2013, hoạt động SX - KD của Tổng công ty cũng còn một số hạn chế cần được khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- » Biên chế lớn, bộ máy công kênh.
- » Thu nhập khá cao nhưng còn cào bằng nên chưa tạo thành động lực, khuyến khích người lao động hăng hái làm việc.
- » Cán bộ thị trường còn thiếu kinh nghiệm trong kinh doanh các mặt hàng ngoài ĐPM.
- » Lực lượng làm công tác triển khai dự án đồng nhưng chưa tinh nhuệ.

Các hạn chế này là thách thức không nhỏ mà PVFCCo cần phải khắc phục ngay khi thị trường cạnh tranh cao và ngày một gay gắt.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN CỦA PVFCCO:

Tổng tài sản của PVFCCo tại ngày 31/12/2013 là 10.805 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2012 (10.805 /10.580 tỷ đồng). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo giảm 28% so với cùng kỳ năm 2012 (4.032/5.629 tỷ đồng) do PVFCCo điều chỉnh kỳ hạn tiền gửi từ 1 tháng đến 3 tháng lên thành tiền gửi kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng nhóm 1 và 2 theo xếp loại của Ngân hàng Nhà nước.

Trong năm 2013, PVFCCo thực hiện việc trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo quy định của Bộ Tài chính đối với công ty PVTEX, PVC-Mekong và PAIC với số tiền trích lập là 148,71 tỷ đồng.

Trong năm 2013, tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 22% so với cùng kỳ năm 2012 [10.807/13.858 (tỷ đồng)]. Lợi nhuận giảm 30% so với năm 2012, nguyên nhân chủ yếu là do:

- » Giá khí đầu vào tăng 2% và các yếu tố chi phí như điện, xăng dầu, hóa chất, vận chuyển tăng từ 5% đến 15% đã làm tăng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.
- » Sản lượng tiêu thụ Urê PM giảm 8% so với cùng kỳ năm 2012 (835.395/908.879 tấn)
- » Giá bán Urê PM giảm 6% so với năm 2012 [8,458/8,982 (triệu đồng/tấn)]

- » Ngoài ra, Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 24% (429/568 tỷ đồng) nguyên nhân do lãi suất tiền gửi giảm.
- » Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính năm 2013 với tổng số tiền trích lập là 148,71 tỷ đồng.

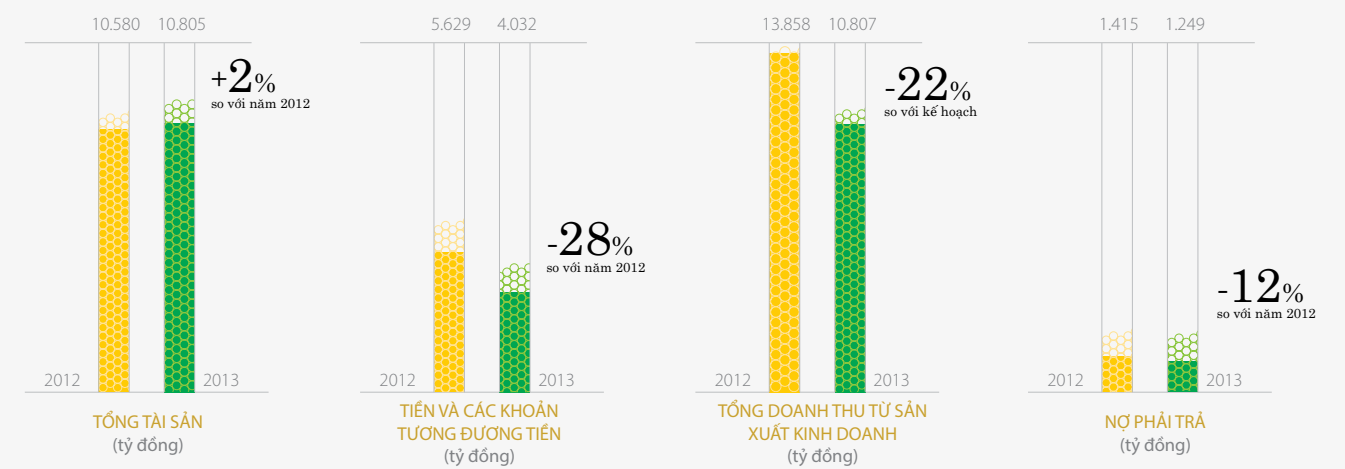
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Khoản nợ phải trả năm 2013 của PVFCCo là 1.249 tỷ đồng giảm 12% so với cùng kỳ năm 2012 (1.249/1.415 tỷ đồng). Nguyên nhân chính là do chi phí sửa chữa lớn TSCĐ giảm.

Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2013 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các

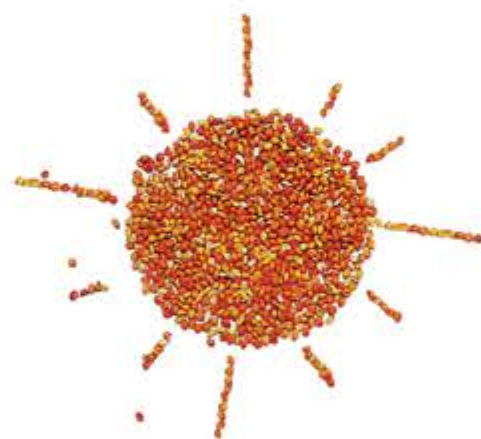
khoản nợ tốt; Các chỉ số này tăng so với năm 2012 nguyên nhân do khoản nợ ngắn hạn năm 2013 giảm 12% so với cùng kỳ năm 2012 chủ yếu là do chi phí phải trả giảm.

Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 4.032 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.



CẢI TIẾN QUY TRÌNH

Năm 2013, ngành phân bón chính thức trở thành ngành sản xuất kinh doanh có điều kiện, đánh dấu một bước phát triển mới trong toàn ngành phân bón nói chung và phân đạm nói riêng. Trong bối cảnh đó, PVFCCo đẩy mạnh chiến lược hội nhập kinh tế, mở rộng quy mô, đặc biệt là thị trường xuất khẩu.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013
- 64 Dự báo thị trường phân bón và những thách thức với PVFCCo năm 2014

**MẶC DÙ TRONG
BỐI CẢNH CHUNG
HẾT SỨC KHÓ
KHĂN CỦA NỀN
KINH TẾ VÀ CÁC
DOANH NGHIỆP
SẢN XUẤT
KINH DOANH
PHÂN BÓN,
CŨNG NHƯ TÁC
ĐỘNG LỚN CỦA
VIỆC THAY ĐỔI
CÁN CÂN CUNG
CẦU TRONG NƯỚC,
GIÁ PHÂN BÓN
THẾ GIỚI GIẢM
MẠNH, NHƯNG
VỚI NHỮNG GIẢI
PHÁP ĐÚNG ĐẮN
PVFCCO ĐÃ HOÀN
THÀNH XUẤT SẮC
CÁC NHIỆM VỤ
VÀ CHỈ TIÊU KẾ
HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH
NĂM 2013.**



TỔNG QUAN

Năm 2013, mặc dù Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo) triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức; cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt; thị trường phân đạm cung vượt cầu; giá phân bón thế giới liên tục giảm, đặc biệt trong những tháng cuối năm; giá nông sản giảm; giá vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đều tăng, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, PVFCCo đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHQĐĐ thông qua.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Nếu năm 2012 được nhận định là “Mười năm kết tinh giá trị” thì năm 2013 tiếp tục là một năm thành công trên chặng đường mới. Những thành tựu và kết quả đạt được của năm 2013 chính là sự nỗ lực của trí tuệ và sức mạnh của tập thể, đặt nền móng vững chắc cho chặng đường 10 năm tiếp theo với những hoài bão về những thành tích mới, kỷ lục mới.

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2013 như sau: mặc dù trong bối cảnh chung hết sức khó

khăn của nền kinh tế và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón, cũng như tác động lớn của việc thay đổi cán cân cung cầu trong nước, giá phân bón thế giới giảm mạnh, nhưng với những giải pháp đúng đắn, PVFCCo đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của TCT là đạm Phú Mỹ, trong năm 2013, Tổng công ty đã chủ động đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, SA Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ, ...), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của TCT, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối PVFCCo đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2013, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001-2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 3S, ... TCT triển khai thực hiện để án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã

triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2013, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

VỀ NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT

Công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm chưa tạo ra sản phẩm mới trong năm 2013. Mặc dù phát triển sản phẩm trong lĩnh vực phân bón, hóa chất không thể nhanh chóng nhưng trước yêu cầu phát triển của Tổng công ty thì mảng này cần phải được triển khai quyết liệt hơn nữa.

VỀ KINH DOANH VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hiệu quả và tỷ trọng kinh doanh các mặt hàng tự doanh (ngoài urê) và sản phẩm hóa chất của Tổng công ty năm 2013 có bước tiến khả quan nhưng chưa đóng góp lợi nhuận như kỳ vọng. Với tình hình lợi nhuận từ kinh doanh sản phẩm ĐPM không còn thuận lợi như trước, áp lực và yêu cầu hiệu quả trong mảng kinh doanh các mặt hàng khác càng cao và đòi hỏi nỗ lực hơn nữa của bộ phận kinh doanh. Trong bối cảnh mới, hệ thống phân phối cũng cần được rà soát, đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.

Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp

giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;

Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001: 2004; hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc kinh doanh các mặt hàng tự doanh: Urê, NPK, Kali, các mặt hàng hóa chất và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.

“THEO NHẬN ĐỊNH CỦA NHIỀU TỔ CHỨC VÀ CHUYÊN GIA KINH TẾ, TRIỂN VỌNG CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2014 ĐƯỢC DỰ BÁO SẼ TĂNG TRƯỞNG CAO HƠN NĂM 2013, TUY NHIÊN NỀN KINH TẾ CỦA CHÚNG TA VẪN CÒN ĐỐI MẶT VỚI RẤT NHIỀU KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC, BÊN CẠNH VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM CHẾ LẠM PHÁT, CHÚNG TA CẦN PHẢI DUY TRÌ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG Ở MỨC HỢP LÝ. VẤN ĐỀ NỢ XẤU, HÀNG TỒN KHO, THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN ĐÓNG BĂNG, ĐÌNH ĐÓN SẢN XUẤT, ... VẪN TIẾP TỤC LÀ NHỮNG KHÓ KHĂN PHẢI ĐỐI MẶT. NĂM 2014, CŨNG SẼ LÀ NĂM THỰC SỰ KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC VỚI PVFCCo, KHI MÀ THỊ TRƯỜNG PHÂN ĐẠM TRONG NƯỚC DƯ THỪA NGUỒN CUNG, CẠNH TRANH GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC NGÀY Càng GAY GẮT VÀ QUYẾT LIỆT.”

Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2014, với kế hoạch, định hướng sau:

Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các Nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.

Chỉ đạo triển khai để án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy đạm Phú Mỹ.

Chỉ đạo công tác kinh doanh phân bón và hóa chất đảm bảo hiệu quả, đặc biệt ngoài các chỉ tiêu kinh doanh sản phẩm Đạm Phú Mỹ cần chú trọng đến chỉ tiêu sản lượng và hiệu quả của công tác kinh doanh hàng tự doanh mang thương hiệu Phú Mỹ, hóa chất dầu khí và các sản phẩm mới.

Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh phân bón, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

Hoàn thiện và áp dụng các mô hình quản lý sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng, quản trị tiên tiến trên thế giới (ISO, OSHAS, ERP, KPI, ...) nhằm giảm thiểu rủi ro, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp; Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại PVFCCo cho phù hợp với tình hình thực tế.

Tiếp tục triển khai hoàn thiện công tác sắp xếp, tái cấu trúc theo định hướng và kế hoạch đã đề ra; Chỉ đạo rà soát, cập nhật và hoàn thiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch 5 năm và chiến lược phát triển của Tổng công ty, các đơn vị thành viên đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.

Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất phân bón và hóa chất để thực hiện chiến lược phát triển đa dạng hoá sản phẩm, như: NH₃-NPK, UFC 85, H₂O₂, ...

Củng cố và hoàn thiện hệ thống phân phối phân bón trong nước, ngoài nước; Hoàn thiện tổ chức mạng lưới tiêu thụ, kho trung chuyển.

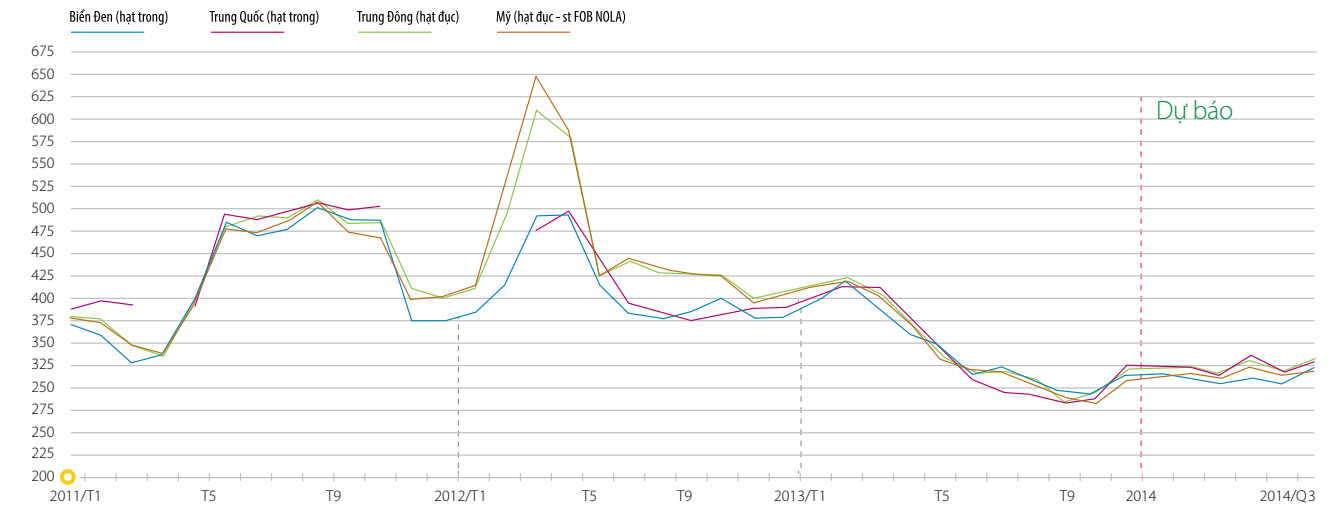
Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.



DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

Giá ure thế giới liên tục giảm trong năm 2013, nguyên nhân chính do nguồn cung tăng lên từ các dự án nhà máy mới đi vào hoạt động khiến dư thừa cung và cạnh tranh gay gắt. Các nhà máy mới chủ yếu ở khu vực Trung Đông và Châu Phi nơi có nguồn khí dồi dào nên giá thành sản xuất thấp và khả năng cạnh tranh cao. Dự kiến sản lượng ure thế giới tăng thêm hơn 3 triệu tấn trong năm 2014, nâng tổng sản lượng ure thế giới lên 168 triệu tấn. Ngoài ra nguồn cung ure Trung Quốc dồi dào và chính sách xuất khẩu ngày càng nới rộng cũng tác động lớn đến thị trường phân ure thế giới.

Thị trường ure hồi phục nhẹ đầu năm 2014 nhờ nhu cầu mùa vụ tăng, tuy nhiên nguồn cung ure Trung Quốc dồi dào và nhu cầu Ấn Độ thấp hơn dự kiến đã không hỗ trợ nhiều đà hồi phục này. Sản lượng ure ngày càng tăng trong khi nhu cầu ổn định khiến xu hướng giá nhìn chung giảm trong các năm tới. Đặc biệt là ure Nga, Ukraine sẽ chịu cạnh tranh gay gắt từ ure Trung Quốc và các nguồn cung mới từ Trung Đông và Châu Phi. Lợi thế sẽ thuộc về các nhà sản xuất có giá nguyên liệu đầu vào thấp, các nhà máy cũ gây ô nhiễm môi trường hoặc nhà máy có nguồn cung khí giá cao sẽ buộc phải đóng cửa do không thể cạnh tranh.



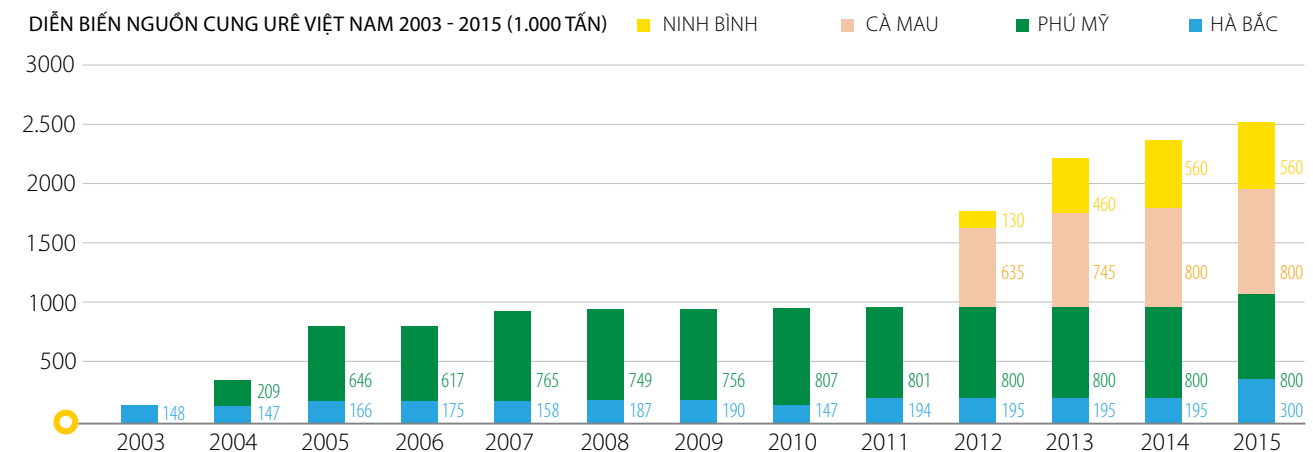
GIÁ URE THẾ GIỚI 2011 - 2014 (FOB USD/TẤN)

Tương tự ure, giá các loại phân bón khác như Kali, DAP, SA,... giảm mạnh trong năm 2013 và có khả năng hồi phục nhẹ trong năm 2014.

Thị trường ure trong nước sôi động hơn từ khi có thêm 2 nhà sản xuất mới tham gia thị trường, nâng tổng

công suất ure cả nước lên 2,35 triệu tấn. Ước tính sản lượng sản xuất trong năm 2013 khoảng 2,1 triệu tấn so với nhu cầu ổn định ở mức 2 triệu tấn ure/năm. Các nhà máy mới dự kiến hoạt động đủ công suất từ năm 2014, cùng với đó Nhà máy đạm Hà Bắc dự kiến nâng công suất lên 350 ngàn tấn từ

năm 2015, tiếp tục đẩy nguồn cung lên mức 2,5 triệu tấn. Hiện tại nguồn cung ure trong nước đã đủ đáp ứng nhu cầu và không phụ thuộc vào hàng nhập khẩu. Dự báo cùng xu hướng với giá ure thế giới, giá ure trong nước các năm tới sẽ ở mức thấp, khó đạt mức trung bình của năm 2013.



THÁCH THỨC ĐỐI VỚI PVFCCO

“**NGUỒN CUNG URÊ TRONG NƯỚC VƯỢT NHU CẦU. VỚI SỰ THAM GIA CỦA CÁC NHÀ MÁY PHÂN BÓN MỚI VÀ NHIỀU SẢN PHẨM PHÂN BÓN NHẬP KHẨU, THỊ TRƯỜNG NGÀY Càng SÔI ĐỘNG HƠN VÀ CẠNH TRANH CŨNG GAY GẮT HƠN. GIÁ URÊ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC NHÌN CHUNG ĐỀU CÓ XU HƯỚNG GIẢM. GIÁ BÁN PHÂN BÓN GIẢM TRONG KHI CÁC CHI PHÍ TĂNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN CỦA PVFCCO. BÊN CẠNH ĐÓ THỜI TIẾT XẤU, THIÊN TAI BÃO LŨ VÀ GIÁ CÁC LOẠI NÔNG SẢN GIẢM CŨNG TÁC ĐỘNG KHÔNG NHỎ ĐẾN VIỆC KINH DOANH PHÂN BÓN.**

Trong bối cảnh mới nhiều thách thức, PVFCCo đặt ra mục tiêu đa dạng để phát triển. Đa dạng từ sản phẩm cung ứng ra thị trường, không giới hạn ở Đạm Phú Mỹ mà còn mở rộng ra NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, SA Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ,... cho đến các chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp nhiều đối tượng khách hàng. Trọng tâm và nền tảng của mục tiêu là phát triển Hệ thống phân phối bền vững, bao gồm việc củng cố HTPP và tạo sự khác biệt so với đối thủ cạnh tranh. HTPP hiện tại của PVFCCo

bao gồm 10 chi nhánh/cửa hàng Phân bón và Hoá chất Dầu khí trực thuộc 4 công ty thành viên, 103 đại lý, cửa hàng cấp 1 và hơn 3.000 cửa hàng cấp 2 trên toàn quốc. PVFCCo tạo sự khác biệt từ việc chăm sóc khách hàng, dịch vụ hậu mãi và cung ứng gói dịch vụ kỹ thuật đi kèm với sản phẩm. Cùng với sự quyết tâm cao và tinh thần “vượt thách thức để thành công”, PVFCCo đặt kỳ vọng trở thành doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh phân bón hoá chất hàng đầu cả nước.



CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2014
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	800.000
1.2	Bao bì	Triệu Bao	46
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	800.000
2.2	Phân bón kinh doanh khác	Tấn	330.000
2.3	Bao bì	Triệu bao	46
2.4	Hóa chất	Tấn	4.200

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH TOÀN TỔNG CÔNG TY (HỢP NHẤT)

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2014
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.700
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	7.316
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.384
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.219
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	362

KẾ HOẠCH CÔNG TY MẸ

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2014
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.103
	Trong đó: Vốn điều lệ/vốn điều lệ bình quân	Tỷ đồng	3.800
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.620
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.302
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.175
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	31
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	25
7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	300

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2014
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	454
a	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	329
b	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	125
c	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	454
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	324
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	130

Tiếp bước **VƯỜN XA**

Chất lượng luôn là yếu tố khách hàng quan tâm và là tiêu chí hàng đầu cho định hướng sản phẩm của PVFCCo. Năm 2013, PVFCCo tập trung mọi nguồn lực cho giai đoạn phát triển mới, đề ra mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 70 Các mục tiêu, định hướng phát triển
- 72 Tình hình quản trị Tổng công ty
- 78 Báo cáo Quản trị rủi ro

800.000 tấn/năm

Vận hành
hiệu quả và ổn định (2013-2015)

“GIỮ VỮNG NHỮNG THÀNH QUẢ ĐÃ ĐƯỢC KẾT TINH, PHÁT HUY THẾ MẠNH SỞ TRƯỞNG, TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HOÁ CHẤT DẦU KHÍ ĐÃ VẠCH RA NHỮNG LỘ TRÌNH CỤ THỂ ĐỂ NÂNG CAO VỊ THẾ CHO MỘT TÊN TUỔI HÀNG ĐẦU KHÔNG CHỈ TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM MÀ CÒN VANG DANH TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ. GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2013 ĐẾN 2015, BÁM SÁT CHIẾN LƯỢC ĐÃ ĐƯỢC CẬP NHẬT NĂM 2011, TỔNG CÔNG TY TRIỂN KHAI CÁC ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NHƯ SAU:

VỀ SẢN XUẤT: Vận hành hiệu quả, ổn định Nhà máy đạm Phú Mỹ (800.000 tấn/năm), nâng sản lượng sản xuất bao bì tăng dần đạt 46 triệu bao trong năm 2014 lên 53,2 triệu bao/năm tới năm 2015 nhằm đáp ứng nhu cầu bao bì cho phân bón, hóa chất và nhu cầu kinh doanh của Tổng công ty..

VỀ KINH DOANH PHÂN BÓN: Tiêu thụ toàn bộ sản phẩm phân Urê do Tổng công ty sản xuất đảm bảo đáp ứng duy trì thị phần phân Urê trong nước, mở rộng thị phần ra thị trường nước ngoài trên cơ sở

tối ưu hiệu quả kinh doanh; Tham gia kinh doanh các sản phẩm phân bón khác, trong đó kinh doanh sản phẩm NPK Phú Mỹ từ nguồn nhập khẩu và thuê gia công trong nước, đạt 10-15% thị phần trong nước từ sau năm 2013. Mở rộng kinh doanh các loại phân bón khác để nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống phân phối và thương hiệu PVFCCo. Dự kiến kinh doanh nguồn phân bón Kali nhập khẩu để đáp ứng 35% nhu cầu thị trường và các loại phân bón chuyên dùng khác (như phân bón lá...)

VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH HÓA CHẤT, CÁC MỤC TIÊU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẾN NĂM 2015 bao gồm:

- » Chiếm 10-15% thị phần hoá chất chuyên dụng cho khâu đầu và khâu sau của ngành dầu khí.
- » Chiếm 5% thị phần hoá chất nông nghiệp (màng phân bón lá, thuốc bảo vệ thực vật...).

Doanh số lĩnh vực sản xuất hoá chất đạt hơn 500 tỷ đồng trong năm 2015.

VỀ ĐẦU TƯ:

- » Hoàn thành khâu chuẩn bị đầu tư để khởi công dự án nâng công suất xưởng Amoniac Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học công suất 250.000T/năm; khởi công xây dựng xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde.
- » Hoàn thành khâu chuẩn bị đầu tư dự án tổ hợp sản xuất 450.000 tấn Amoniac/năm và 200.000 tấn Nitrat Amon/năm.



- » Triển khai xây dựng và hoàn thành nhà máy sản xuất nước Oxy già công suất 20.000 tấn/năm.
- » Điều chỉnh quy hoạch và hoàn tất thực hiện đầu tư hệ thống kho - cảng phục vụ hoạt động kinh doanh

phân phối sản phẩm phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

- » Thoái vốn và thu hồi toàn bộ đầu tư tại các dự án/tài sản ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính (phân bón & hóa chất).

TỔNG CÔNG TY ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN MỘT SỐ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐỂ RA TRONG GIAI ĐOẠN 2008 - 2015 CHƯA THỰC HIỆN ĐƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN VỪA QUA VÀ TIẾN ĐỘ MỘT SỐ DỰ ÁN CHẠM SO VỚI MỤC TIÊU HOÀN THÀNH VÀO CUỐI NĂM 2015 LÀ: MỘT SỐ DỰ ÁN LỚN TẠM DỪNG CHƯA TRIỂN KHAI HOẶC CHƯA THÀNH CÔNG NHƯ ĐÃ PHÂN TÍCH Ở PHẦN TRÊN; CÁC DỰ ÁN AMMONIAC, NITRAT AMON, OXY GIÀ TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN KINH TẾ GẶP KHỦNG HOẢNG NÊN VIỆC NGHIÊN CỨU CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CẦN THÊM NHIỀU THỜI GIAN.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) ĐÃ ĐƯỢC ĐHCĐ BẦU LẠI NHIỆM KỲ 2013 - 2018 GỒM 5 THÀNH VIÊN VỚI THÔNG TIN CHI TIẾT NHƯ Ở CÁC PHẦN TRÊN, TRONG ĐÓ CÓ 1 CHỦ TỊCH, 1 PHÓ CHỦ TỊCH, 1 THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH, 1 THÀNH VIÊN KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ 1 THÀNH VIÊN KIỂM NHIỆM VÀ KHÔNG ĐIỀU HÀNH. HĐQT KHÔNG THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐƯỢC PHÂN CÔNG CỤ THỂ CHO CÁC THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH PHỤ TRÁCH THEO TỪNG LĨNH VỰC ĐỂ THẨM TRA CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT ĐỂ HĐQT RA QUYẾT ĐỊNH, ĐỒNG THỜI GIÁM SÁT, CHỈ ĐẠO, ĐÓN ĐÓC TỔNG CÔNG TY TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT THEO LĨNH VỰC ĐƯỢC PHÂN CÔNG.”

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2013, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm 2013, HĐQT đã có 8 phiên họp và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, quyết định những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

- » Kế hoạch: Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013, phê duyệt kế hoạch tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2013. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2014 để báo cáo ĐHCĐ thông qua trong phiên họp thường niên 2014.
- » Về tổ chức: Tiếp tục chỉ đạo rà soát để thực hiện phương án tái cấu trúc giai đoạn 2012-2015 của Tổng công ty; chỉ đạo hoàn tất việc thành lập Văn phòng đại diện tại Myanmar. Lập tờ trình về việc bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2013-2018.
- » Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ: Phê duyệt

và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 1 hệ thống ERP; Tiếp tục chỉ đạo việc áp dụng, theo dõi và điều chỉnh các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty với yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí nhằm quản lý hiệu quả chi phí và giá thành sản xuất.

- » Đầu tư, triển khai các dự án: Phê duyệt đầu tư dự án xường sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde, phê duyệt chủ trương nghiên cứu lập dự án đầu tư nâng công suất xường NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy phân NPK công nghệ hóa học, phê duyệt quyết toán Dự án kho cảng tổng hợp 20.000DWT.
- » Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế: Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của PVFCCo tại các doanh nghiệp; Quy chế quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế; Quy chế quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ; Quy chế quản trị Tổng công ty; Quy chế làm việc của HĐQT; Quy chế quản lý nợ; Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh phân bón; Quy chế đại lý tiêu thụ sản phẩm đạm Phú Mỹ; Quy chế quản lý công tác nghiên

cứu khoa học và các hoạt động hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

- » Phê duyệt và điều chỉnh các bộ định mức kinh tế kỹ thuật: Phê duyệt bổ sung nguyên tắc, tiêu chí, định mức vật tư Capital Spares trong Bộ định mức số 5 - Định mức vật tư dự phòng tối thiểu.
- » Quan hệ cổ đông và chia cổ tức: Tổ chức thành công phiên họp ĐHCĐ thường niên 2013; tổ chức thường xuyên các cuộc gặp mặt nhà đầu tư theo yêu cầu; tổ chức gặp mặt cổ đông thường kỳ vào tháng 7 và tháng 10/2013; phát hành 3 bản tin nhà đầu tư vào quý 1, quý 3 và quý 4, phát hành Báo cáo thường niên vào quý 2; quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1 với tổng tỷ lệ trả cổ tức 25% mệnh giá cổ phiếu.
- » Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ: Bổ nhiệm thay thế một số người đại diện phần vốn tại các công ty con, miễn nhiệm 2 Phó Tổng giám đốc và bổ nhiệm 2 Phó Tổng giám đốc.
- » Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- » Các vấn đề khác: Quyết định tăng vốn đầu tư vào Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong), nâng tỷ lệ góp vốn lên 35,63%, tương ứng 100 tỷ đồng; thoái vốn

đầu tư tại các công ty CP Thể thao Văn hóa Dầu khí và Công ty CP Bảo bì Dầu khí Việt Nam;

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...
- » Theo dõi và nắm bắt quá trình điều

hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.

- » Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị Đinh Quang Hoàn, hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị.

BỒI DƯỠNG, ĐÀO TẠO NÂNG CAO KIẾN THỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY CHO CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về quản trị công ty tại thời điểm được bầu và bổ nhiệm.

Vào tháng 8/2013, Tổng công ty đã tổ chức cho toàn bộ các thành viên HĐQT tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty của Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo thuộc Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

“SAU KHI HẾT
NHIỆM KỲ 2007-2012,
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
ĐÃ BẦU LẠI 3 THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT (TRONG
ĐÓ 1 THÀNH VIÊN KIÊM
NHIỆM) NHIỆM KỲ 2013
- 2018. BAN KIỂM SOÁT
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG
QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ, HOẠT ĐỘNG
ĐIỀU HÀNH VÀ VIỆC THỰC
HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.”

HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2013 các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng hoàn thành tốt kế hoạch của ĐHĐCĐ, nhiệm vụ của PVN. BKS đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Doanh nghiệp.

BAN KIỂM SOÁT

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm sát tập trung:

Kiểm tra giám sát bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT, giám sát việc thực hiện chấp hành điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định, chỉ thị của tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với PVFCCo.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA
GIÁM SÁT

Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị: HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nghị

quyết của ĐHĐCĐ năm 2013.

HĐQT đã tiến hành họp định kỳ quyết nghị và ban hành và sửa đổi bổ sung 11 Quy chế, giao kế hoạch cho từng đơn vị, hoạt động kinh doanh hiệu quả; xây dựng hệ thống kho-cảng, hệ thống đại lý/cửa hàng tạo nên kênh phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng.

Đánh giá việc điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2013 Tổng công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	KH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	% HOÀN THÀNH
Tổng Doanh thu	10.100	10.807	107%
Lợi nhuận trước thuế	2.120	2.468	116%
Lợi nhuận sau thuế TNDN thuế	1.915	2.142	112%
Tỷ lệ chia cổ tức	25%	25% (đã tạm ứng)	100%

Vốn và tài sản của Tổng công ty được bảo toàn và tăng trưởng. Vốn điều lệ năm 2013 là 3.800 tỷ đồng, Tổng tài sản là 10.805 tỷ đồng. Trong năm 2013 Tổng giám đốc đã điều hành

hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp và quy định của luật pháp; phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



Về công tác triển khai các dự án
đầu tư xây dựng cơ bản:

Hầu hết các dự án trong năm 2013 được thực hiện triển khai theo kế hoạch như dự án nâng cao Công suất phân xưởng NH₃, Nhà máy NPK công nghệ hóa học, dự án xây bể chứa hóa chất UFC, dự án formanldehyde. Ngoài ra cũng còn một vài dự án chậm tiến độ: Kho cảng Đà Nẵng, kho Tây Ninh. Tổng giá trị giải ngân ĐTXDCB và mua sắm là 143/333 tỷ đồng đạt 43% kế hoạch.

Các dự án đầu tư góp vốn vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết được thực hiện theo các quyết nghị của ĐHĐCĐ. Đến 31/12/2013 tổng số vốn đầu tư góp vốn vào các công ty con là 466,5 tỷ đồng, đầu tư vào các công ty liên kết là 634 tỷ đồng và đầu tư dài hạn khác 78 tỷ đồng.

Về công tác triển khai các dự án
đầu tư xây dựng cơ bản:

Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức theo hướng công ty mẹ nắm giữ, chi phối và điều hành trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh chính, tập trung lĩnh vực phân bón và hóa chất, rà soát hoàn thiện cơ cấu các Ban/Phòng trong bộ máy quản lý để hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế. Thoái vốn đối với các công ty ngoài ngành...

Công tác nhân sự - đào tạo,
tiền lương:

Tổng công ty luôn tuân thủ các quy định quản lý cán bộ chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc dựa trên năng lực thành tích cá nhân; thường xuyên rà soát, cập nhật hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc.

Đã rà soát các qui định chế độ chính sách nhằm ban hành các quy chế tiền lương, tiền thưởng và thu nhập của CBCNV thể hiện sự quan tâm đến lợi ích của người lao động trên khuôn khổ của luật pháp quy định.

Công tác kế toán tài chính, kiểm
toán nội bộ:

Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch, nội dung và đề xuất chọn lựa Công ty Kiểm toán Deloitte thực hiện kiểm toán BCTC năm 2013, Báo cáo tài chính của PVFCCo đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty, việc ghi chép, phân loại và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, PVFCCo đã tuân thủ các quy định quản lý vốn, quản lý tài chính, tối đa hóa lợi ích dòng tiền.

Công tác kiểm toán nội bộ của TCT ngày càng hoàn thiện, đã kiểm tra kiểm toán các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra tính tuân thủ về thuế, hạch toán kế toán, tài chính ở văn phòng TCT và các đơn vị thành viên. Năm 2013 Ban kiểm soát đã kết hợp cùng Đoàn kiểm toán nội bộ, kiểm soát viên của đơn vị thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động SXKD của TCT và công ty trực thuộc.



CHI TIẾT TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ TIỀN THƯỞNG NĂM 2013

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính

sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

CHI TIẾT TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ TIỀN THƯỞNG NĂM 2013

STT	HỌ & TÊN	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG - THÙ LAO (TRIỆU VNĐ)	TIỀN THƯỞNG - PHÚC LỢI (TRIỆU VNĐ)	TỔNG THU NHẬP (TRIỆU VNĐ)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			3.112	1.907	5.019
1	Bùi Minh Tiến	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ 12/12/2013)	689	468	1.157
	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ 12/12/2013)	37	22	59
2	Cao Hoài Dương	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	739	471	1.210
3	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	645	407	1.052
4	Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên HĐQT	311	180	490
5	Bùi Quang Hưng	Ủy viên HĐQT	311	180	490
6	Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên HĐQT	311	180	490
7	Đình Quang Hoàn	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	70	-	70
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG			4.383	2.490	6.873
1	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	629	363	992
2	Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng giám đốc	629	363	992
3	Chu Thị Hiền	Phó Tổng giám đốc	105	61	165
4	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	518	304	822
5	Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng giám đốc	314	182	496
6	Dương Trí Hội	Phó Tổng giám đốc	287	168	455
7	Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc	629	363	992
8	Từ Cường	Phó Tổng giám đốc	664	363	1.028
9	Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng	609	323	933
BAN KIỂM SOÁT			1.038	523	1.561
1	Trần Thị Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	602	320	922
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát	400	203	603
3	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên BKS kiêm nhiệm	36	-	36
TỔNG CỘNG			8.533	4.921	13.454

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), có Người đại diện phần vốn là ông Bùi Quang Hưng, giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị PVFCCo đến ngày 25/04/2013, đã thông báo giao dịch cổ phiếu DPM trong năm 2013 như sau:

- » Ngày 02/01/2013 thông báo số lượng cổ phiếu nắm giữ là 20.000 CP;
- » Ngày 03/01/2013 thông báo đăng ký bán 20.000 CP;
- » Ngày 06/02/2013 thông báo đã bán 5.000 CP;
- » Ngày 01/04/2013 thông báo đăng ký bán 15.000 CP.

Sau đó kể từ ngày 25/04/2013, PVFC không còn là người có liên quan của cổ đông nội bộ của DPM và không có báo cáo tình hình giao dịch cổ phiếu.

Ngày 16/01/2013: Cổ đông Deutschebank AG London thông báo mua 354.900 CP nâng tỷ lệ sở hữu lên 5,07%.

Ngày 24/06/2013: Norges Bank thông báo cùng nhóm cổ đông có liên quan đã tăng mua cổ phiếu và sở hữu 5,01%.

Ngày 10/07/2013: Cổ đông Deutschebank AG London thông báo bán 152.230 CP giảm tỷ lệ sở hữu còn 4,99%.

Ngày 16/09/2013: Norges Bank thông báo cùng nhóm cổ đông có liên quan đã tăng mua cổ phiếu và sở hữu 6,00%.

Các đối tượng khác: Không có thông báo giao dịch cổ phiếu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2013 không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.



“TẠI PVFCCO - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) QUẢN TRỊỆT TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH MỘT CƠ CHẾ QUẢN TRỊ RỦI RO (QTRR) THÍCH HỢP VÀ MỘT HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ (KSNB) HIỆU QUẢ, THAM CHIẾU CÁC THÔNG LỆ TIỀN TIẾN QUỐC TẾ NHẪM ĐẢM BẢO CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU ĐƯỢC QUẢN LÝ SÂU SÁT TẠI TẤT CẢ CÁC QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CẤP ĐỘ QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY.

Tiếp tục kiện toàn cơ sở hạ tầng về kiểm soát và Quản trị rủi ro, thực hiện cải tiến các hoạt động chính như sau:

VỀ CHÍNH SÁCH

Hoàn thiện quy chế liên quan đến quản trị rủi ro nội bộ, phân định rõ ràng vai trò và trách nhiệm giữa HĐQT và Ban điều hành, đặc biệt trong công tác triển khai các hoạt động về KSNB.

Khẩu vị rủi ro (risk appetite) được xác định rõ ràng và hiệu chỉnh qua hoạt động thực tiễn. Tổng công ty quyết tâm kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm tối đa việc tuân thủ luật pháp và các quy định nội bộ, hạn chế các rủi ro hoạt động ở mức độ hợp lý nhằm đạt được mục tiêu chiến lược kinh doanh. Các thước đo và Danh mục rủi ro được xác định và thiết lập rõ ràng.

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Với trách nhiệm thúc đẩy thành công dài hạn của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đã nhận diện và giám sát các phạm vi rủi ro trọng yếu của PVFCCo với sự trợ giúp kỹ thuật của Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB).

Dưới sự giám sát chỉ đạo của thành viên HĐQT được phân công, Ban KTNB với chức năng đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đã phát huy vai trò độc lập của mình và đưa ra các ý kiến tham vấn về hiệu quả của hệ thống KSNB, về công tác quản trị rủi ro cũng như trong việc tham vấn cho Ban điều hành về các rủi ro hoạt động.

Ban Kiểm toán nội bộ chính thức đi vào hoạt động trên cơ sở quyết định thành lập Ban kiểm toán nội bộ theo QĐ số 177/QĐ-PBHC ngày 24/05/2011, hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động số 182/QĐ-PBHC ngày 30/05/2012 do HĐQT phê duyệt là một bước ngoặt lớn trong hoạt động kiểm soát của PVFCCo tiến đến mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế. Với mục tiêu mang lại giá trị gia tăng và cải tiến hoạt động của Tổng công ty, trong năm 2013 Ban KTNB đã thực hiện thành công chương trình kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán năm được lập trên cơ sở báo cáo đánh giá rủi ro năm 2013 và mang lại những tư vấn cụ thể để cải thiện môi trường kiểm soát, như: Đánh giá hệ thống KSNB, phát hiện các hạn chế về mặt kiểm soát và ảnh hưởng của nó, đồng

thời khuyến nghị các giải pháp tăng cường các bước kiểm soát trong các quy trình liên quan đến hoạt động thuộc các quy trình kiểm toán; Tư vấn hệ thống hóa, rà soát và bổ sung các quy trình hoạt động, đặc biệt là các kiểm soát trong quá trình tác nghiệp; Truyền thông, trao đổi và chia sẻ đến các cấp Lãnh đạo, nhân viên vận hành quy trình về chức năng kiểm toán nội bộ, khung Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro.

Nhằm kết hợp chặt chẽ giữa chức năng kiểm toán và chức năng quản trị rủi ro, Ban lãnh đạo PVFCCo quyết tâm xây dựng đội ngũ KTNB chuyên nghiệp thông qua việc đầu tư sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp. Năm 2013 với sự hợp tác từ Công ty kiểm toán Ernst & Young, Ban KTNB đã rà soát đánh giá lại hiện trạng hoạt động KTNB, cải tiến quy trình tổ chức KTNB và đào tạo nâng cao kỹ năng, phương pháp kiểm toán dựa trên nhận diện và quản trị rủi ro.

Kế hoạch hoạt động KTNB năm 2014 sẽ tiến hành các đợt kiểm tra tuân thủ định kỳ có kết hợp các chuyên gia/chuyên viên nội bộ, và các đợt kiểm tra theo quy trình trên cơ sở đánh giá rủi ro. Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thường niên, Ban KTNB không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát. Ngoài ra, các kết quả KTNB được đưa vào nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT và các cuộc họp giao ban của Ban điều hành để tăng cường công tác quản lý tại Tổng công ty.

VỀ CÔNG CỤ QUẢN TRỊ

Từng bước kiện toàn các công cụ quản trị rủi ro, tăng cường xây dựng cải tiến khung hoạt động hiệu quả ở cấp độ doanh nghiệp và sự tương tác giữa con người, quy trình và hệ thống. Trong năm 2013 Tổng công ty đã tiến hành rà soát và bổ sung một loạt các Quy định nội bộ nhằm

từng bước hoàn thiện hệ thống KSNB. Theo đó, Tổng công ty đã sửa đổi Quy chế quản trị; Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị tiến đến mô hình quản trị theo các thông lệ quốc tế tiên tiến. Xây dựng, sửa đổi ban hành các quy chế, quy định, quy trình tác nghiệp liên quan đến các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh (Cập nhật chiến lược phát triển và kế hoạch 5 năm của PVFCCo; Quy chế quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế; Quy chế quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Quy chế quản lý và sử dụng quỹ

phát triển khoa học công nghệ; Quy chế quản lý công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ của Tổng công ty).

Hệ thống quản trị nguồn lực tổng thể của doanh nghiệp được hoàn thiện và nâng cao, trên cơ sở đã triển khai thành công hệ thống ERP giai đoạn 1, dự kiến năm 2014 tiếp tục triển khai hệ thống ERP giai đoạn 2 tiến đến tối đa hóa kiểm soát tự động và kiểm soát dựa vào hệ thống.

TRONG NĂM 2013, MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CÓ NHIỀU THAY ĐỔI, BIẾN ĐỘNG, VƯỢT QUA THÁCH THỨC ĐỂ ĐẠT MỤC TIÊU KINH DOANH HÀNG NĂM, PVFCCO ĐÃ QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT TỐT CÁC RỦI RO CÓ ẢNH HƯỞNG TRỌNG YẾU NHƯ SAU:

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh luôn phải đối mặt với rủi ro lớn nhất là suy giảm năng lực cạnh tranh so với đối thủ, trong năm 2013 Tổng công ty đã kiểm soát và ứng phó tốt với thị trường phân bón khi sản phẩm Urê đã bão hòa, kịp thời ban hành sửa đổi Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh phân bón; Quy chế đại lý tiêu thụ sản phẩm Đạm Phú Mỹ để đảm bảo chính sách bán hàng của Tổng Công ty linh hoạt phù hợp với tình hình kinh doanh từng giai đoạn mới.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC RỦI RO TÍN DỤNG

Để kiểm soát rủi ro này, PVFCCo đã tổ chức triển khai lập báo cáo quản trị theo tuần/tháng phục vụ Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch tài chính, bao

gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm. Ngoài ra Tổng công ty luôn quan tâm đến công tác quản trị tài chính, trong đó công tác kiểm soát chi phí hoạt động, lập và phân tích đầy đủ các phương án kinh doanh và đầu tư đã trở thành một công cụ phòng ngừa rủi ro hữu hiệu, giúp gia tăng giá trị, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG SẢN XUẤT

Trong hoạt động sản xuất Tổng công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra Tổng công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ theo định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.

**QUẢN LÝ RỦI RO
THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH**

Với quá trình hội nhập quốc tế nên các chính sách, chiến lược phát triển của PVFCCo có thể bị ảnh hưởng, để

phòng ngừa rủi ro về thay đổi chính sách Tổng công ty có Ban chức năng giữ vai trò quan trọng trong việc cập nhật và tư vấn về thay đổi chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFCCo.

**THỐNG NHẤT QUAN ĐIỂM QUẢN TRỊ RỦI RO LÀM ĐÒN
BẨY CẢI THIẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH,
NĂM 2014 PVFCCO XÁC ĐỊNH ĐƯỢC NHÓM CÁC RỦI
RO CHÍNH ĐỂ KIỂM SOÁT VÀ CÓ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC:****XỬ LÝ RỦI RO
CUNG VƯỢT CẦU**

Tình hình thị trường tiêu thụ phân bón sẽ cạnh tranh quyết liệt hơn trong năm 2014. Trước những thách thức này, PVFCCo đã hoàn thiện đề án nâng cao năng lực hệ thống kênh phân phối hiện có, rà soát và hoàn thiện chính sách bán hàng, hậu mãi, đồng thời đẩy mạnh kế hoạch xuất khẩu phân bón sang thị trường nước ngoài. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược giúp Tổng công ty phát triển ổn định và lâu dài.

**XỬ LÝ RỦI RO TRONG VIỆC
PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI**

Trước áp lực của thị trường, hàng loạt các Nhà máy sản xuất Urê trong nước ra đời và cho ra sản phẩm cùng với nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân ngày càng đa dạng, Tổng công ty luôn chú trọng công tác đa dạng hóa sản phẩm, đã phát triển các sản phẩm mới mang thương hiệu Phú Mỹ như sản phẩm NPK Phú Mỹ... để đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu và xu thế của thị trường, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và tăng năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trong giai đoạn tới.

**XỬ LÝ RỦI RO TRONG CÔNG TÁC
KẾ HOẠCH VÀ DỰ BÁO**

Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, Ban Lãnh đạo PVFCCo chú trọng công tác lập kế hoạch, kiểm soát ngân sách và dự báo. Tổng công ty đã xây dựng một quy trình lập kế hoạch chi tiết đến từng đơn vị, bộ phận và từng mảng hoạt động. Song song với công việc lập và kiểm soát kế hoạch ngân sách định kỳ, để giúp Ban lãnh đạo đưa ra những giải pháp, quyết định đúng đắn trong công tác quản lý tốc độ tăng trưởng phù hợp với năng lực của Tổng công ty và tình hình thị trường trong từng giai đoạn khác nhau, kiểm soát và hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động, PVFCCo đã không ngừng cải tiến quy trình lập kế hoạch, kiểm soát ngân sách và dự báo. Cụ thể trong năm 2014 Tổng công ty sẽ hoàn thiện quy trình lập ngân sách và dự báo dòng tiền cùng với kế hoạch tích hợp quy trình này vào hệ thống ERP.

**XỬ LÝ RỦI RO
VỀ TÍNH THANH KHOẢN**

Trước tình hình suy thoái kinh tế thế giới và trong nước, các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến nhà cung cấp, khách hàng sẽ có khả năng xảy ra bất kỳ lúc nào đối với hoạt động SXKD của PVFCCo. Để phòng ngừa và hạn chế rủi ro tiềm ẩn,

Ban lãnh đạo PVFCCo phân tích, đánh giá khả năng gánh chịu rủi ro của Tổng công ty để xây dựng chính sách quản trị rủi ro chung, trong năm 2013 Tổng công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ để quy định những nguyên tắc cụ thể về quản lý công nợ tại PVFCCo; Phê duyệt định mức hàng tồn kho các đơn vị thành viên để kiểm soát tình hình kinh doanh và hạn chế rủi ro về tính thanh khoản. Tại PVFCCo công nợ được kiểm soát chặt chẽ thường xuyên nên trong năm Tổng công ty không xảy ra tranh chấp, nợ xấu trong hoạt động mua bán hàng.

**XỬ LÝ RỦI RO
QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC**

Giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững. Để ngăn ngừa rủi ro liên quan đến yếu tố con người cũng như từng bước hội nhập vào thị trường quốc tế, trong những năm qua, PVFCCo không ngừng cải tiến hệ thống quản trị nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới, trong năm 2013 PVFCCo có bước đột phá trong việc thực hiện dự án cải cách chính sách tiền lương, triển khai hệ thống KPIs/Competency Model với sự tư vấn của Công ty cổ phần tư vấn quản lý (OCD). Điều chỉnh chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2025 của Tổng công ty để phát triển nguồn nhân lực mang lại những lợi ích về lâu dài, bền vững cho PVFCCo và xã hội.

**XỬ LÝ RỦI RO
TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG**

Đánh giá định kỳ hệ thống ISO 9001:2008, OHSAS 18001 để tăng cường hiệu quả xử lý các rủi ro hoạt động và tuân thủ.

**CÁC KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2014 - 2016
VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

Thường xuyên đánh giá và hoàn thiện hệ thống KSNB theo yêu cầu thay đổi của môi trường kinh doanh.

Cập nhật Danh mục rủi ro và có kế hoạch xử lý phù hợp với mục tiêu chiến lược kinh doanh và môi trường hoạt động.

Thiết lập và chuẩn hoá các bộ quy trình kiểm soát rủi ro theo chuỗi giá trị của PVFCCo làm cẩm nang cho hoạt động KTNB.

Tiến đến xây dựng chức năng QTRR hoàn chỉnh theo thông lệ tiên tiến quốc tế.

Bổ sung và cập nhật kiến thức về quản

trị rủi ro cho các cấp quản lý, nâng cao kỹ năng đánh giá rủi ro thông qua các buổi đánh giá rủi ro cụ thể với sự hỗ trợ tư vấn của các chuyên gia.

Với PVFCCo công tác quản trị rủi ro luôn được chú trọng nhằm quản lý hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm với các cổ đông.

**CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC**

Các hoạt động đã triển khai nhằm tăng cường hiệu quả theo dõi và xử lý các rủi ro:

» Xử lý rủi ro thị trường: Hoàn thiện quy trình lập ngân sách và dự báo dòng tiền cùng với kế hoạch tích hợp quy trình này vào hệ thống ERP.

» Xử lý rủi ro quản lý nguồn nhân lực: Dự án KPIs và cải cách tiền lương.

» Đánh giá định kỳ hệ thống ISO, OHSAS... để tăng cường hiệu quả xử lý các rủi ro hoạt động và tuân thủ.

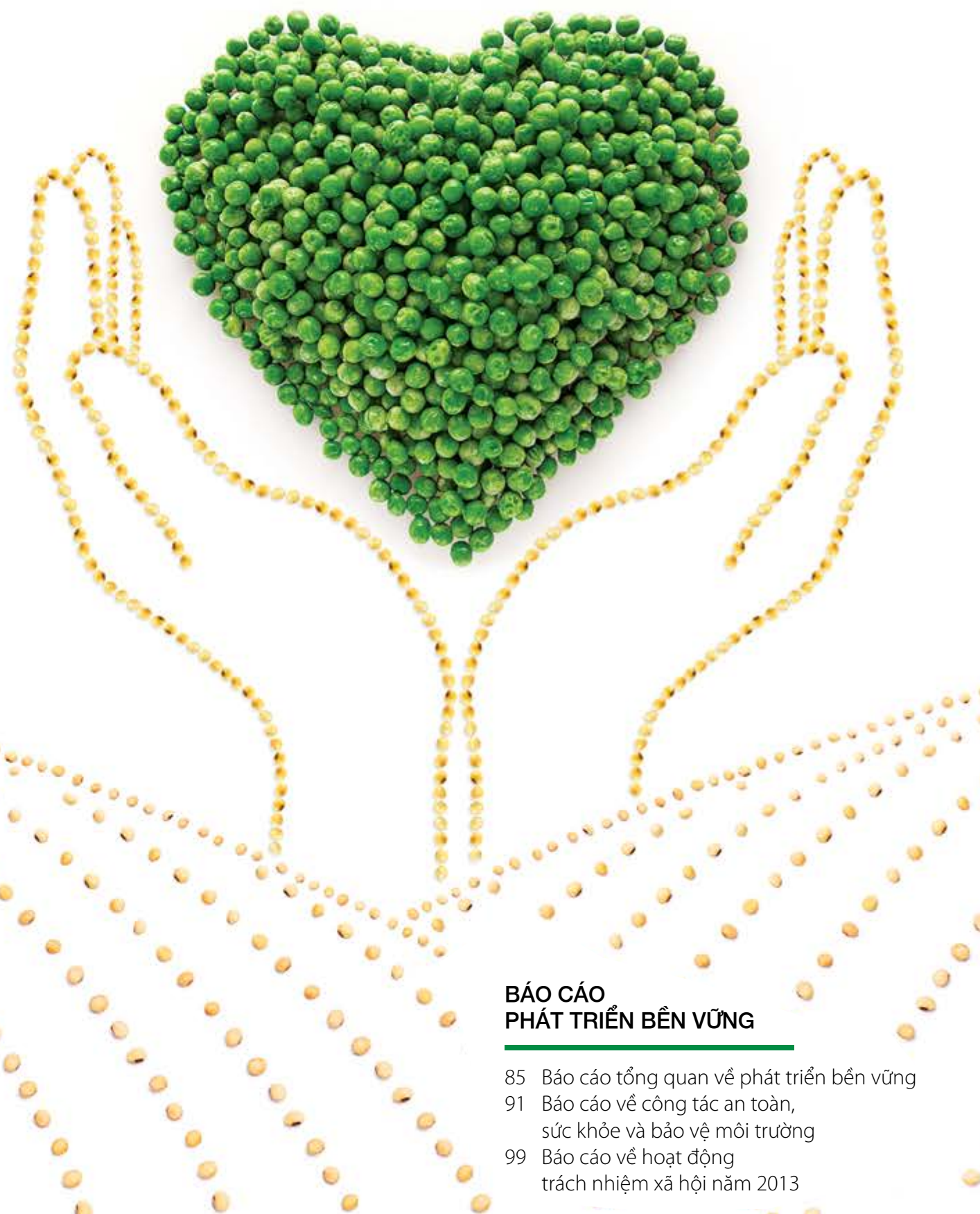
Quản trị rủi ro là một quy trình mang tính hệ thống nhằm nhận diện, đánh giá tác động và khả năng xảy ra các rủi ro một cách hiệu quả. PVFCCo luôn xác định được mục tiêu quản trị rủi ro trong bối cảnh kinh tế xã hội có nhiều thay đổi, môi trường kinh doanh cạnh tranh quyết liệt và trách nhiệm kỳ vọng

của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp. Chính vì vậy năm 2013 PVFCCo đã thúc đẩy lộ trình hoàn thiện dựng hệ thống quản trị rủi ro trong toàn Tổng công ty.

Với PVFCCo công tác quản trị rủi ro luôn được chú trọng nhằm quản lý hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm với các cổ đông.

Gắn kết **CỘNG ĐỒNG**

Phát triển bền vững là sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Hiểu được giá trị đó, PVFCCo luôn kiên định mục tiêu phát triển bền vững, nêu cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn bộ CBCNV, sẻ chia những giá trị nhân văn và chung tay gắn kết vì cộng đồng.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 85 Báo cáo tổng quan về phát triển bền vững
- 91 Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường
- 99 Báo cáo về hoạt động trách nhiệm xã hội năm 2013



NHÂN VIÊN



KHÁCH HÀNG



CỔ ĐÔNG



CHÍNH PHỦ



ĐỐI TÁC
KINH DOANH



CỘNG ĐỒNG
& XÃ HỘI



MÔI TRƯỜNG

“PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ MỘT HÌNH THÁI PHÁT TRIỂN TRONG ĐÓ NGUỒN LỰC ĐƯỢC CON NGƯỜI KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NHẪM PHỤC VỤ NHU CẦU CỦA NHÂN LOẠI SONG SONG VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, NHỜ ĐÓ NHỮNG NHU CẦU NÀY KHÔNG CHỈ ĐƯỢC ĐÁP ỨNG Ở HIỆN TẠI MÀ CÒN TRONG TƯƠNG LAI.”

(THEO ĐỊNH NGHĨA CỦA ỦY BAN BRUNDTLAND CỦA LIÊN HỢP QUỐC NGÀY 20 THÁNG 3 NĂM 1987)

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG ĐẾN SỰ KẾT HỢP CHẶT CHẼ, HỢP LÝ, HÀI HÒA GIỮA BA MẶT CỦA SỰ PHÁT TRIỂN: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG. TRONG HAI THẬP KỶ QUA, TRÊN BÌNH DIỆN QUỐC TẾ, VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀY CÀNG ĐƯỢC ĐẶC BIỆT QUAN TÂM, TRỞ THÀNH YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA TOÀN CẦU. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ XU THẾ CHUNG MÀ TOÀN NHÂN LOẠI ĐANG NỖ LỰC HƯỚNG TỚI.

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo) là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, gắn liền với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (khu vực chiếm đến gần 70% dân số cả nước). Trong chiến lược phát triển của mình, PVFCCo đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong chặng đường phát triển hơn

10 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” đã được các thể hệ CBCNV PVFCCo gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Tổng công ty luôn đảm bảo cân bằng và tối ưu việc thực hiện đồng thời các mục tiêu: (1) Phát triển có hiệu quả về kinh tế; (2) Phát triển hài hòa các mặt xã hội; nâng cao mức sống, nhận thức của các tầng

lớp dân cư và (3) Cải thiện môi trường sống, bảo đảm phát triển lâu dài vững chắc cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Xuất phát từ mục tiêu trên, Tổng công ty đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai các hành động để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, góp phần chung tay cùng xã hội thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung.

8.740

lượt CBCNV
được đào tạo với 382 khóa
học - Tổng kinh phí 16,5 tỷ đồng

Đối với NHÂN VIÊN

Xây dựng văn hóa PVFCCo "**Chuyên nghiệp - hiệu quả; năng động - sáng tạo; khát vọng - vươn xa; trách nhiệm - sẻ chia**" thông qua việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp, đồng thời cũng là nơi mà nhân viên được xã hội tôn trọng thông qua đào tạo và đổi mới. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

» Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng

lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo điều kiện làm việc tốt cho người lao động.

» Năm 2013, Tổng công ty triển khai dự án xây dựng KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực nhân viên để đưa vào áp dụng nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách, và cơ hội thăng tiến cho người lao động.

Đối với KHÁCH HÀNG

Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả, và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

» Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các sản phẩm Phân bón Phú Mỹ, và các sản phẩm phân bón, hóa chất tự doanh khác mà Tổng công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký.

» Nhằm giúp nhà nông sử dụng ít phân bón hơn, nhưng vẫn tăng năng suất cây trồng, PVFCCo đã cùng với chính quyền địa phương

và các nhà khoa học thường xuyên tổ chức hàng trăm các cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, tổ chức các vườn thực nghiệm, thửa ruộng mẫu.

» PVFCCo tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống kho cảng, logistic trên cả nước nhằm cung cấp sản phẩm đến tay bà con nông dân đảm bảo chất lượng, kịp thời và giá cả hợp lý.



Đối với CỔ ĐÔNG

» Tổng công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

» Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã lãnh đạo, chỉ đạo CBCNV trong toàn Tổng công ty thực hiện và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đạt 2.468 tỷ đồng, vượt 16% kế hoạch.

» Nhằm quản lý, phân bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, Tổng công ty triển khai áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm

hỗ trợ, chương trình quản lý tiên tiến trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp, như quản lý hệ thống văn bản điện tử, xây dựng và áp dụng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP, STOP, 5S, APC, System 1, RBI, KPI, ...

» Hoạt động sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong năm 2013 có 139 sáng kiến cải tiến được công nhận ở cấp cơ sở. Các sáng kiến cải tiến năm 2013 đã làm lợi cho Tổng công ty số tiền có thể lượng hóa là 63,5 tỷ đồng, và các giá trị làm lợi khác.

» Triển khai chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham ô tham nhũng, trong

2.468

tỷ đồng

đạt chỉ tiêu lợi nhuận, vượt 16% kế hoạch

năm 2013, Tổng công ty đã tiết kiệm được 169 tỷ đồng (đạt 169% kế hoạch).

» Trong năm 2013, bên cạnh các cuộc họp tiếp xúc cổ đông, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, bộ phận IR của Tổng công ty đã thực hiện hơn 60 cuộc gặp và tiếp xúc các cổ đông, nhà đầu tư. Hoạt động IR của Tổng công ty được Vietstock khảo sát và tôn vinh trong Top 5 doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất 2013 (đứng thứ 2).

602

tỷ VNĐ
nộp ngân sách nhà nước
năm 2013 đạt 182%
kế hoạch năm 2013.

Đối với CHÍNH PHỦ

Tổng công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển

khai và kết quả đạt được: Tổng giá trị nộp ngân sách nhà nước năm 2013 là 602 tỷ đồng, đạt 182 % kế hoạch năm.

Đối với ĐỐI TÁC KINH DOANH

Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, Tổng công ty luôn giữ nguyên tắc: cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được: Song song với việc đảm bảo hoạt động an toàn,

ổn định, hiệu quả và tiết kiệm của Nhà máy đạm Phú Mỹ, PVFCCo đã cung cấp đội ngũ chuyên gia, công nhân lành nghề hỗ trợ cho công tác triển khai các dự án đạm Cà Mau, đạm Ninh Bình, Nhà máy lọc dầu Dung Quất - những dự án quan trọng của đất nước.



Đối với CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt

được: Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, Tổng công ty luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của

mình đối với CBCNV và đối với xã hội. Năm 2013, Tổng công ty thực hiện giải ngân hoạt động An sinh xã hội với tổng kinh phí khoảng 135 tỷ đồng.



Đối với MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU

Tổng công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu (biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ...). Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

» PVFCCo chỉ sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu

vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO₂ thải ra bên ngoài.

» Xây dựng, ban hành, và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn - Sức khỏe - Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, OHSAS 18001-2007 và ISO 14001-2004.

Tổng công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp. Với quan điểm và phương châm hành động này, Tổng công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong kỷ nguyên mới, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



“LÀ ĐƠN VỊ CHUYÊN VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH PHÂN BÓN VÀ CÁC LOẠI HÓA CHẤT TIỀM ẨN NGUY CƠ CHÁY NỔ, DO ĐÓ, CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN NINH - AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG LÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG ĐƯỢC ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU CỦA PVFCCO NHẪM ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.”

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Với yêu cầu và tính chất quan trọng của công tác đảm bảo AT - SK - MT, bộ máy quản lý công tác AT - SK - MT đã được kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến Nhà máy đạm Phú Mỹ và các Công ty thành viên, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.

DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong tháng 11/2013, Tổ chức chứng nhận DNV đã đánh giá tái chứng nhận hệ thống quản lý tích hợp Chất lượng - An toàn - Sức khỏe - Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004 cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và Nhà máy đạm Phú Mỹ. Dựa vào kết quả các cuộc đánh giá hàng năm, DNV đánh giá cao Ban lãnh đạo Tổng công ty đã thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý qua việc thiết lập và xem xét kết quả thực hiện mục tiêu ở tất cả các cấp, triển khai các dự án nâng cao chất lượng sản phẩm, dự án xem xét rà soát các văn bản pháp quy. Đây cũng là thông điệp của PVFCCo về sự quan tâm đến sự an toàn, sức khỏe của người lao động cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường, đồng thời hướng tới mục tiêu

không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của PVFCCo.

Không dừng lại ở đó, ngày 08/01/2013, PVFCCo đã ban hành Chính sách Chất lượng - An toàn - Môi trường và Năng lượng với cam kết: luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường; luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã đăng ký và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm; sản xuất, kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm cộng đồng; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh...

Ngoài ra, việc duy trì áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001 tại tất cả các Công ty thành viên với mục tiêu hướng vào khách hàng nhằm đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của PVFCCo.



VỚI PHƯƠNG CHÂM DUY TRÌ SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM TRÊN NGUYÊN TẮC TUÂN THỦ NGHIÊM NGẶT CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CÓ THỂ NÓI, KỂ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY, TỔNG CÔNG TY LUÔN TỰ HÀO LÀ DOANH NGHIỆP ĐI ĐẦU TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG.

**CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN,
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ỨNG CỨU KHẨN CẤP**



3.432
lượt CBCNV mới, khách
tham quan và nhà thầu
đào tạo và huấn luyện
an toàn năm 2013



“PVFCCO NHẬN THỨC ĐƯỢC RẰNG AN TOÀN LÀ VẤN ĐỀ SỐNG CÒN CỦA TỔNG CÔNG TY NÊN TRONG SUỐT HƠN 10 NĂM HOẠT ĐỘNG, PVFCCO LUÔN CHÚ TRỌNG TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TIỆN NGHI PHỤC VỤ CHO QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC CỦA CBCNV TẠI TẤT CẢ CÁC ĐỊA ĐIỂM HOẠT ĐỘNG, TỪ TRỤ SỞ CHÍNH ĐẾN CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ CÁC CHI NHÁNH.”

Cụ thể là PVFCCo đã thực hiện nhiều giải pháp khả thi trong công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy như sau:

Tháng 12/2013, PVFCCo đã hoàn thành việc trang bị hệ thống 06 ống trượt thoát hiểm hiện đại tại Tòa nhà PVFCCo. Là một trong những đơn vị tiên phong trong ngành dầu khí trang bị hệ thống ống trượt tiên tiến bậc nhất hiện nay, chứng tỏ PVFCCo rất xem trọng công tác cứu nạn thoát hiểm và quan tâm cao đến sự an toàn cho người lao động làm việc trong các tòa nhà cao tầng. Dự kiến trong năm 2014, PVFCCo tiếp tục trang bị hệ thống ống trượt thoát hiểm cho Tòa nhà 27 Đinh Bộ Lĩnh và Chung cư Nhà máy đạm Phú Mỹ.

Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% CBCNV của Tổng công ty làm việc tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, các kho, cảng và công trường xây dựng.

Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

Trong mùa mưa bão, đặc biệt là trong các cơn bão lớn vào cuối năm 2013, Ban chỉ đạo ứng cứu tình huống khẩn cấp Tổng công ty đều theo dõi sát sao tình hình diễn biến của thời tiết để đưa ra những cảnh báo cho các đơn vị kịp thời phòng ngừa, đảm bảo an toàn cho con người và giảm thiệt hại về tài sản.

Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên

tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn:

Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 100% thành viên đội PCCC cơ sở.

» Thực hiện tốt công tác diễn tập PCCC, đặc biệt đã kết hợp diễn tập phòng cháy chữa cháy, cứu nạn thoát hiểm kết hợp với phòng chống khủng bố tại Chung cư Nhà máy đạm Phú Mỹ.

» Tập huấn về an toàn lao động: 100% người sử dụng lao động của TCT và 100% người lao động làm việc tại Nhà máy.

» Trong năm 2013, đã tổ chức đào tạo và huấn luyện an toàn cho 3.432 lượt cán bộ công nhân viên mới, khách tham quan và nhà thầu nhằm mục tiêu ngăn ngừa sự cố, tai nạn lao động xảy ra. Kết quả là Nhà máy đạm Phú Mỹ đã thực hiện thành công đợt bảo dưỡng tổng thể đạt tiêu chí 04 nhất “An toàn, Hiệu quả, Chất lượng và Tiến độ”.

Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của chương trình STOP trong việc ngăn ngừa tai nạn sự cố tại Nhà máy đạm Phú Mỹ. Đồng thời để động viên cho những tập thể và cá nhân có thành tích tốt trong công tác ghi thẻ STOP, hàng tháng đại diện Công đoàn Nhà máy đã đến trực tiếp trao quà tại nơi làm việc cho các tập thể và cá nhân.

Việc thống kê, báo cáo và điều tra tai nạn sự cố được PVFCCo thực hiện đầy đủ theo yêu cầu luật định. Số tai nạn sự cố và số giờ dừng máy do sự cố năm 2013 đã giảm 35% so với năm 2012.

“ ĐỐI VỚI PVFCCO, HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH BỀN VỮNG LUÔN GẮN LIỀN VỚI HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG. BỞI VÌ PVFCCO THẤU HIỂU NGƯỜI LAO ĐỘNG CHÍNH LÀ NHÂN TỐ ĐÓNG VAI TRÒ NỀN TẢNG CHO THÀNH CÔNG LÂU DÀI CỦA MÌNH. ”

HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGĂN NGỪA BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng tinh thần của OHSAS 18001:2007, PVFCCo tiếp tục duy trì thực hiện các hoạt động sau:

- » Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu tại tất cả các đơn vị của Tổng công ty.
- » Tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của Tổng công ty theo đúng cam kết của Thỏa ước lao động theo chế độ: Nam 01 lần/năm và Nữ 02 lần/năm.
- » Mở rộng chương trình tiêm ngừa viêm gan siêu vi B, tiêm ngừa bệnh

cúm và bệnh sởi cho CBCNV của Tổng công ty.

- » Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng bắt buộc phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp từ những đơn vị có uy tín.

Ngoài ra, nhằm giúp cho CBCNV có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVFCCo đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBCNV và người thân để phòng rủi ro cho người lao động yên tâm công tác.

“ NHẬN THỨC ĐƯỢC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG LÀ VẤN ĐỀ CỦA TOÀN XÃ HỘI, VỚI MỤC TIÊU KIỂM SOÁT VÀ GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, TẠO TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, THÁNG 9 NĂM 2010, PVFCCO ĐÃ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH HỆ THỐNG THU HỒI CO₂ TỪ KHÓI THẢI NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ VỚI VỐN ĐẦU TƯ HƠN 505 TỶ ĐỒNG; GÓP PHẦN GIẢM THIỂU LƯỢNG CO₂ PHÁT THẢI VÀO KHÔNG KHÍ KHOẢNG 240 TẤN/NGÀY. ”

GIẢM **240** tấn/ngày
lượng CO₂ phát
thải vào không khí

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI

Thêm vào đó, tháng 12/2012, Nhà máy đạ

chất thải rắn; công tác bố trí nhân sự và đào tạo, huấn luyện định kỳ cho đội ngũ cán bộ phụ trách môi trường cũng được Nhà máy đặc biệt quan tâm. Thực tế cho thấy kết quả giám sát chất lượng môi trường của Nhà máy từ lúc hoạt động đến nay đều đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.



THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ, TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHẤT THẢI TẠI CÁC ĐƠN VỊ CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2013 NHƯ SAU:

STT	LOẠI CHẤT THẢI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	HỆ THỐNG XỬ LÝ
1	Nước thải sản xuất	m ³ /năm	77.896	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 680 m ³ /ngày.
2	Nước thải sinh hoạt	m ³ /năm	93.413	
3	Nước làm mát	m ³ /năm	18.677.136	
4	Nước tuần hoàn tái sử dụng	m ³ /năm	502	Nước thải nhiễm Amoniac được đưa về xưởng Urê để tuần hoàn tái sử dụng.
5	Khí thải	Nm ³ /h	11.895.206.400	Hệ thống đốt được. Hệ thống ống khói cao phát tán.
6	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg/năm	219.458	Hợp đồng với đơn vị chức năng để đưa đi xử lý theo đúng quy định.
7	Chất thải rắn công nghiệp	Kg/năm	123.829	
8	Chất thải nguy hại	Kg/năm	26.866	



CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI (tiếp theo)

Một điểm sáng trong công tác quản lý môi trường năm 2013 tại Nhà máy đạm Phú Mỹ là đã tiết kiệm được khoảng 1,7 tỷ đồng từ công tác xử lý chất thải, cụ thể:

» Rà soát, giảm chi phí xử lý chất thải nguy hại, nhưng vẫn tuân thủ Pháp luật bằng cách:

- Thực hiện thu hồi giá trị sau xử lý của 27/254 tấn chất thải nguy hại có khả năng tận thu, tái chế nhằm tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải ra ngoài môi trường. Kết quả đã tiết kiệm được chi phí xử lý cho Nhà máy là 139.144.000 đồng trong năm 2013.

- Xác định đúng bản chất nguy hại của chất thải bằng cách gửi mẫu cho bên thứ ba phân tích, cụ thể là: tiết kiệm chi phí xử lý Bùn thải sinh hoạt từ quá trình xử lý nước thải là 1.211.700.000 đồng (cho 216 tấn/năm 2013) và Xúc tác thải (TK20 và SK201) là 140.000.000 đồng (cho 50 tấn/năm 2013).

» Phân tích đối chứng giảm chi phí xử lý nước thải: Thực hiện phân tích đối chứng khi có nghi ngờ kết quả phân tích nước thải của IZICO. Trong năm 2013, tiết kiệm 217.082.000 đồng chi phí xử lý nước thải phải đóng cho IZICO (12 lần phân tích đối chứng).

Tiếp tục duy trì chương trình 5S tại Công ty Bao bì Đạm Phú Mỹ và kho Trà Nóc-Cần Thơ, đồng thời triển khai mở rộng trong toàn Nhà máy đạm Phú Mỹ dưới sự tư vấn của APAVE. Thông qua chương trình này, điều kiện và môi trường lao động được cải thiện hơn, bớt ô nhiễm, góp phần phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, vừa cải thiện cảnh quan môi trường tại đơn vị...

Có thể nói công tác bảo vệ môi trường đã được PVFCCo thực hiện tốt nên trong năm 2013 không để xảy ra bất kỳ sự cố nào về môi trường. Những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý môi trường đều có biện pháp xử lý khắc phục.

XÂY DỰNG VĂN HÓA AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

“CÙNG VỚI VIỆC SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI CÓ CHỈ SỐ PHÁT THẢI THẤP VÀ ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14001:2004, CHƯƠNG TRÌNH STOP VÀ CHƯƠNG TRÌNH 5S; PVFCCO CÒN QUAN TÂM ĐẾN VIỆC TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO CBCNV THÔNG QUA VIỆC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THIẾT THỰC NHƯ:

Hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về an toàn - vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, Giờ Trái đất, Ngày Môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy,... như: Treo băng rôn, áp phích, trồng cây, vệ sinh nhà xưởng, sáng tạo những sản phẩm hữu ích được tái chế từ rác thải, triển khai Chiến dịch xanh tại khối Văn phòng Tổng công ty, phát động Tuần lễ không sử dụng túi nylon,...

Bắt đầu từ tháng 4/2013, TCT đã tổ chức họp giao ban an toàn hàng tháng để kịp thời chỉ đạo các đơn vị cũng như tăng cường sự phối hợp

chặt chẽ giữa các đơn vị trong Tổng công ty về công tác đảm bảo an toàn, an ninh, chăm sóc sức khỏe người lao động, bảo vệ môi trường và quản lý chất lượng sản phẩm.

Thực hiện thông tin an toàn định kỳ hàng tuần đến toàn thể CBCNV thông qua hệ thống email nội bộ để cảnh báo và đưa ra bài học kinh nghiệm từ các sự cố cháy nổ và tai nạn lao động tại Việt Nam và trên thế giới.

Tại văn phòng TCT đã tổ chức cuộc thi Bàn làm việc xanh - sạch - đẹp thu hút được sự tham gia của đông đảo CBCNV, từ đó góp phần nâng cao nhận thức về ATSKMT cũng như văn

hóa an toàn từ những điều nhỏ nhặt nhất.

Duy trì việc tổ chức Hội nghị ATSKMT định kỳ hàng năm để tổng kết lại những mặt đạt được và những điểm còn tồn tại để có biện pháp khắc phục, đề ra phương hướng thực hiện trong năm tiếp theo. Đồng thời đây cũng là cơ hội giao lưu và trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị và các cán bộ phụ trách công tác an toàn trong toàn TCT.

Áp dụng Quy chế khen thưởng An toàn - Môi trường hàng quý nhằm khích lệ CB-NV tham gia tích cực vào công tác an toàn và bảo vệ môi trường.

SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN NƯỚC

BẢNG TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG VIỆC SỬ DỤNG NƯỚC CỦA PVFCCO

TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG	2012	2013
Tổng khối lượng nước sử dụng theo từng nguồn (m ³ /năm):		
» Nước mặt	17.849.024	18.677.136
» Nước máy	170.728	171.309
Nước tuần hoàn tái sử dụng trong công nghệ và tưới cây tại nhà máy (m ³ /năm)	400	502

SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG

“LÀ MỘT TRONG NHỮNG ĐƠN VỊ SẢN XUẤT PHÂN BÓN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM, PVFCCO KHÔNG DỪNG LẠI Ở VIỆC TẠO RA SẢN PHẨM XANH MÀ CÒN TIÊN PHONG TRONG NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VIỆC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ NHẤT ĐỂ CHO RA ĐỜI NHỮNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG BỀN VỮNG.”

Vì thế, ngày 21/02/2013, PVFCCo đã ban hành Quy chế quản lý năng lượng nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua cam kết cải tiến liên tục trong việc áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật về năng lượng. Để làm được điều đó, trong năm 2013, PVFCCo đã đào tạo 30% cán bộ quản lý

trong toàn TCT về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm - hiệu quả theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011 và tổ chức cho đoàn công tác của PVFCCo đến Nhật Bản để tham quan học hỏi và trao đổi kinh nghiệm thực tế về mô hình thực hiện của Trung tâm quản lý năng lượng ECCJ và Nhà máy lọc dầu Chiba.

BẢNG TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA PVFCCO TRONG NĂM 2012 VÀ 2013

STT	TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG	2012	2013
1	Điện (MWH/năm)	49.944.592	57.845.854
2	Dầu (l/năm)	283.530	290.748
3	Xăng (l/năm)	39.979	33.881

SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG (tiếp theo)

Dựa vào kết quả theo dõi mức sử dụng năng lượng trong 02 năm 2012 và 2013, PVFCCo đã đặt ra các mục tiêu tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và kinh doanh trong từng giai đoạn như sau:

- » Đối với Tổng công ty: phấn đấu trong giai đoạn từ 2013-2018 thực hiện cải tiến liên tục để tiết kiệm từ 1-3% nhiên liệu tiêu thụ tại PVFCCo;
- » Đối với Nhà máy đạm Phú Mỹ: phấn đấu trong giai đoạn từ 2014-2019 thực hiện cải tiến liên tục để tiết kiệm từ 0,5 đến 1% tổng nhiên liệu để sản xuất 1 tấn Urê so với mức 0.2537 TOE/T-urê của năm 2013.
- » Đối với Công ty Bao bì đạm Phú Mỹ: phấn đấu trong giai đoạn từ 2013-2018 thực hiện cải tiến liên tục để tiết kiệm 1,5%KWh/đơn vị SP.
- » Đối với PVFCCo-SBD: cam kết sẽ áp

dụng chương trình tiết kiệm năng lượng trong quá trình kinh doanh và quản lý các dịch vụ văn phòng, kho cảng hiện có.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, PVFCCo đã đề ra chương trình hành động cụ thể cho công tác quản lý tiết kiệm năng lượng của Tổng công ty như sau:

- » Tìm kiếm cơ hội tiết kiệm năng lượng trong các dây chuyền sản xuất hiện hữu của các Nhà máy;
- » Áp dụng công nghệ tiên tiến - đưa yêu cầu các thiết bị tiết kiệm năng lượng làm tiêu chí lựa chọn nhà thầu vào các dự án mới của Tổng công ty;
- » Nâng cao ý thức tự giác của tất cả CBCNV/TCT trong việc sử dụng năng lượng một cách hiệu quả thông qua các hình thức tuyên truyền;

» Xây dựng ISO 50001:2011;

» Đào tạo 100% cán bộ quản lý trong toàn TCT về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011.

Có thể nhận định rằng thành tích nổi bật trong công tác AT-SK-MT của PVFCCo thời gian qua là: vận hành an toàn và hiệu quả Nhà máy đạm Phú Mỹ, không để xảy ra các tai nạn sự cố gây ảnh hưởng đến con người, tài sản và môi trường, nhận thức về công tác AT-SK-MT tăng cao và trở thành ý thức thông suốt trong toàn đội ngũ CBCNV. Chính những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT đã góp phần to lớn khẳng định thương hiệu và hình ảnh của PVFCCo vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững.



“NĂM 2013 CHỨNG KIẾN NHIỀU KHÓ KHĂN BẤT LỢI XẢY RA ĐỐI VỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM KHI NGƯỜI NÔNG DÂN LIÊN TIẾP PHẢI ĐƯƠNG ĐẦU VỚI THIÊN TAI, BÃO LŨ, GIÁ NÔNG SẢN XUỐNG THẤP. ĐÂY CŨNG LÀ NĂM THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN PHẢI ĐƯƠNG ĐẦU VỚI NHIỀU KHÓ KHĂN VÀ THỬ THÁCH KHI NGUỒN CUNG TĂNG MẠNH VÀ GIÁ PHÂN BÓN GIẢM SÂU TRONG CÁC THÁNG CUỐI NĂM. ĐỐI VỚI PVFCCO, NGOÀI VIỆC NỖ LỰC VƯỢT QUA THÁCH THỨC HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CÁC KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, TRONG NĂM 2013 TỔNG CÔNG TY CŨNG TẬP TRUNG NGUỒN LỰC TƯƠNG XỨNG ĐỂ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI, ĐẨY MẠNH HỖ TRỢ TRỰC TIẾP NÔNG DÂN VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG.”

135

tỷ VNĐ
giải ngân cho hoạt động
an sinh xã hội năm 2013

“VỚI PHƯƠNG CHÂM “**GIÚP NÔNG DÂN CŨNG LÀ GIÚP CHÍNH PVFCCO**”, MẶC DÙ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GẶP NHIỀU THỬ THÁCH, PVFCCO KHÔNG CẤT GIẢM NGÂN SÁCH DÀNH CHO HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI, TIẾP TỤC DUY TRÌ Ở MỨC 100 TỶ ĐỒNG. BÊN CẠNH ĐÓ, ĐẨY MẠNH VÀ HOÀN THÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2012, ĐƯA TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN TRONG NĂM 2013 ĐẠT 135 TỶ ĐỒNG.”

Không nằm ngoài việc tập trung sự hỗ trợ vào các lĩnh vực chính là y tế - giáo dục, cứu trợ nhân đạo - hỗ trợ thiên tai, Nhà Đại đoàn kết và chương trình biển đảo - đền ơn đáp nghĩa, nhưng các hoạt động an sinh xã hội trong năm nay của PVFCCo được thiết kế và triển khai để gắn gũi và thiết thực với nông dân hơn nữa.



LĨNH VỰC CỨU TRỢ NHÂN ĐẠO, HỖ TRỢ TRỰC TIẾP NÔNG DÂN

Năm 2013, giá nông sản xuống thấp, tình hình thiên tai lũ lụt tại các tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên diễn biến bất thường, liên tiếp hứng chịu các cơn bão lớn khiến cho đời sống bà con nông dân trở nên vô cùng khó khăn. PVFCCo và các công ty thành viên đã nhanh chóng phối hợp với các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương để tổ chức kịp thời hàng loạt các chương trình hỗ trợ trực tiếp nông dân. Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp, tiêu biểu là trao tặng hơn 500 tấn phân bón và hiện kim cho hàng chục ngàn hộ nông dân tổng

giá trị lên tới 5,5 tỷ đồng, cứu trợ khẩn cấp cho đồng bào nạn nhân của lũ lịch sử tại Miền Trung với trị giá 2 tỷ đồng và Chương trình “Tết vì người nghèo Xuân Giáp Ngọ 2014”, trao tặng 8.000 suất quà tặng trị giá 4 tỷ đồng cho các gia đình nông dân nghèo tại 70 xã thuộc 32 tỉnh thành trên cả nước.

Trong năm 2013, tổng giá trị tài trợ trong lĩnh vực khắc phục thiên tai, cứu trợ nhân đạo lên tới 15 tỷ đồng.



LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Đây là hoạt động được PVFCCo tiếp tục ưu tiên đẩy mạnh triển khai trong năm 2013 với tổng giá trị tài trợ là 67 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong ngân sách An sinh xã hội của PVFCCo. Hàng chục ngôi trường tiếp tục được khánh

thành, đưa vào sử dụng; triển khai chương trình mới - Hỗ trợ con nông dân đến trường - nhằm hỗ trợ cho con nông dân tại các khu vực bị thiệt hại do nông sản mất mùa, có điều kiện đến trường; tiếp tục triển khai chương

trình học bổng Đạm Phú Mỹ niên khóa 2013 - 2014 với tổng giá trị lên tới gần 4 tỷ đồng - giá trị lớn nhất từ trước đến nay - dành cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập tốt tại 30 trường đại học, cao đẳng trên cả nước.



67

tỷ VNĐ
giải ngân tài trợ
cho giáo dục
năm 2013



LĨNH VỰC Y TẾ

Với giá trị giải ngân 21,2 tỷ đồng, trong năm 2013, PVFCCo tiếp tục triển khai các dự án xây dựng trạm y tế và cơ sở khám chữa bệnh cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, tập

trung vào đối tượng chính là trẻ em, người cao tuổi. Bên cạnh đó, PVFCCo cũng triển khai những chương trình mới mà tiêu biểu là chương trình khám bệnh, phát thuốc miễn phí và

tặng quà cho khoảng 5.000 nông dân có hoàn cảnh khó khăn với kinh phí khoảng 2 tỷ đồng nhằm tạo cơ hội cho người dân nghèo tiếp cận với dịch vụ y tế cơ bản.



21,2
tỷ VNĐ
giải ngân cho Y tế năm 2013

22,5
tỷ VNĐ
giải ngân cho chương trình
biển đảo năm 2013

CHƯƠNG TRÌNH BIỂN ĐẢO

Năm 2013, PVFCCo cũng tiếp tục đẩy mạnh và hoàn tất triển khai chương trình biển đảo với tổng giá trị 22,5 tỷ. Các hoạt động hỗ trợ rất đa dạng, gồm:

hỗ trợ kinh phí mua xuống cao tốc cho cảnh sát biển, xuống chủ quyền để tuần tra trên biển, xe chuyển quân, xây dựng sân bóng mini cho các chiến

sĩ rèn luyện thể lực, trao học bổng cho con cán bộ chiến sĩ Hải quân, ủng hộ Tắm lưới nghĩa tình, thực hiện bức tranh cổ động trên đảo Trường Sa Lớn...



CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT

Trong năm 2013, PVFCCo đã xây dựng thêm hơn 400 căn nhà Đại đoàn kết, tổng trị giá 9,6 tỷ đồng nhằm hỗ trợ các hộ nông dân khó khăn "an cư lạc nghiệp". Tính tới thời điểm hiện tại PVFCCo đã tài trợ xây dựng khoảng 20.000 nhà Đại đoàn kết trên cả nước, hỗ trợ hàng chục ngàn hộ gia đình gặp khó khăn ổn định chỗ ở.

9,6
tỷ VNĐ
giải ngân cho
xây dựng nhà
Đại đoàn kết



“MẠC DÙ CÔNG TÁC ASXH CỦA PVFCCO THUẦN TÚY XUẤT PHÁT TỪ Ý THỨC VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP, ĐẶC BIỆT LÀ TRONG NHỮNG THỜI ĐIỂM NỀN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC GẶP KHÓ KHĂN NHƯ TRONG NĂM VỪA QUA, NHƯNG DO Ý NGHĨA NHÂN BẢN CỦA NÓ MÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NÀY LUÔN ĐƯỢC CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI RẤT QUAN TÂM. TRONG NĂM 2013, ĐÃ CÓ HÀNG TRĂM TIN, BÀI TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG ĐĂNG TẢI VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG NÀY CỦA TỔNG CÔNG TY, GÓP PHẦN NÂNG CAO HÌNH ẢNH CỦA PVFCCO TRONG MẮT NGƯỜI DÂN, CHÍNH QUYỀN VÀ XÃ HỘI.”

Các hoạt động trách nhiệm xã hội của PVFCCo được triển khai thông qua đầu mối là Hội đồng An sinh xã hội, kết nối chặt chẽ với các đơn vị thành viên, đối tác và các tổ chức xã hội tại địa phương, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- » Hỗ trợ phải đến đúng nơi, đúng lúc
- » Hỗ trợ đúng cái cần thiết
- » Hỗ trợ trực tiếp cho các đơn vị, cá nhân thụ hưởng
- » Hỗ trợ không nhằm mục đích quảng cáo, đánh bóng tên tuổi mà phải xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng và ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp
- » Hoạt động được triển khai có tính kết nối, cộng hưởng và lan tỏa trong cộng đồng.

Kể từ năm 2013, thị trường phân bón có sự chuyển biến về chất, nguồn cung phân đạm trong nước đã dư thừa khiến thị trường ngày càng cạnh tranh quyết liệt. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ PVFCCo nhận thức rõ ràng cần phải gần khách hàng và hiểu thị trường hơn nữa để tiếp tục khẳng định và duy trì vị trí dẫn đầu thị trường.

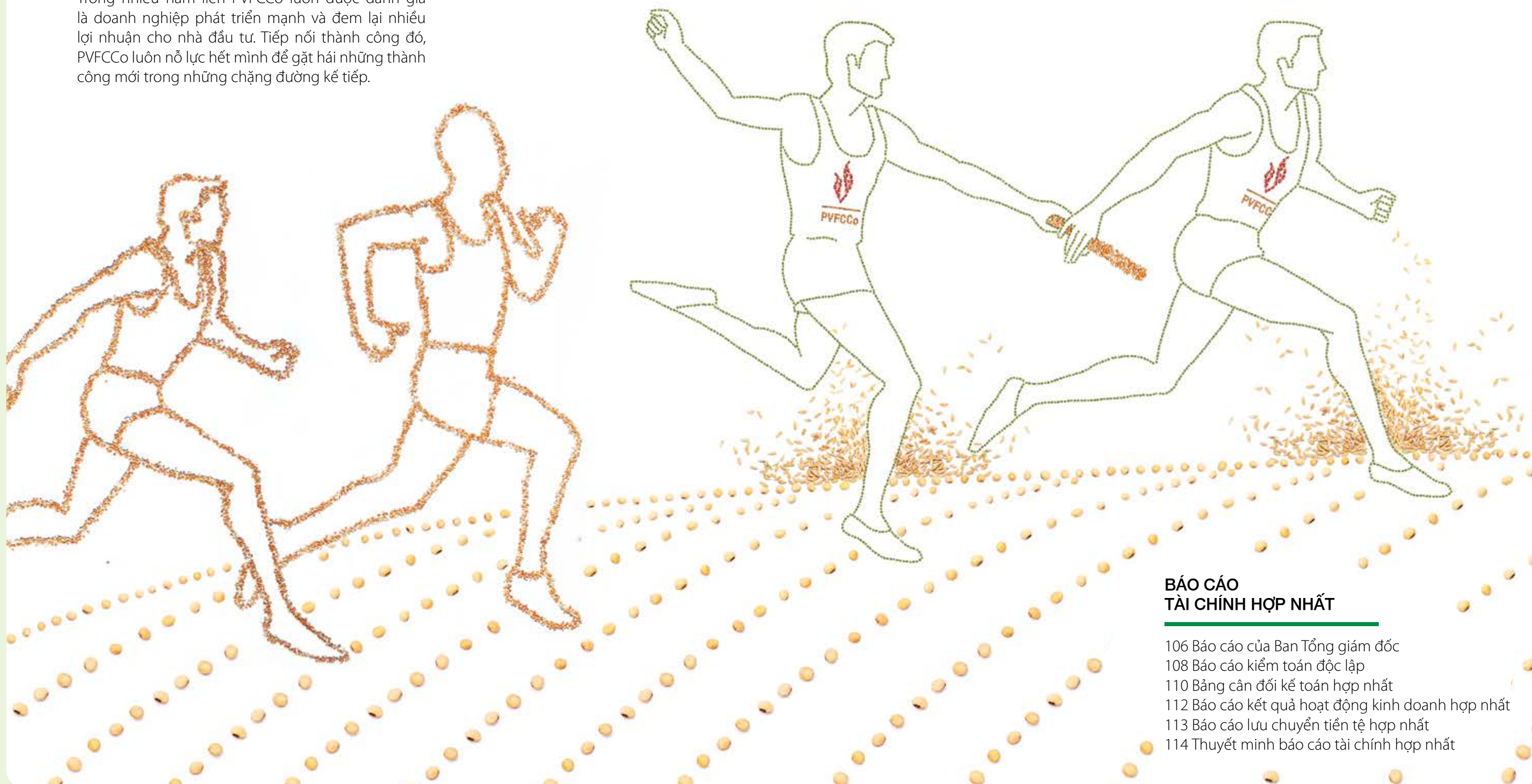
Các hoạt động hỗ trợ nông dân, ngoài mục đích nhân đạo và trách nhiệm xã hội, cũng là những cơ hội quý báu để lãnh đạo và cán bộ PVFCCo tiếp xúc và lắng nghe khách hàng. Đây cũng là cách tri ân thiết thực nhất tới hàng chục triệu hộ gia đình nông dân, góp phần nâng cao một cách bền vững cuộc sống cho bà con.

BẢNG BIỂU NGÂN SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2013 THEO CÁC LĨNH VỰC

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	SỐ TIỀN (tỷ đồng)
1	Nhà Đại đoàn kết	9,6
2	Giáo dục	67
3	Y tế	21,2
4	Khắc phục thiên tai, cứu trợ nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa	15
5	Chương trình biển đảo	22,5

Tiếp nối **THÀNH CÔNG**

Trong nhiều năm liền PVFCCo luôn được đánh giá là doanh nghiệp phát triển mạnh và đem lại nhiều lợi nhuận cho nhà đầu tư. Tiếp nối thành công đó, PVFCCo luôn nỗ lực hết mình để gặt hái những thành công mới trong những chặng đường kế tiếp.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 106 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 108 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 110 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 112 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 113 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 114 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2013)
Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Đình Quang Hoàn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vào ngày 12 tháng 3 năm 2014.

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty liên kết là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh bổ sung theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, đồng thời thực hiện phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cụ thể như sau:

- Ngày 14 tháng 3 năm 2014, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") - Công ty liên kết của Công ty - cùng tổ hợp nhà thầu đã thống nhất nghiệm thu sơ bộ có điều kiện và bàn giao nhà máy để vận hành thương mại kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2013. Sự kiện này dẫn đến PVTEX đã kết thúc giai đoạn đầu tư và phải thực hiện tạm ghi tăng tài sản cố định, trích khấu hao, dùng vốn hóa lãi vay... để xác định lại kết quả hoạt động kinh doanh kể từ ngày vận hành thương mại chính thức. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVTEX đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 là 366 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 387,6 tỷ đồng.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị, ngày 31 tháng 3 năm 2014 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "PVC Mekong") - Công ty liên kết của Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng hóa bất động sản là Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVC Mekong đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 là 124 tỷ đồng, và lỗ lũy kế là 263 tỷ đồng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



NGUYỄN VĂN TÒNG

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Deloitte.**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 110 đến trang 151, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty liên kết là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh bổ sung theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, đồng thời phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Chúng tôi đã thực hiện bổ sung thêm một số thủ tục kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đã được điều chỉnh cho các sự kiện nêu trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 kèm theo.

Các thủ tục kiểm toán bổ sung của chúng tôi đối với các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán chỉ giới hạn cho các thay đổi của báo cáo tài chính hợp nhất như đã được trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.515.223.312.458	7.203.995.556.932
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166
1. Tiền	111		435.859.691.647	292.521.273.791
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.596.526.666.667	5.336.854.584.375
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.734.861.214.549	62.077.046.183
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	1.734.861.214.549	62.077.046.183
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.097.665.217	193.727.961.781
1. Phải thu khách hàng	131		105.080.054.904	46.193.553.961
2. Trả trước cho người bán	132		74.278.800.409	99.202.374.921
3. Các khoản phải thu khác	135	8	186.035.877.193	167.629.100.188
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(119.297.067.289)	(119.297.067.289)
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.340.683.371.984	1.171.461.225.102
1. Hàng tồn kho	141		1.353.397.692.080	1.185.926.007.092
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.714.320.096)	(14.464.781.990)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		161.194.702.394	147.353.465.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	16.754.134.505	14.612.294.547
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		110.241.258.017	119.646.969.320
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	20	30.491.537.283	9.707.085.668
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.707.772.589	3.387.116.165
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		3.290.087.917.426	3.376.516.357.645
I. Tài sản cố định	220		2.368.443.661.712	2.371.391.919.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.257.291.251.123	1.169.727.617.877
- Nguyên giá	222		7.212.931.208.323	6.935.645.827.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.955.639.957.200)	(5.765.918.209.499)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	927.348.585.669	770.897.635.112
- Nguyên giá	228		1.143.916.832.122	965.237.358.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.568.246.453)	(194.339.722.961)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	183.803.824.920	430.766.666.877
II. Bất động sản đầu tư	240	14	284.964.579.592	295.672.318.252
- Nguyên giá	241		314.530.971.192	314.461.627.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(29.566.391.600)	(18.789.309.304)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		540.521.826.075	574.627.123.255
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	463.076.061.761	491.002.055.334
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	77.875.067.921	83.625.067.921
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(429.303.607)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		96.157.850.047	134.824.996.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	66.360.451.576	79.125.106.047
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	28.765.219.071	55.406.634.581
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.032.179.400	293.255.644
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.805.311.229.884	10.580.511.914.577

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.249.172.775.527	1.415.021.259.304
I. Nợ ngắn hạn	310		1.223.123.387.061	1.395.987.574.866
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	65.405.536.332	27.737.630.442
2. Phải trả người bán	312		605.551.019.966	398.388.337.713
3. Người mua trả tiền trước	313		111.417.518.731	212.836.496.895
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	13.565.487.134	123.907.690.077
5. Phải trả người lao động	315		89.584.219.696	75.424.999.435
6. Chi phí phải trả	316	21	160.664.901.010	305.890.305.764
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	63.691.286.159	47.360.732.843
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		327.365.199	488.925.484
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		112.916.052.834	203.952.456.213
II. Nợ dài hạn	330		26.049.388.466	19.033.684.438
1. Phải trả dài hạn khác	333		5.951.661.602	6.024.588.791
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	3.053.298.732	8.477.046.183
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	124.227.166
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.525.485.494	4.217.086.359
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		13.518.942.638	190.735.939
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		9.346.015.885.588	8.959.929.478.972
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	9.346.015.885.588	8.959.929.478.972
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		977.787.044	977.787.044
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.296.824.120)	(85.447.473.262)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(264.120.169)	(70.094.992.992)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.526.156.314.757	2.525.430.471.223
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		962.866.860.541	812.944.724.326
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.014.770.873	765.696.521
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.036.381.182.804	1.975.353.266.112
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	25	210.122.568.769	205.561.176.301
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		10.805.311.229.884	10.580.511.914.577

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

- USD

- EUR

31/12/2013

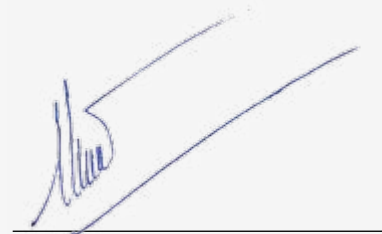
31/12/2012

6.222.194

2.774.200

1.788.994

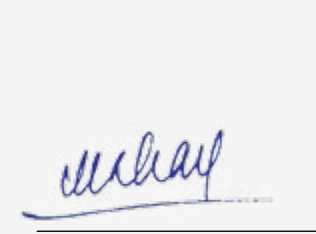
1.429



TRẦN XUÂN THẢO

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



HUỲNH KIM NHÂN

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TÙNG

Phó Tổng Giám đốc

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.410.922.862.176	13.433.862.003.557
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		47.504.499.333	112.009.948.586
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	10.363.418.362.843	13.321.852.054.971
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	7.011.191.021.409	8.997.366.453.504
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	27	3.352.227.341.434	4.324.485.601.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	428.637.014.880	568.346.314.499
7. Chi phí tài chính	22	30	7.733.290.120	7.002.744.862
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.269.463.805	1.548.926.458
8. Chi phí bán hàng	24		634.991.557.491	637.118.953.465
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		551.914.252.488	673.970.690.947
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.586.225.256.215	3.574.739.526.692
11. Thu nhập khác	31		14.919.253.710	16.462.436.717
12. Chi phí khác	32		2.244.332.095	1.455.767.342
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.674.921.615	15.006.669.375
14. (Lỗ) từ công ty liên kết	45	15	(131.083.086.624)	(47.696.642.825)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2.467.817.091.206	3.542.049.553.242
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	261.984.915.425	515.146.700.002
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	26.641.415.510	(40.744.576.134)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.179.190.760.271	3.067.647.429.374
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	25	36.861.411.945	50.796.229.783
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		2.142.329.348.326	3.016.851.199.591
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.644	7.990

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.467.817.091.206	3.542.049.553.242
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	249.516.494.079	212.835.006.048
Các khoản dự phòng	03	(1.321.158.287)	114.202.147.382
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(56.237.105)	327.161.230
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(296.237.041.638)	(519.131.152.776)
Chi phí lãi vay	06	3.269.463.805	1.548.926.458
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.422.988.612.060	3.351.831.641.584
Thay đổi các khoản phải thu	09	(54.943.006.374)	160.094.128.802
Thay đổi hàng tồn kho	10	(167.471.684.988)	(15.326.233.936)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	43.387.734.131	384.175.888.258
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	20.018.216.690	205.939.471.060
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.834.386.165)	(1.548.926.458)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(388.790.598.996)	(493.754.715.175)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(342.779.557.701)	(311.868.851.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.528.575.328.657	3.279.542.402.141
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(267.562.840.439)	(372.106.404.365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	734.591.819	409.663.636
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.830.000.000.000)	(342.382.830.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	157.215.831.634	305.305.783.817
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35.137.000.000)	(23.131.710.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.750.000.000	-
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	412.012.280.599	566.529.951.571
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.556.987.136.387)	134.624.454.659
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	273.334.163.652	83.578.719.748
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(241.090.005.213)	(56.569.684.495)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(1.704.650.330.950)	(1.881.929.425.000)
4. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	37	103.808.910.185	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.568.597.262.326)	(1.854.920.389.747)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.597.009.070.056)	1.559.246.467.053
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.629.375.858.166	4.070.456.552.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.570.204	(327.161.230)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, số tiền từ bán cổ phiếu quỹ là 103.808.910.185 đồng (sau khi trừ phí giao dịch) được trình bày trên chỉ tiêu Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ, phần Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.

TRẦN XUÂN THẢO
Người lập biểu

HUỲNH KIM NHÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN TÙNG
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản; Mua bán hàng nông, lâm sản; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và Đào tạo nghề.

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	81,38	81,38	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	Sản xuất bao bì

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có ảnh hưởng đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào hai công ty liên kết của Công ty. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh bổ sung theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, đồng thời phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại, chi tiết tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) số tiền 110.143.267.289 đồng (bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng đối với toàn bộ khoản phải thu này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc và trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá có thể thu hồi được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lỗ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Cambodia tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 không được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm mà được trình bày trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA CÁC KHOẢN MỤC THAY ĐỔI

- Ngày 14 tháng 3 năm 2014, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là “PVTEX”) - công ty liên kết của Công ty - cùng tổ hợp nhà thầu đã thống nhất nghiệm thu sơ bộ có điều kiện và bàn giao nhà máy để vận hành thương mại kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2013. Sự kiện này dẫn đến PVTEX đã kết thúc giai đoạn đầu tư và phải thực hiện tạm ghi tăng tài sản cố định, trích khấu hao, dùng vốn hóa lãi vay... để xác định lại kết quả hoạt động kinh doanh kể từ ngày vận hành thương mại chính thức. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVTEX đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 là 366 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 387,6 tỷ đồng.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị, ngày 31 tháng 3 năm 2014 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “PVC Mekong”) - Công ty liên kết của Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng hóa bất động sản là Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVC Mekong đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 là 124 tỷ đồng, và lỗ lũy kế là 263 tỷ đồng.

Do các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất nêu trên là các sự kiện có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 và đã được coi là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh của các công ty liên kết nêu trên, theo đó Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh bổ sung theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, đồng thời phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty

5. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA CÁC KHOẢN MỤC THAY ĐỔI (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để phản ánh đầy đủ các sự kiện này. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất có sự thay đổi như sau:

	Mã số	Trình bày tại báo cáo tài chính phát hành ngày 12/3/2014	Trình bày lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
(Lỗ) từ công ty liên kết	45	(35.551.458.423)	(131.083.086.624)	95.531.628.201
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.563.348.719.407	2.467.817.091.206	95.531.628.201
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	284.497.564.533	261.984.915.425	22.512.649.108
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.252.209.739.364	2.179.190.760.271	73.018.979.093
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	2.215.348.327.419	2.142.329.348.326	73.018.979.093
Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7.978.888.175	30.491.537.283	(22.512.649.108)
Đầu tư vào công ty liên kết	252	474.841.065.065	463.076.061.761	11.765.003.304
Tổng tài sản	270	10.794.563.584.080	10.805.311.229.884	(10.747.645.804)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(84.030.745.066)	(264.120.169)	(83.766.624.897)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.109.400.161.897	2.036.381.182.804	73.018.979.093
Tổng nguồn vốn	440	10.794.563.584.080	10.805.311.229.884	(10.747.645.804)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	2.563.348.719.407	2.467.817.091.206	95.531.628.201
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(391.768.669.839)	(296.237.041.638)	(95.531.628.201)

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tiền mặt	1.407.479.185	1.219.544.986
Tiền gửi ngân hàng	434.452.212.462	291.301.728.805
Các khoản tương đương tiền	3.596.526.666.667	5.336.854.584.375
	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	1.730.000.000.000	53.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam)	4.861.214.549	8.477.046.183
	1.734.861.214.549	62.077.046.183

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,5%/năm.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	63.567.708.786	48.753.979.736
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (i)	110.143.267.289	110.143.267.289
Khác	12.324.901.118	8.731.853.163
	186.035.877.193	167.629.100.188

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVFI”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư quá hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ khoản phải thu này.

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Hàng mua đang đi đường	92.540.186.877	178.255.480.490
Nguyên liệu, vật liệu	493.812.401.373	450.193.732.792
Công cụ, dụng cụ	4.443.958.641	9.459.673.251
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.033.767.857	42.736.222.678
Thành phẩm	229.724.768.898	363.035.130.445
Hàng hóa	490.842.608.434	142.245.767.436
	1.353.397.692.080	1.185.926.007.092
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.714.320.096)	(14.464.781.990)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.340.683.371.984	1.171.461.225.102

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Chi phí bảo hiểm tài sản	11.461.045.219	10.792.388.054
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.293.089.286	3.819.906.493
	16.754.134.505	14.612.294.547

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị: VNĐ				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	1.365.596.816.870	5.355.573.536.736	106.054.997.221	108.420.476.549	6.935.645.827.376
Mua trong năm	49.905.861.207	9.150.000.004	18.280.828.000	22.392.081.640	99.728.770.851
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	185.160.386.397	28.527.513.387	-	-	213.687.899.784
Tăng khác	127.000.000	-	-	-	127.000.000
Thanh lý	-	-	(934.447.000)	(68.027.778)	(1.002.474.778)
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45	(648.592.007)	(2.398.723.697)	(396.115.569)	(31.812.383.637)	(35.255.814.910)
Tại ngày 31/12/2013	1.600.141.472.467	5.390.852.326.430	123.005.262.652	98.932.146.774	7.212.931.208.323
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	663.762.997.059	4.979.212.995.570	65.382.568.073	57.559.648.797	5.765.918.209.499
Khấu hao trong năm	78.776.418.407	103.977.484.496	9.297.762.489	24.278.081.906	216.329.747.298
Thanh lý	-	-	(693.973.794)	(68.027.778)	(762.001.572)
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45	(278.361.565)	(1.689.805.371)	(304.206.117)	(23.573.624.972)	(25.845.998.025)
Tại ngày 31/12/2013	742.261.053.901	5.081.500.674.695	73.682.150.651	58.196.077.953	5.955.639.957.200
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	857.880.418.566	309.351.651.735	49.323.112.001	40.736.068.821	1.257.291.251.123
Tại ngày 31/12/2012	701.833.819.811	376.360.541.166	40.672.429.148	50.860.827.752	1.169.727.617.877

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.336.498.737.902 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.316.603.642.980 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được thế chấp để bảo đảm cho các hợp đồng vay ngắn, dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem Thuyết minh 19 và 23).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị: VNĐ				
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	738.031.157.677	171.441.137.057	45.429.866.943	10.335.196.396	965.237.358.073
Mua trong năm	44.904.320.085	295.589.119	2.258.543.454	-	47.458.452.658
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	130.953.404.100	-	755.000.000	-	131.708.404.100
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45	-	-	(487.382.709)	-	(487.382.709)
Tại ngày 31/12/2013	913.888.881.862	171.736.726.176	47.956.027.688	10.335.196.396	1.143.916.832.122
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	693.082.588	164.046.950.666	19.892.251.592	9.707.438.115	194.339.722.961
Khấu hao trong năm	10.680.695.910	2.464.890.762	9.004.269.875	259.807.938	22.409.664.485
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45	-	-	(181.140.993)	-	(181.140.993)
Tại ngày 31/12/2013	11.373.778.498	166.511.841.428	28.715.380.474	9.967.246.053	216.568.246.453
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	902.515.103.364	5.224.884.748	19.240.647.214	367.950.343	927.348.585.669
Tại ngày 31/12/2012	737.338.075.089	7.394.186.391	25.537.615.351	627.758.281	770.897.635.112

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 172.997.702.521 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 168.932.621.106 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Dự án Amoniac	46.248.899.367	44.003.993.921
Nhà ở Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.148.525.618
Kho Tây Ninh	23.573.596.728	23.268.818.182
Kho Đà Nẵng	22.875.662.950	22.875.662.950
Dự án nâng công suất phân xưởng NH ₃ nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng sản xuất NPK	15.264.114.882	-
Kho Cảng Cái Cui - Cần Thơ	-	235.149.280.732
Các công trình khác	39.499.480.375	69.320.385.474
	183.803.824.920	430.766.666.877

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Đơn vị: VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	84.498.516.000	229.963.111.556	314.461.627.556
Tăng khác	-	69.343.636	69.343.636
Tại ngày 31/12/2013	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	3.127.851.442	15.661.457.862	18.789.309.304
Khấu hao trong năm	1.482.325.638	9.294.756.658	10.777.082.296
Tại ngày 31/12/2013	4.610.177.080	24.956.214.520	29.566.391.600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	79.888.338.920	205.076.240.672	284.964.579.592
Tại ngày 31/12/2012	81.370.664.558	214.301.653.694	295.672.318.252

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Đầu tư vào Công ty liên kết	634.137.000.000	599.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(184.928.891.009)	(49.193.259.934)
Chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua (*)	13.867.952.770	9.245.301.847
Biến động tài sản thuần không trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	-	(68.049.986.579)
	463.076.061.761	491.002.055.334
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	11.250.837.108	57.670.829.097
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	451.825.224.653	433.331.226.237
	463.076.061.761	491.002.055.334

(*) Tổng Công ty đã xác định khoản lãi phát sinh tại ngày mua do chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") tại ngày đầu tư là 23.113.254.617 đồng. Ban Tổng Giám đốc quyết định phân bổ chênh lệch này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong thời gian là 5 năm kể từ năm 2011, mỗi năm khoảng 4,6 tỷ đồng.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	TP. Hải Phòng	25,00	25,00	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tổng tài sản	7.915.024.355.348	7.498.251.259.345
Tổng công nợ	6.046.983.353.656	5.527.170.293.453
Tài sản thuần	1.868.041.001.692	1.971.080.965.892
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	463.076.061.761	491.002.055.334

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Doanh thu thuần	575.737.275.580	231.226.267.769
(Lỗ) thuần	(490.638.192.635)	(151.017.268.293)
(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	(131.083.086.624)	(47.696.642.825)

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: VNĐ			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	31/12/2013	31/12/2012
Công ty			
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	10,27%	57.373.067.921	57.373.067.921
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao - Văn hóa Dầu khí (PSCC)	0,00%	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)	0,00%	-	4.750.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	6,78%	16.902.000.000	16.902.000.000
		77.875.067.921	83.625.067.921
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
Trong đó:			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)		(429.303.607)	-
		(429.303.607)	-
Giá trị thuần của khoản đầu tư		77.445.764.314	83.625.067.921

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và tự động hóa Dầu khí (PAIC) có dấu hiệu suy giảm giá trị và đã được trích lập dự phòng, các khoản đầu tư dài hạn còn lại không bị suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn này.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Trả trước tiền thuê đất	10.287.631.936	11.002.240.314
Vật tư phụ tùng thay thế	31.202.705.600	46.275.058.387
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.870.114.040	21.847.807.346
	66.360.451.576	79.125.106.047

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

Đơn vị: VNĐ					
	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Lợi nhuận chưa thực hiện	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2013	27.535.816.822	3.870.212.860	21.740.455.129	2.260.149.770	55.406.634.581
Ghi nhận trong năm	(13.767.908.411)	(3.870.212.860)	(10.084.275.451)	1.080.981.212	(26.641.415.510)
Tại ngày 31/12/2013	13.767.908.411	-	11.656.179.678	3.341.130.982	28.765.219.071

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: VNĐ		
	31/12/2013	31/12/2012
Vay ngắn hạn	63.597.620.515	27.737.630.442
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	16.587.977.180	7.737.630.442
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	1.557.998.400	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	24.451.644.935	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	21.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.807.915.817	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí Tài chính - PVFC)	1.807.915.817	-
	65.405.536.332	27.737.630.442

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên được dùng để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm và lãi suất vay như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Vay bằng VNĐ	63.597.620.515	27.737.630.442
Vay bằng USD	-	-
	63.597.620.515	27.737.630.442

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Vay tín chấp	26.009.643.335	20.000.000.000
Vay có đảm bảo bằng tài sản	37.587.977.180	7.737.630.442
	63.597.620.515	27.737.630.442

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Vay theo lãi suất thả nổi	-	-
Vay theo lãi suất cố định	63.597.620.515	27.737.630.442
	63.597.620.515	27.737.630.442

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Thuế giá trị gia tăng	12.186.769	3.598.392.806
Thuế xuất, nhập khẩu	-	639.449.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.922.734.971	114.684.953.982
Thuế thu nhập cá nhân	3.614.144.457	1.634.856.165
Các loại thuế khác	16.420.937	3.350.038.002
	13.565.487.134	123.907.690.077

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Đơn vị: VNĐ			
	Phải nộp	Trong năm		Phải nộp
Chỉ tiêu	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.066.163.315	31.362.489.739	34.416.466.285	12.186.769
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	532.229.491	85.392.651.680	85.924.881.171	-
Thuế xuất, nhập khẩu	639.449.122	26.429.455.876	27.068.904.998	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.400.846.955	261.984.915.425	388.790.598.996	(18.404.836.616)
Thuế thu nhập cá nhân	(1.788.122.476)	58.273.592.702	55.035.291.465	1.450.178.761
Thuế tài nguyên	-	534.204.689	534.204.689	-
Thuế môn bài	-	35.000.000	35.000.000	-
Các loại thuế khác	3.350.038.002	6.831.633.998	10.165.251.063	16.420.937
Tổng cộng	114.200.604.409	470.843.944.109	601.970.598.667	(16.926.050.149)
trong đó:				
-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	123.907.690.077			13.565.487.134
-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.707.085.668			30.491.537.283
+) Thuế thu nhập cá nhân	3.422.978.641			2.163.965.696
+) Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.284.107.027			28.327.571.587

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2015 (i)	43.421.052.000	151.714.209.145
Chi phí an sinh xã hội (ii)	47.550.892.095	73.570.862.067
Khác	69.692.956.915	80.605.234.552
	160.664.901.010	305.890.305.764

(i) Trong năm 2013, Tổng Công ty đã quyết toán chi phí bảo dưỡng và sửa chữa lớn Nhà máy đạm Phú Mỹ với số tiền hơn 169 tỷ đồng, và trích thêm 43.421.052.000 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy đạm Phú Mỹ cho năm 2015.

(ii) Theo Nghị quyết số 432/NQ-DKVN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong năm, Tổng Công ty đã trích lập chi phí thực hiện các hợp đồng an sinh xã hội 100 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 47.550.892.095 đồng.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Cổ tức phải trả	21.556.282.714	16.502.443.664
Phải trả, phải nộp khác	42.135.003.445	30.858.289.179
	63.691.286.159	47.360.732.843

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	4.861.214.549	8.477.046.183
	4.861.214.549	8.477.046.183
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	1.807.915.817	-
	3.053.298.732	8.477.046.183

Khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ phục vụ đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 25.310.821.434 đồng và được giải ngân nhiều lần. Thời hạn cho vay tối đa là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi áp dụng đối với tổ chức kinh tế bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (loại trả lãi cuối kỳ) cộng (+) 1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh số 11).

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Trong vòng một năm	1.807.915.817	-
Trong năm thứ hai	3.053.298.732	8.477.046.183
	4.861.214.549	8.477.046.183
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.807.915.817	-
Số phải trả sau 12 tháng	3.053.298.732	8.477.046.183

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2012	3.800.000.000.000	977.787.044	-	(83.961.341.647)	(74.411.767.146)	1.420.380.501.371	494.715.910.705	554.153.469	2.668.824.162.711	8.227.079.406.507
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	3.067.647.429.374	3.067.647.429.374
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	-	-	(1.486.131.615)	-	-	-	-	-	(1.486.131.615)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.109.783.021.689	320.289.286.079	423.251.609	(1.430.495.559.377)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(403.379.204.930)	(403.379.204.930)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.887.771.600.000)	(1.887.771.600.000)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	4.316.768.312	(24.895.749)	-	(8.298.584)	(3.753.890.870)	529.683.109
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	5.842	(4.708.156.088)	(2.060.472.458)	(203.409.973)	(35.718.070.796)	(42.690.103.473)
Số dư tại 01/01/2013	3.800.000.000.000	977.787.044	-	(85.447.473.262)	(70.094.992.992)	2.525.430.471.223	812.944.724.326	765.696.521	1.975.353.266.112	8.959.929.478.972
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.179.190.760.271	2.179.190.760.271
Cổ phiếu quỹ bán trong năm (1)	-	-	21.179.913.858	83.150.649.142	-	-	-	-	-	104.330.563.000
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	1.437.212.009	151.522.709.608	488.572.680	(153.448.494.297)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	(224.529.279.394)	(224.529.279.394)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.709.704.170.000)	(1.709.704.170.000)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	69.830.872.823	-	-	-	(2.144.587.421)	67.686.285.402
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(711.368.475)	(1.600.573.393)	(239.498.328)	(28.336.312.467)	(30.887.752.663)
Số dư tại 31/12/2013	3.800.000.000.000	977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(264.120.169)	2.526.156.314.757	962.866.860.541	1.014.770.873	2.036.381.182.804	9.346.015.885.588

(1) Phản ánh số tiền thu về từ việc bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty.

(2) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên với số tiền tương ứng 1.437.212.009 đồng, 151.522.709.608 đồng, 488.572.680 đồng và 224.529.279.394 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(3) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 1.703.754.320.000 đồng, trong đó tạm ứng cổ tức đợt 1 là 566.331.480.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) trong Quý 3/2012, đợt 2 là 377.554.320.000 đồng trong Quý 4/2012 (1.000 đồng/cổ phần), và đợt 3 (đợt cuối) công bố ngày 18 tháng 6 năm 2013 là 759.868.520.000 (2.000 đồng/cổ phần).

Ngày 30 tháng 10 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2013 với tổng số tiền 949.835.650.000 đồng, tương đương 2.500 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Đơn vị: VNĐ

Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	65.740	2.445.680
+ Cổ phiếu phổ thông	65.740	2.445.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	379.934.260	377.554.320
+ Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	377.554.320
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	31/12/2012 VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100,00	3.800.000.000.000

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các Công ty con được xác định như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Công ty CP PBHCDK Miền Trung	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty CP QL và PT nhà Dầu khí Miền Nam
Vốn điều lệ của công ty con	100.000.000.000	170.000.000.000	125.000.000.000	120.000.000.000	42.000.000.000	72.248.000.000
<i>Trong đó:</i>						
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	75.000.000.000	127.500.000.000	93.750.000.000	90.000.000.000	21.410.000.000	58.796.800.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	25.000.000.000	42.500.000.000	31.250.000.000	30.000.000.000	20.590.000.000	13.451.200.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	49,02%	18,62%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2013	31/12/2012
Tổng tài sản	326.512.640.944	316.462.317.586
Tổng nợ phải trả	(116.390.072.175)	(110.901.141.285)
Tài sản thuần	210.122.568.769	205.561.176.301
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	162.791.200.000	162.791.200.000
Các quỹ khác	17.574.758.370	15.023.318.174
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.756.610.399	27.746.658.127

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2013	31/12/2012
Lợi nhuận trong năm	140.155.072.628	193.655.983.195
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm	36.861.411.945	50.796.229.783

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (tiếp theo)

Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Đơn vị: VNĐ						
	Vốn điều lệ	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân hồi	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2013	162.791.200.000	940.194.604	9.234.811.020	4.112.054.342	736.258.208	27.746.658.127	205.561.176.301
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	36.861.411.945	36.861.411.945
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	711.368.475	1.600.573.393	239.498.328	(2.551.440.196)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.936.595.710)	(5.936.595.710)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(26.326.360.194)	(26.326.360.194)
(Giảm) khác	-	-	-	-	-	(37.063.573)	(37.063.573)
Số dư tại ngày 31/12/2013	162.791.200.000	940.194.604	9.946.179.495	5.712.627.735	975.756.536	29.756.610.399	210.122.568.769

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hòa chất và Dầu khí Đồng Nam Bộ.
- Sản xuất bao bì bao gồm: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam.

Các thông tin về bộ phận kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Đơn vị: VNĐ					
Tài sản	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Sản xuất bao bì	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng	
Tài sản bộ phận	11.747.695.124.365	117.108.671.352	109.424.612.749	(1.631.993.240.343)	10.342.235.168.123	
Đầu tư vào Công ty liên kết	634.137.000.000	-	-	(171.060.938.239)	463.076.061.761	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	
Tổng tài sản	12.381.832.124.365	117.108.671.352	109.424.612.749	(1.803.054.178.582)	10.805.311.229.884	
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	2.380.233.639.185	61.268.579.003	26.246.645.326	(1.218.576.087.987)	1.249.172.775.527	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	
Tổng nợ phải trả	2.380.233.639.185	61.268.579.003	26.246.645.326	(1.218.576.087.987)	1.249.172.775.527	

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2013

Đơn vị: VNĐ

	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Sản xuất bao bì	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.077.507.048.910	187.198.361.313	173.534.955.787	(14.027.317.503.834)	10.410.922.862.176
Các khoản giảm trừ doanh thu	109.893.552.670	-	-	(62.389.053.337)	47.504.499.333
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.967.613.496.240	187.198.361.313	173.534.955.787	(13.964.928.450.497)	10.363.418.362.843
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20.696.719.112.206	153.831.840.738	145.233.380.481	(13.984.593.312.016)	7.011.191.021.409
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.270.894.384.034	33.366.520.575	28.301.575.306	19.664.861.519	3.352.227.341.434
Doanh thu hoạt động tài chính	499.686.616.289	1.029.238.991	2.589.025.247	(74.667.865.647)	428.637.014.880
Chi phí tài chính	154.527.958.039	1.492.631.642	-	(148.287.299.561)	7.733.290.120
Chi phí bán hàng	635.545.476.626	4.440.331.897	2.215.033.460	(7.209.284.492)	634.991.557.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	533.636.989.021	17.913.884.105	17.774.052.594	(17.410.673.232)	551.914.252.488
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.446.870.576.637	10.548.911.922	10.901.514.499	117.904.253.157	2.586.225.256.215
Lợi nhuận khác	10.301.423.152	1.521.652.402	788.292.212	63.553.849	12.674.921.615
(Lỗ) từ công ty liên kết	-	-	-	(131.083.086.624)	(131.083.086.624)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.457.171.999.789	12.070.564.324	11.689.806.711	(13.115.279.618)	2.467.817.091.206
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	256.216.364.188	2.299.110.731	3.469.440.506	-	261.984.915.425
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.722.396.722	-	-	(1.080.981.212)	26.641.415.510
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.173.233.238.879	9.771.453.593	8.220.366.205	(12.034.298.406)	2.179.190.760.271

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm Đạm Phú Mỹ sang thị trường Campuchia, doanh thu bán hàng tại thị trường Campuchia là khoảng 50 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty là thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

27. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Đơn vị: VNĐ		
	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu	Tổng cộng
Năm 2013			
Doanh thu thuần	7.769.884.555.606	2.593.533.807.237	10.363.418.362.843
Giá vốn hàng bán	(4.479.754.137.332)	(2.531.436.884.077)	(7.011.191.021.409)
<i>Trong đó: (Trích lập)/ Hoàn nhập dự phòng</i>	<i>(161.444.387)</i>	<i>1.911.906.281</i>	<i>1.750.461.894</i>
Lợi nhuận gộp	3.290.130.418.274	62.096.923.160	3.352.227.341.434
Năm 2012			
Doanh thu thuần	12.266.371.295.753	1.055.480.759.218	13.321.852.054.971
Giá vốn hàng bán	(7.946.960.435.896)	(1.050.406.017.608)	(8.997.366.453.504)
<i>Trong đó: (Trích lập) dự phòng</i>	<i>(2.378.232.612)</i>	<i>(1.863.689.430)</i>	<i>(4.241.922.042)</i>
Lợi nhuận gộp	4.319.410.859.857	5.074.741.610	4.324.485.601.467

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Doanh thu Ure Phú Mỹ	7.105.995.304.152	8.276.212.412.521
Doanh thu Ure Cà Mau	522.216.939.091	3.535.949.440.237
Doanh thu điện	1.991.296.831	3.934.678.565
Doanh thu khác	181.752.723.295	562.284.713.016
	7.811.956.263.369	12.378.381.244.339
Chiết khấu thương mại	42.071.707.763	112.009.948.586
	7.769.884.555.606	12.266.371.295.753

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Chi phí nguyên vật liệu	3.411.455.860.911	3.435.431.008.397
Chi phí nhân công	447.887.406.792	432.001.285.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.516.494.079	212.835.006.048
Chi phí mua ngoài khác	1.053.681.045.081	1.089.868.917.039
Chi phí bằng tiền khác	153.238.029.011	351.694.809.540
	5.315.778.835.874	5.521.831.026.642

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Lãi tiền gửi	421.692.807.649	562.452.007.455
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.133.202.000	4.128.043.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.693.536.938	-
Khác	117.468.293	1.766.263.644
	428.637.014.880	568.346.314.499

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Lãi tiền vay	3.269.463.805	1.548.926.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.034.522.708	4.966.604.584
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	429.303.607	-
Khác	-	487.213.820
	7.733.290.120	7.002.744.862

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	256.561.351.045	482.588.578.713
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	5.423.564.380	47.008.541.958
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	-	(14.450.420.669)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	261.984.915.425	515.146.700.002

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm 2013 là năm thứ 6 Công ty mẹ - Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ 10 kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.142.329.348.326	3.016.851.199.591
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	379.587.933	377.555.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.644	7.990

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Trong vòng một năm	13.472.300.184	11.674.082.976
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	41.286.818.880	36.810.578.339
Sau năm năm	69.544.238.329	76.660.432.816
	124.303.357.393	125.145.094.131

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi. Bao gồm các Hợp đồng thuê sau:

- Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty mẹ đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Công ty mẹ đã ký thêm phụ lục hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê là 1.800 USD/tháng.
- Ngày 10 tháng 6 năm 2011, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VĐKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tổng diện tích thuê là 623 m² với số tiền thuê là 11.001 USD/tháng.
- Ngày 20 tháng 5 năm 2008, Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ ký Hợp đồng thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m² tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày thuê.
- Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đồng Nam Bộ ký Hợp đồng thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê là 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn năm năm và kết thúc tại ngày 07 tháng 3 năm 2018.

34. CAM KẾT KHÁC

Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam, giá mua khí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6,69 USD/MMBTU (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6,56 USD/MMBTU).

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Các khoản vay	68.458.835.064	36.214.676.625
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166
Nợ thuần	(3.963.927.523.250)	(5.593.161.181.541)
Vốn chủ sở hữu	9.346.015.885.588	8.959.929.478.972
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu (*)	-	-

(*) Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bằng 0 đồng do Tổng Công ty chủ yếu hoạt động bằng vốn chủ sở hữu.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Đơn vị: VNĐ	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.818.864.808	94.525.586.860
Đầu tư ngắn hạn	1.734.861.214.549	62.077.046.183
Đầu tư dài hạn khác	77.445.764.314	83.625.067.921
Tài sản tài chính khác	1.074.179.400	359.886.496
Tổng cộng	6.017.586.381.385	5.869.963.445.626
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	68.458.835.064	36.214.676.625
Phải trả người bán và phải trả khác	668.495.853.812	443.807.357.430
Chi phí phải trả	160.664.901.010	305.890.305.764
Tổng cộng	897.619.589.886	785.912.339.819

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Đơn vị: VNĐ			
	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Đô la Mỹ (USD)	121.915.416.471	301.172.880	135.424.559.029	64.381.819.563
Euro (EUR)	51.641.681.399	-	52.505.301.977	6.940.940.363

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

Đơn vị: VNĐ

	2013	2012
Đô la Mỹ (USD)	270.182.851	1.281.612.934
Euro (EUR)	17.272.412	138.818.807

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 429.303.607 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng bao gồm: phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) về ủy thác vốn đầu tư và lãi ủy thác dự thu với số tiền 110.143.267.289 đồng; phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan tiền ứng trước mua hàng hóa với số tiền 9.153.800.000 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Đơn vị: VNĐ		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.032.386.358.314	-	4.032.386.358.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.818.864.808	-	171.818.864.808
Đầu tư ngắn hạn	1.734.861.214.549	-	1.734.861.214.549
Đầu tư dài hạn khác	-	77.445.764.314	77.445.764.314
Tài sản tài chính khác	42.000.000	1.032.179.400	1.074.179.400
Tổng cộng	5.939.108.437.671	78.477.943.714	6.017.586.381.385
31/12/2013			
Các khoản vay	65.405.536.332	3.053.298.732	68.458.835.064
Phải trả người bán và phải trả khác	668.495.853.812	-	668.495.853.812
Chi phí phải trả	160.664.901.010	-	160.664.901.010
Tổng cộng	894.566.291.154	3.053.298.732	897.619.589.886
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.044.542.146.517	75.424.644.982	5.119.966.791.499

	Đơn vị: VNĐ		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.629.375.858.166	-	5.629.375.858.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.525.586.860	-	94.525.586.860
Đầu tư ngắn hạn	62.077.046.183	-	62.077.046.183
Đầu tư dài hạn khác	-	83.625.067.921	83.625.067.921
Tài sản tài chính khác	66.630.852	293.255.644	359.886.496
Tổng cộng	5.786.045.122.061	83.918.323.565	5.869.963.445.626
31/12/2012			
Các khoản vay	27.737.630.442	8.477.046.183	36.214.676.625
Phải trả người bán và phải trả khác	443.807.357.430	-	443.807.357.430
Chi phí phải trả	305.890.305.764	-	305.890.305.764
Tổng cộng	777.435.293.636	8.477.046.183	785.912.339.819
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.008.609.828.425	75.441.277.382	5.084.051.105.807

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Đồng chủ sở hữu
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	Công ty liên doanh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Đồng chủ sở hữu

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.086.913.797.776	1.214.420.050.375
Cổ tức trả Tập đoàn	1.049.419.138.500	1.166.021.265.000
Phí Quản lý nộp Tập đoàn	37.494.659.276	48.398.785.375
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	199.921.344.519	409.405.971.213
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	62.791.699.995	112.688.034.930
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	6.361.904.762	137.787.125.631
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	71.009.436.905	13.730.053.549
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	19.520.214.800	94.726.476
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	14.497.214.286	20.981.904.763
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	19.770.303.213	1.457.972.313
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	3.697.918.690	6.512.293.829

	Đơn vị: VNĐ	
	2013	2012
Mua hàng hoá và dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	2.788.210.950.691	2.693.346.460.631
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	469.994.146.315	1.350.160.602.745
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	52.771.424.059	2.547.521.956
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	44.494.944.824	3.792.920.781
Công ty Bảo hiểm PVI TP. Hồ Chí Minh	113.543.371.316	28.827.043.945
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.983.744.700	9.653.025.001
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	3.891.587.441	101.231.043.027
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	-	1.940.297.422.598
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	5.566.759.700	115.226.579.044

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2013	31/12/2012
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	281.533.038.085	260.220.695.802
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	17.077.966.511	28.263.134.703
Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	19.172.400.000	-
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.


TRẦN XUÂN THẢO

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014


HUỲNH KIM NHÂN

Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN TÙNG

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Được đăng tải tại website của Tổng Công ty tại địa chỉ:
www.dpm.vn

**ĐẠM PHÚ MỸ
NPK PHÚ MỸ
KALI PHÚ MỸ
DAP PHÚ MỸ
PHÂN BÓN PHÚ MỸ**
Cho mùa bội thu



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
Tel: (84.8) 3825 6258 Fax: (84.8) 3825 6269

www.dpm.vn